

CHỦ ĐỀ I
SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ
SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945-2000)

I/ HỘI NGHỊ IANTA

Câu 1: Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh từ ngày 1 đến ngày 12-2-1945 được tổ chức tại đâu?

- A. Tại Oa- Sinh –Ton (Anh) B. Tại I- an- ta (Liên Xô)
C. Tại Pốt- xdam (Đức) D. Tại Luân Đôn (Anh)

Câu 2: Ghi tên người đứng đầu 3 nước tham dự Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh?

Ba cường quốc	Tên đại biểu dự Hội nghị
1) Liên Xô	A.
2) Mĩ	B.
3) Anh	C.

Câu 3: Để kết thúc chiến tranh ở Châu Âu, và Châu Á –Thái Bình Dương, ba cường quốc đã thống nhất mục đích gì?

- A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
B. Hồng quân Liên Xô nhanh chóng tấn công vào tận sào huyệt của Phát xít Đức ở Béc-lin
C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát- xít Đức và quân phiệt Nhật
D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 4: Hãy điền vào chỗ trống các câu sau đây:

- A. Đề nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở Châu Âu và châu Á Thái Bình Dương và..... sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á- Thái Bình Dương
B. Ba cường quốc thống nhất thành lập tổ chức dựa trên sự nhất trí của 5 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp và Trung Quốc.
C. Hội nghị tiến đến thỏa thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải pháp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng gì.....

Câu 5: Theo qui định của Hội nghị I- an – ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Tây Đức, I- ta- li- a, Nhật Bản, Nam Triều Tiên sau chiến tranh thế giới thứ hai:

- A. Liên Xô B. Anh C. Mĩ D. Pháp

Câu 6: Theo qui định của Hội nghị I- an – ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng Đông Đức, Đông Âu, Đông Bắc, Triều Tiên sau chiến tranh thế giới thứ hai. :

- A. Liên Xô B. Anh C. Mĩ D. Pháp

Câu 7: Trật tự thế giới mới theo khuôn khổ thỏa thuận I- an –ta của những nước nào?

- A. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ B. Liên Xô, Mĩ, Anh
C. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ, Trung Quốc D. Anh, Pháp, Mĩ

ĐÁP ÁN:

1B; 2 (A-XTALIN, B-RUDOVEN, C-SƠOC-XIN); 3C; 4 (A-LIÊN XÔ, B-LIÊN HỢP QUỐC, C CHÂU ÂU VÀ CHÂU Á); 5C; 6A; 7B

II/ QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI:

Câu 1: Ghi đúng (Đ) hoặc (S) vào các ô đặt trước những câu sau đây về việc giải quyết vấn đề các nước phát xít chiến bại sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- ☐ A. Nội dung và tinh thần cơ bản của việc giải quyết vấn đề nước Đức là quy định những nguyên tắc và biện pháp nhằm dân chủ hóa và hòa bình hóa nước Đức.
B. Ở Đông Đức và Tây Đức, Mĩ, Anh, Pháp đã dung túng, nuôi dưỡng lực lượng quân phiệt được nhiều hình thức khác nhau.
C. Liên Xô đã giúp đỡ các lực lượng dân chủ ở Đông Đức tiến hành những cải cách dân chủ
☐ D. Chủ quyền của Nhật Bản giới hạn trên đất Nhật chính thống
☐ E. Nhật Bản không được phát triển công nghiệp hòa bình
☐ F. Mĩ và các nước đồng minh đã phải tổ chức tòa án Tô-ki-ô xét xử tội phạm chiến tranh.

- ☐ 3. Từ sau hội nghị cấp cao I- an- ta đến hòa ước Pa-ri, các nước Đồng minh đã thiết lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh.

Câu 2: Tháng 3- 1947, Tổng Thống To- ru- man của Mĩ chính thức phát động cuộc “chiến tranh lạnh” nhằm mục đích gì?

- A. Chống LX và các nước XHCN
B. Giữ vững nền hòa bình, an ninh tg sau ctr
C. Xoa dịu tinh thần đấu tranh của CN các nước
D. Chống pt gpdt ở Mĩ la tinh

Câu 3: Liên Xô và Mĩ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến “chiến tranh lạnh” vào thời điểm nào?

- A. Trước chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Trong chiến tranh thế giới thứ hai.
C. Sau chiến tranh thế giới thứ hai.
D. Trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 4: Sau chiến tranh thế giới thứ hai mưu đồ bao quát của Mĩ là:

- A. Tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ la- tinh
C. Tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
D. Làm bá chủ toàn thế giới.

Câu 5: Để thực mưu đồ làm bá chủ thế giới, trước hết Mĩ lo ngại đến vấn đề gì?

- A. Ảnh hưởng của Liên Xô đối với các khu vực trên thế giới.
B. Những thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu.
C. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.
D. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Câu 6: Bản thông điệp mà tổng thống To- ru- man gửi Quốc hội Mĩ ngày 12-3-1947 được xem là sự khởi đầu cho:

- A. Chính sách thực lực của Mĩ sau chiến tranh.
B. Mưu đồ làm bá chủ thế giới của Mĩ.
C. Chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng chiến tranh lạnh.
D. Chính sách chống các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 7: Vì sao học thuyết To- ru- man vừa mới ra đời đã vấp phải sự phản kháng của thế giới?

- A. Vì bản chất phi nghĩa của nó.
B. Vì bản chất chống cộng của nó.
C. Vì bản chất bành trướng của nó.
D. Vì bản chất đe dọa nền hòa bình của nó đối với nhân loại.

Câu 8: Tháng 6- 1947 diễn ra sự kiện gì ở Mĩ có liên quan đến các nước Tây Âu?

- A. Mĩ thành lập khối quân sự NATO
B. Mĩ thành lập khối CENTO
C. Mĩ thành lập khối SEATO
D. Mĩ đề ra “kế hoạch Mác- san”

Câu 9: Nước nào dưới đây không có trong 11 nước gia nhập khối NATO năm 1949 do Mĩ cầm đầu?

- A. Đan mạch, Na uy, Bồ Đào Nha
B. Anh, Pháp, Hà Lan
C. Đức, Tây Ban Nha, Hi Lạp
D. I-ta-li-a, Bỉ, Lúc- Xăm bua.

Câu 10: Sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa được tạo nên bởi:

- A. Học thuyết To- ru- man của Mĩ.
B. “Kế hoạch Mác- san” và sự ra đời của khối quân sự NATO
C. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.
D. Sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 11: Hiệp ước Vác- sa- va, một liên minh chính trị – quân sự giữa Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu được thành lập vào thời gian nào và mang tính chất gì?

- A. Thành lập vào tháng 5- 1955, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Thành lập vào tháng 7- 1955, mang tính chất chạy đua vũ trang với Mĩ và Tây Âu.
C. Thành lập vào tháng 5- 1955, mang tính chất cạnh tranh về quân sự với Mĩ và Tây Âu.
D. Thành lập vào tháng 5- 1950, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 12: Sự kiện nào chứng tỏ rằng đã đến lúc chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới?

- A. Mĩ thông qua “kế hoạch Mác- san”
B. “Kế hoạch Mác- san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.
C. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức hiệp ước Vác- sa-va
D. Sự ra đời và hoạt động của tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va

Câu 13: Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công (10- 1949), cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có những điều kiện thuận lợi gì?

- A. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc.
- B. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa
- C. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc và các nước Châu Á.
- D. Buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam.

Câu 14: Thực dân Pháp buộc phải công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương vào thời gian nào?

- A. Ngày 5-7-1954
- B. Ngày 21-9-1954
- C. Ngày 21-7-1954
- D. Ngày 20-9-1954

Câu 15: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, quân đội nước nào chiếm đóng Triều Tiên?

- A. Liên Xô ở miền bắc Triều Tiên, Mĩ ở Nam Triều Tiên.
- B. Mĩ ở Bắc Triều Tiên, Liên Xô ở Nam Triều Tiên.
- C. Anh, Mĩ ở miền Bắc Triều Tiên, Liên Xô ở Nam Triều Tiên.
- D. Liên Xô các nước xã hội chủ nghĩa ở Bắc Triều Tiên, Mĩ và các nước Tây Âu ở Nam Triều Tiên.

Câu 16: Cuối năm 1948 diễn ra sự kiện gì ở Nam Bắc Triều Tiên?

- A. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên được thành lập ở phía Bắc.
- B. Nước Đại Hàn dân quốc được thành lập ở phía Nam.
- C. Quân đội Nhân dân Triều Tiên vĩ tuyến 38 mở cuộc tấn công xuống phía nam.
- D. Câu A và B là phương án đúng.

Câu 17: Tháng 10- 1950, Quân chí nguyện Trung Quốc tiến vào Triều Tiên để làm gì?

- A. Xâm lược Triều Tiên
- B. Kháng Mĩ, viện Triều Tiên.
- C. Cùng với Mĩ xâm lược Triều Tiên
- D. Tranh chấp vùng đất Triều Tiên với Mĩ

Câu 18: Ngày 17-7-1953, Hiệp định đình chiến được kí kết giữa các thế lực nào để giải quyết vấn đề về Triều Tiên và Hàn Quốc?

- A. Giữa Trung Quốc –Triều Tiên với Mĩ- Hàn Quốc.
- B. Giữa Nam Triều Tiên với Bắc Triều Tiên.
- C. Giữa Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên với Đại Hàn dân quốc.
- D. Giữa Liên Xô với Mĩ để phân chia khu vực ảnh hưởng ở Nam- Bắc Triều Tiên.

Câu 19: Trước sự đe dọa của Mĩ đối với Cu-ba, mùa hè năm 1962, chính quyền Liên Xô và Cu-ba đã thỏa thuận điều gì?

- A. Liên Xô đưa quân đội sang Cu-ba, giúp nhân dân Cu-ba chống Mĩ.
- B. Liên Xô và Cu-ba thỏa thuận hợp tác chống Mĩ đến cùng.
- C. Liên Xô xây dựng căn cứ tên lửa đạn đạo tầm trung trên lãnh thổ Cu-ba
- D. Tất cả các thỏa thuận trên.

Câu 20: Lấy cớ gì mà ngày 22- 10 -1962, Tổng thống Mĩ Ken- nơ- đi lên án những hoạt động quân sự của Liên Xô tại Cu-ba?

- A. Lấy cớ Liên Xô xâm lược Cu- ba
- B. Lấy cớ an ninh nước Mĩ bị đe dọa.
- C. Lấy cớ Châu Mĩ là của người Mĩ
- D. Lấy cớ Cu-ba là sân sau êm đềm của Mĩ

Câu 21: Sau hiệp định Giơ- ne-vơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đã nhanh chóng hắt cẳng Pháp dựng nên chính quyền tay sai ở miền Nam, đó là:

- A. Chính quyền Bảo Đại.
- B. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.
- C. Chính quyền Ngô Đình Diệm
- D. Chính quyền Trần Trọng Kim.

Câu 22: Âm mưu của Mĩ trong việc xâm chiếm miền nam Việt Nam là:

- A. Chia cắt lâu dài Việt Nam.
- B. Biến miền nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.
- C. Biến miền nam Việt Nam thành trung tâm của chiến lược toàn cầu của Mĩ,
- D. Câu A và B đúng.

Câu 23: Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông và Tây Đức vào thời gian nào?

- A. Ngày 9-11-1972
- B. Ngày 27-1-1973
- C. Ngày 20-1-1973
- D. Ngày 28-2-1972

Câu 24: Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược Liên Xô và Mỹ kí vào thời gian nào? Gọi tắt là gì?

- A. Vào ngày 26-5-1972, gọi tắt là SALT-1
- B. Vào ngày 25-6-1974, gọi tắt là SALT-2
- C. Vào ngày 15-5-1972, gọi tắt là ABM
- D. Vào ngày 26-3-1973, gọi tắt là ABM1

Câu 25: Đầu tháng 8-1975, 35 nước Châu Âu cùng với những nước nào kí kết Định ước Hen- xin- ki?

- A. Cùng với Mỹ và Liên Xô
- B. Cùng với Mỹ và Pháp.
- C. Cùng với Mỹ và Anh
- D. Cùng với Mỹ và Ca-na-đa

Câu 26: Đầu tháng 12- 1989 đã diễn ra cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ Bu-Sơ ở đâu?

- A. Ở Luân Đôn (Anh)
- B. Ở I- an- ta (Liên Xô)
- C. Ở Man-ta (Địa Trung Hải)
- D. Ở Oa-sinh-ton (Mĩ)

Câu 27: Trong cuộc gặp gỡ không chính thức của Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ Bu- Sơ đã cùng tuyên bố vấn đề gì?

- A. Vấn đề chấm dứt chạy đua vũ trang.
- B. Vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân hủy diệt.
- C. Vấn đề chấm dứt chiến tranh lạnh
- D. Vấn đề giữ gìn hòa bình, an ninh cho nhân loại.

Câu 28: Những năm 1989- 1991 đã diễn ra sự kiện gì gắn với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

- A. Liên Xô và các nước Đông Âu cắt đứt quan hệ với nhau.
- B. Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.
- C. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bước vào thời kì ổn định.
- D. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết bị tan rã.

Câu 29: Ngày 28- 6-1991 diễn ra sự kiện gì gắn với các nước xã hội chủ nghĩa.

- A. Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Hội đồng Tương trợ kinh tế tuyên bố giải thể.
- C. Tổ chức Hiệp ước Vác- sa- va tuyên bố chấm dứt hợp đồng.
- D. Liên Xô tuyên bố cắt đứt quan hệ với các nước Đông Âu.

Câu 30: Năm 1991, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

- A. Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.
- B. Trật tự hai cực I- an – ta bị xói mòn.
- C. Trật tự hai cực I- an – ta bị sụp đổ
- D. Xô- Mĩ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

Câu 31: Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B về quan hệ quốc tế (1945- 2000) theo yêu cầu sau đây:

A	B
1) 6- 1947	A. Hiệp định đình chiến lược được kí kết giữa Trung Quốc- Triều Tiên với Mĩ- Hàn Quốc.
2) 4- 4- 1949	B. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập tổ chức Hiệp ước Vác- sa- va
3) 5-1955	C. Mĩ đề ra kế hoạch “Mác- san”
4) 12- 1946	D. Hiệp định Giơ- ne- vơ về vấn đề Đông Dương được ký kết
5) 21-7-1954	E. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lan rộng trên toàn cõi Đông Dương.
6) 25-6-1950	F. Tổ chức Hiệp ước Vác- sa- va chấm dứt hoạt động
7) 27-7-1953	G. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng bí thư Liên Xô Gooc- ba –chốp và Tổng thống Mĩ Bu- sơ.
8) 9-11-1972	H. Mĩ thành lập khối quân sự NATO
9) 12- 1989	I. Quân đội Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38 tấn công xuống phía Nam.
10) 1-7-1991	K. Cộng hòa Dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức kí Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

ĐÁP ÁN:

1 (ACDFG ĐÚNG-BE SAI); 2A; 3C; 4D; 5C; 6C; 7B; 8D; 9C; 10B; 11A; 12B; 13B; 14C; 15A; 16D; 17B; 18A; 19C; 20B; 21C; 22D; 23A; 24A; 25D; 26C; 27C; 28D; 29B; 30C; 31 (1C.2H.3B.4E.5D.6I.7A.8K.9G.10F)

**SỰ RA ĐỜI PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC.
XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI
(1945-2000)**

I/ SỰ RA ĐỜI PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC.

Câu 1: Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc tại Hội nghị nào:

- A. Hội nghị I- an- ta (Liên Xô): 9-2-1945
C. Hội nghị Pôt- xdam (Đức): 7-8-1945

- B. Hội nghị Xan- phơ- ran- xi- cô (Mĩ): 4-6-1945
D. Câu A, B đúng

Câu 2: Nhiệm vụ chính là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiệm vụ chính của :

- A. Liên minh châu Âu
C. ASEAN

- B. Hội nghị I – an – ta
D. Liên hợp quốc

Câu 3: Hãy nối nội dung dưới đây cho phù hợp với mục đích và nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc:

	Nội dung
1. Mục đích	A. Quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền dân tộc tự quyết B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước C. Duy trì nền hòa bình và an ninh thế giới D. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình
2. Nguyên tắc	E. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia và nguyên tắc dân tộc tự quyết. F. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.

Câu 4: Khối thị trường chung Châu Âu (EEC) ra đời vào năm nào?

- A. 1947 B. 1957 C. 1967 D. 1975

Câu 5: Các thành viên đầu tiên của khối thị trường chung Châu Âu (EEC) gồm:

- A. Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I – ta- li-a, Hà Lan.
B. Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha
C. Pháp, Đức, I-ta-li- a, Bỉ, Hà Lan, Luc- xem –bua
D. Pháp, Đức, Bỉ, Hà- Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha.

Câu 6: Tên gọi khác của khối thị trường chung Châu Âu (EEC) là gì?

- A. Cộng đồng kinh tế Châu Âu B. Liên minh châu Âu. C. A, B đúng D. A, B sai.

Câu 7: Hiệp ước Ba-li (2-1976) đã nêu ra nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước ASEAN là gì?

- A. Cùng nhau tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.
B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình D. Hợp tác phát triển có kết quả.
E. Cả bốn nguyên tắc nói trên.

Câu 8: Từ năm 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN như thế nào?

- A. Quan hệ hợp tác song phương. B. Quan hệ đối thoại.
C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế. D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Campuchia

Câu 9: Năm 1997, ASEAN đã kết nạp thêm các thành viên nào?

- A. Lào, Việt Nam B. Cam-pu-chia, Lào.
C. Lào, Mi-an-ma D. Mi- an- ma, Việt Nam.

Câu 10: Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?

- A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế
C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

ĐÁP ÁN:

1A; 2D; 3 (1CE-2ABDF); 4B; 5C; 6C; 7E; 8D; 9C; 10B

II/ CÁCH MẠNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Câu 1. Nối các nội dung sau đây cho phù hợp với nguồn gốc và đặc điểm của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai.

Tiết mục	Nội dung
1.Nguồn gốc	A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều được bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. B. Cách mạng khoa học – kĩ thuật đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người. C. Khoa học – kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. D. Chiến tranh bùng nổ cần ứng dụng kho học – kĩ thuật.
2.Đặc điểm	E. Hậu quả của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao F. Sự bùng nổ dân số, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt.

Câu 2. Ghi tiếp nội dung vào chỗ trống sau đây nói về thành tựu của cách mạng khoa học – kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- A. Khoa học cơ bản.....
B. Nhiều ngành khoa học mới.....
C. Những ngành khoa học mới kết hợp giữa khoa học tự nhiên và khoa học – kĩ thuật.....
D. Hiện nay các nhà khoa học đang nghiên cứu để giải quyết những vấn đề cấp bách về khoa học kĩ thuật phục vụ cuộc sống con người như.....

Câu 3. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô dưới đây nói về những mặt tích cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

- A. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và nâng cao lao động.
B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo, đưa con người bay vào vũ trụ.
C. Năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều được sử dụng.
D. Đưa tới những thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư với xu hướng dân số lao động trong nông nghiệp giảm đi, dân số trong các ngành dịch vụ tăng lên.
E. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh mới.
F. Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học – kĩ thuật ngày càng được quốc tế hóa cao.
G. Công cụ sản xuất mới, máy tính điện tử, máy tự động, người máy (Robot) và hàng loạt những công cụ mới với chức năng hết sức hiện đại.

Câu 4. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai là nước nào trong hệ thống tư bản chủ nghĩa ?

- A. Anh B. Nhật C. Mĩ D. Liên Xô

Câu 5. Hai cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật mà nhân loại đã trải qua là những cuộc cách mạng nào, diễn ra vào thời gian nào ?

- A. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.
B. Cuộc cách mạng kĩ thuật thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học – kĩ thuật thế kỉ XX.
C. Cuộc cách mạng kĩ thuật và cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX và cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX đến nay.
D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX và cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XX.

Câu 6. Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật là gì ?

- A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất
B. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc, vật liệu).
C. Cải tiến việc quản lý sản xuất. D.Cải tiến việc phân công lao động.

Câu 7. Điểm khác nhau cơ bản của khoa học khác với kĩ thuật là gì?

- A. Khoa học cơ bản đi trước kĩ thuật.
B. Khoa học phát minh, phát hiện các quy luật trong các lĩnh vực Toán, Lí, Hóa, Sinh.
C. Khoa học tạo điều kiện để kĩ thuật phát triển. D.A,B,C đúng.

Câu 8. Nguồn gốc sâu xa chung của hai cuộc cách mạng; cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX và cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì ?

- A. Do sự bùng nổ dân số.
B. Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người.
C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.

D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 9. Điểm nào dưới đây không có trong cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ nhất và là đặc trưng của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai ?

- A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.
- C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 10. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của cuộc cách mạng nào ?

- A. Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ nhất.
- B. Cách mạng công nghiệp.
- C. Cách mạng văn minh tin học.
- D. Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ 2.

Câu 11. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai diễn ra theo những phương hướng nào ?

- A. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.
- B. Đẩy mạnh tự động hóa công cụ lao động, chế tạo công cụ mới.
- C. Tìm những nguồn năng lượng mới.
- D. A,B,C đúng.

Câu 12. Loại công cụ lao động nào do cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như “trung tâm thần kinh” kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục ?

- A. Người máy (Robot)
- B. Máy tính điện tử
- C. Hệ thống máy tự động
- D. Máy tự động

Câu 13. Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới ?

- A. Toán học
- B. Vật lí học
- C. Hóa học
- D. Sinh học

Câu 14. Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học – kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người ?

- A. Phát minh sinh học
- B. Phát minh hóa học
- C. “Cách mạng xanh”
- D. Tạo ra công cụ lao động mới.

Câu 15. Máy tính điện tử đầu tiên ra đời ở nước nào ?

- A. Mỹ
- B. Nhật
- C. Liên Xô
- D. Anh

Câu 16. Người máy Robot lần đầu tiên ra đời ở nước nào ?

- A. Mỹ
- B. Nhật
- C. Anh
- D. Đức

Câu 17. Cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp bắt nguồn từ nước nào ?

- A. Mỹ
- B. Ấn Độ
- C. Nhật
- D. Mê-hi-cô

Câu 18. Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ ?

- A. Mỹ
- B. Liên Xô
- C. Nhật
- D. Trung Quốc

Câu 19. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại dẫn đến hiện tượng gì ?

- A. Sự đầu tư và khoa học cho lãi cao
- B. Sự bùng nổ thông tin
- C. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế
- D. Cháy máu chất xám.

Câu 20. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai ?

- A. Tạo ra một khối lượng hàng hóa đồ sộ
- B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.
- C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất
- D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 21. Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn chỉnh trích đoạn dưới đây về ý nghĩa và tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai.

“Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật có ý nghĩa vô cùng to lớn như một cuộc mọc(A)..... của loài người, đã mang lại những tiến bộ(B).....,(C)..... và những thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.

Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật cho phép con người thực hiện(D)..... và năng suất lao động, nâng cao.

Câu 22. Đầu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai ?

- A. Cách mạng khoa học – kĩ thuật chế tạo vũ khí đặt nhân loại trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mới.
- B. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.
- C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.
- D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

Câu 23. Hãy nối sự kiện ở cột B phù hợp với niên đại ở cột A.

A	B
1. 1949	A. Đặt chân lên Mặt Trăng
2. 1945	B. Máy tính điện tử ra đời
3. 1969	C. Con người bay vào vũ trụ
4. 1946	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử
5. 1961	E. Bom nguyên tử ra đời
6. 1957	F. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên
7. 04-2003	G. “Máy tính mô phỏng thế giới”
8. 03-2002	H. “Bản đồ gene người” được giải hoàn chỉnh

Câu 24. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật diễn ra từ những năm 40 đến nay có điểm nào khác nhau cơ bản với cách mạng khoa học – kĩ thuật trước đây ?

- A. Nó đã kết hợp chặt chẽ giữa cách mạng khoa học và cách mạng kĩ thuật.
- B. Nó đã đạt được những thành tựu rất cao.
- C. Nó đã có những phát minh, sáng chế mới.
- D. Nó đã đưa loại người bước vào nền văn minh công nghiệp.

Câu 25. Hai yếu tố khoa học và kĩ thuật không tách rời nhau, đó là đặc điểm của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ mấy ?

- A. Lần thứ nhất
- B. Lần thứ hai
- C. Lần thứ ba
- D. Lần thứ tư

Câu 26. Giai đoạn thứ nhất của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

- A. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX
- B. Từ những năm 30 đến những năm 70 của thế kỉ XX
- C. Từ những năm 40 đến những năm 70 của thế kỉ XX
- D. Từ những năm 50 đến những năm 80 của thế kỉ XX

Câu 27. Giai đoạn thứ hai của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

- A. Từ những năm 70 đến những năm 80 của thế kỉ XX
- B. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX
- C. Từ cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 đến nay
- D. Từ những năm 80 đến nay.

Câu 28. Từ năm 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu ?

- A. Cách mạng xanh trong nông nghiệp
- B. Cách mạng trắng trong nông nghiệp
- C. Cách mạng công nghiệp
- D. Cách mạng công nghệ

Câu 29. Muốn sản xuất ra được nhiều của cải, con người cần :

- A. Dựa vào bản thân sức lao động của mình.
- B. Tìm cách để không ngừng cải tiến kĩ thuật, hoàn thiện những phương tiện sản xuất
- C. Câu A và B đều đúng
- D. Câu A và B đều sai

Câu 30. Kĩ thuật muốn tiến bộ, trước hết phải dựa vào :

- A. Sự phát triển của khoa học cơ bản
- B. Sự văn minh của nhân loại.
- C. Yêu cầu của sự văn minh nhân loại.
- D. Yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất.

Câu 31. Những yếu tố nào đã trở thành nguồn gốc sâu xa dẫn tới cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX và cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay ?

- A. Yêu cầu của kĩ thuật và đời sống xã hội.
- B. Yêu cầu của chiến tranh và sự gia tăng dân số.
- C. Yêu cầu của văn minh nhân loại.
- D. Yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất.

Câu 32. Khi dân số bùng nổ, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nhân loại đang cần đến những yếu tố nào ?

- A.Những công cụ sản xuất mới, có kĩ thuật cao. B.Nguồn năng lượng mới và vật liệu mới.
C.Tài nguyên thiên nhiên được tái tạo lại. D.Câu A và B đều đúng.

ĐÁP ÁN:

1(1BDF-2ACE); 2 (A.Toán lý hóa sinh học, B.Khoa học vũ trụ, du hành vũ trụ,C. Điều khiển học, sinh vật học, C. Năng lượng công cụ sx,vật liệu mới, chống ô nhiễm môi trường) 3(ADEF đúng-BCG sai); 4C; 5C; 6B; 7D; 8B; 9A; 10D; 11D; 12B; 13B; 14C; 15A; 16A; 17B; 18B; 19B; 20C; 21(A.Chối lợi trong ls tiến hóa văn minh, B.Phi thường, C.Những thành tựu kì diệu, C.Những bước nhảy vọt về SX); 22C; 23(1D,2E,3A,4B,5C,6F,7H,8G); 24A; 25B; 26C; 27C; 28D; 29C; 30A; 31D; 32D;

CHỦ ĐỀ III

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945- 1991) LIÊN BANG NGÀ (1991-2000)

Câu 1: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đế quốc do Mỹ cầm đầu đã thực hiện âm mưu cơ bản gì để chống lại Liên Xô?

- A.Tiến hành bao vây kinh tế B. Phát động “chiến tranh lạnh”
C.Đẩy mạnh chiến tranh tổng lực D. Lôi kéo các nước đồng minh chống lại Liên Xô

Câu 2: Từ năm 1946- 1950, Liên Xô đã đạt được những thắng lợi to lớn gì trong cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- A. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế
B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất
C. Xây dựng cơ sở vật chất- kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội
D. Thành lập liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

Câu 3: Năm 1949 đã ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô bằng sự kiện nổi bật nào?

- A. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo
B. Liên Xô đập tan âm mưu thực hiện cuộc “Chiến tranh lạnh” của Mỹ
C. Liên Xô thực hiện được kế hoạch dài hạn
D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử

Câu 4: Trong các câu dưới đây, câu nào đúng (Đ), câu nào sai (S) khi nói đến thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1945 đến nửa đầu những năm 70):

TT	Nội dung	Đ	S
1.	Năm 1960, tổng sản lượng nông nghiệp tăng 72% so với trước chiến tranh		
2.	Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào năm 1922		
3.	Trong những năm 1946- 1950, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ)		
4.	Liên Xô là nước đi đầu trong một số ngành công nghiệp mới, công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện nguyên tử.		
5.	Năm 1957, Liên Xô phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Ga- ga- rin bay vòng quanh Trái Đất		

Câu 5: Hãy xác định khó khăn lớn nhất ở Liên Xô do chiến tranh thế giới thứ hai để lại?

- A. Hơn 32.000 xí nghiệp bị tàn phá B. Hơn 1710 thành phố đổ nát
C. Hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy D. Hơn 27 triệu người chết.

Câu 6: Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước?

- A. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng của nhân dân sau ngày chiến thắng
B. Sự ủng hộ của phong trào thế giới.
C. Tính ưu việt của CNXH và nhiệt tình của nhân dân sau ngày giải phóng.
D. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú

Câu 7: Những thành tựu quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau chiến tranh?

- A. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử
B. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
C. Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vũ trụ có người lái.
D. Đến thập kỉ 60 (thế kỉ XX), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau

Mĩ)

Câu 8: Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm nào?

- A. 1945 B. 1947 C. 1949 D. 1951

Câu 9: Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô và Mĩ?

- A. Mở rộng lãnh thổ B. Duy trì nền hòa bình thế giới
C. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới D. Khống chế các nước khác.

Câu 10: Trong quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1959 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX), số liệu nào sau đây có ý nghĩa nhất?

- A. Nếu năm 1950, Liên Xô sản xuất được 27,3 triệu tấn thép thì đến năm 1970 sản xuất được 115,9 triệu tấn.
B. Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng 73% so với trước chiến tranh.
C. Từ năm 1951 đến năm 1975, mức tăng trưởng của Liên Xô hàng năm đạt 9,6%
D. Từ giữa thập niên 70, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đạt khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Câu 11: Nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới được xây dựng tại đâu?

- A. Mĩ B. Đức C. Liên Xô D. Trung Quốc

Câu 12: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng vào ngành kinh tế nào để đưa đất nước phát triển?

- A. Phát triển nền công nghiệp nhẹ. B. Phát triển nền công nghiệp truyền thống
C. Phát triển nền kinh tế công nông- thương nghiệp D. Phát triển công nghiệp nặng

Câu 13: Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất vào năm nào?

- A. 1955 B. 1957 C. 1960 D. 1961

Câu 14: Năm 1961 là năm diễn ra sự kiện gì thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
B. Phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ
C. Đưa con người lên Mặt trăng D. Đưa con người lên Sao Hỏa

Câu 15: Ga-ga- rin đã làm gì trong việc thực hiện chinh phục vũ trụ?

- A. Người đầu tiên bay vào Sao Hỏa
B. Người đầu tiên thử thành công vệ tinh nhân tạo
C. Người đầu tiên bay vào vũ trụ D. Người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng

Câu 16: Đến đầu những năm 1970 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì thể hiện sự cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu?

- A. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.
B. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh về hạt nhân nói riêng.
C. Thế cân bằng về sức mạnh quốc phòng. D. Thế cân bằng về chinh phục vũ trụ.

Câu 17: Sắp xếp các sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A theo yêu cầu sau đây:

A	B
1. Liên Xô bước ra khỏi chiến tranh thế giới thứ hai.	A. Hơn 27 triệu người chết
	B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất
2. Thành tựu Liên Xô đạt được trên lĩnh vực khoa học kĩ thuật	C. Đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp
	D. Bị các nước đế quốc yêu cầu chia lại lãnh thổ
	E. Đưa nhà du hành vũ trụ Ga- ga- rin bay vòng quanh Trái Đất
	G. Giàu có nhờ thu lợi nhuận sau chiến tranh

Câu 18: Năm 1973 diễn ra sự biến cố gì có ảnh hưởng rất lớn đối với các nước?

- A. Khủng hoảng kinh tế B. Khủng hoảng năng lượng
C. Khủng hoảng chính trị D. Tất cả các sự biến trên

Câu 19: Vào khoảng những năm 70 của thế kỉ XX, trên thế giới đã diễn ra sự kiện gì bất lợi và có lợi cho các nước?

- A. Cuộc khủng hoảng năng lượng và sự phát triển vượt bậc của cách mạng khoa học kĩ thuật
B. Cuộc khủng hoảng năng lượng và sự bùng nổ dân số
C. Sự bùng nổ dân số và tài nguyên thiên nhiên ngày càng phong phú
D. Sự bùng nổ dân số và sự đổi mới kinh tế, chính trị của các nước.

Câu 20: Trước những biến cố của tình hình thế giới trong những năm 70, những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô đã làm gì?

- A. Ứng dụng thành tựu khoa học- kĩ thuật vào sản xuất B. Chậm thích ứng, chậm sửa đổi
C. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho phù hợp với tình hình thế giới D. Giao lưu, hợp tác với các nước.

Câu 21: Nguyên nhân nào dưới đây làm cho Liên Xô và các nước Đông Âu bị “trì trệ” khủng hoảng

rồi đi đến sụp đổ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- A. Do xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học, chưa nhân văn
 B. Do chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.
 C. Do hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội. D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 22: Chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX là gì?

- A. Muốn làm bạn với tất cả các nước. B. Chỉ quan hệ với các nước lớn.
 C. Hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới. D. Chỉ làm bạn với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 23: Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

- A. Các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước chống phá. B. Chậm sửa chữa những sai lầm
 C. Nhà nước, nhân dân Xô viết nhận thấy CNXH không tiến bộ nên muốn thay đổi chế độ.
 D. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp.

ĐÁP ÁN:

1B; 2A; 3D; 4(2-4:D, 1-3-5:S); 5D; 6C; 7D; 8C; 9B; 10D; 11C; 12D; 13B; 14A; 15C; 16B; 17(1:B, 2:B-E); 18B; 19A; 20B; 21B; 22C; 23D

CHỦ ĐỀ IV

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CHÂU Á, PHI, MĨ LA-TINH (1945 – 2000)

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, yếu tố nào là cơ bản nhất giúp cách mạng Trung Quốc có nhiều biến động khác trước?

- A. Sự giúp đỡ của Liên Xô. B. Lực lượng cách mạng lớn mạnh nhanh chóng.
 C. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới. D. Vùng giải phóng được mở rộng.

Câu 2. Trước sự lớn mạnh của Cách mạng Trung Quốc, tập đoàn Tưởng Giới Thạch thực hiện âm mưu gì?

- A. Phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng cộng sản và phong trào cách mạng Trung Quốc.
 B. Cầu kết với đế quốc Mỹ để tiêu diệt cách mạng Trung Quốc.
 C. Đưa 50 vạn quân sang Mỹ để huấn luyện quân sự.
 D. Huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Câu 3. Nội sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về diễn biến của cuộc nội chiến ở Trung Quốc.

A	B
1) 20– 7 – 1946	A. Quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực
2) Từ 7 – 1946 đến 6 – 1947	B. Quân giải phóng vượt sông Trường Giang, giải phóng Nam Kinh.
3) Từ 6 – 1947 đến 9 – 1948	C. Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa tuyên bố chính thức thành lập.
4) 4– 1949	D. Quân giải phóng chuyển sang chế độ phản công.
5) 1 – 10 – 1949	E. Tưởng Giới Thạch huy động toàn bộ lực lượng chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng Trung Quốc lãnh đạo.

Câu 4. Dưới đây là ý nghĩa lịch sử thắng lợi của cách mạng Trung Quốc. Hãy xác định đâu lấy nghĩa đối với cách mạng Trung Quốc và đâu là ý nghĩa đối với cách mạng thế giới.

TT	Ý nghĩa	Đối với CMTQ	Đối với CMTG
1	Chấm dứt thời kì Trung Quốc bị đế quốc phong kiến và tư sản mại bản nô dịch thống trị.		
2	Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.		
3	Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.		
4	Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc.		

Câu 5. Từ năm 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá nhằm mục đích gì?

- A. Thực hiện đường lối “ba ngọn cờ hồng”.
 B. Thực hiện cuộc “đại nhảy vọt” đưa Trung Quốc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
 C. Xây dựng đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa.

D. Phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng nền văn hoá mới.

Câu 6. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau đây:

- A. Dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957) giành được thắng lợi.
- B. Sau 10 năm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế Trung Quốc gặp nhiều khó khăn to lớn do hậu quả của chiến tranh để lại.
- C. Vào tháng 7 – 1950, Trung Quốc kí kết với Liên Xô “Hiệp ước phòng thủ chung Xô-Trung”.
- D. Sau thập niên đầu sau khi cách mạng thắng lợi, địa vị Trung Quốc đã được nâng cao trên trường quốc tế.
- E. Việc thực hiện đường lối “ba ngọn cờ hồng” đã tạo điều kiện đưa nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng.
- F. Đường lối “ba ngọn cờ hồng” chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội theo phương châm “nhiều, nhanh, tốt, rẻ”.
- G. Từ năm 1966 – 1978, Trung Quốc thực hiện cuộc “đại cách mạng văn hoá vô sản”.
- H. Từ năm 1968 – 1978, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc giành được thắng lợi to lớn.
- I. Tháng 12 – 1978, diễn ra Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, vạch ra đường lối đổi mới.

Câu 7. Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào thời gian nào?

- A. Tháng 12 – 1978. B. Cuối năm 1978. C. Đầu năm 1980. D. Tháng 12-1989.

Câu 8. Từ năm 1987 trở đi, trong chính sách đối ngoại của mình, Trung Quốc bình thường hoá quan hệ với các nước nào?

- A. Mĩ, Liên Xô, Mông Cổ.
- B. Liên Xô, Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.
- C. Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam, Cu-ba. D. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ.

Câu 9. Hãy nối sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về quá trình kháng chiến chống Pháp của Nhân dân Lào.

A	B
1) 12 – 12 – 1945	A. Quân giải phóng Lào chính thức được thành lập.
2) 3 – 1946	B. Mặt trận Lào tự do và chính phủ kháng chiến Lào ra đời.
3) 20 – 1 – 1949	C. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào.
4) 13 – 8 – 1950	D. Thực dân Pháp công nhận nền độc lập của Lào.
5) 7 – 1954	E. Nhân dân Viêng Chăn nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 10. Từ năm 1947, các chiến khu ở Lào dần dần được thành lập tại các vùng nào?

- A. Tây Lào, Thượng Lào, Trung Lào. B. Tây Lào, Thượng Lào, Đông Bắc Lào.
- C. Tây Lào, Trung Lào, Hạ Lào. D. Thượng Lào, Đông Bắc Lào, Hạ Lào.

Câu 11. Ngày 22 – 3 – 1955 ghi dấu ấn vào lịch sử Lào bằng sự kiện nổi bật nào?

- A. Quân giải phóng Lào được thành lập. B. Đại hội toàn quốc kháng chiến Lào triệu tập.
- C. Mĩ thông qua chính sách “viện trợ” kinh tế đối với Lào.
- D. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

Câu 12. Năm 1946, Mĩ chính thức thực hiện loại hình chiến tranh gì ở Lào?

- A. “Chiến tranh đơn phương”. B. “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. “Chiến tranh cục bộ”. D. “Đông Dương hoá” chiến tranh.

Câu 13. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập vào thời gian nào?

- A. Ngày 21 – 2 – 1975. B. Ngày 12 – 2 – 1976.
- C. Ngày 2 – 12 – 1975. D. Ngày 30 – 4 – 1975.

Câu 14. Ghi sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia:

A	B
1) 10 – 1945	A).....
2) 7 – 4 – 1946	B).....
3) Từ 17 đến 19 – 4 – 1950	C).....
4) 9 – 11 – 1953	D).....

Câu 15. Ngày 18 – 3 – 1970, diễn ra sự kiện gì làm cho Cam-pu-chia rơi vào quỹ đạo cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ?

- A. Thế lực tay sai Mĩ đảo chính lật đổ Xi-ha-núc. B. Mĩ mang quân xâm lược Cam-pu-chia.
- C. Mĩ dựng nên chế độ độc tài Pôn-pốt ở Cam-pu-chia. D. Mĩ hất cẳng Pháp để xâm lược Cam-pu-chia.

chia.

Câu 16. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi vào thời gian nào?

- A. Ngày 2 – 12 – 1975. B. Ngày 18 – 3 – 1975.
C. Ngày 17 – 4 – 1975. D. Ngày 30 – 4 – 1975.

Câu 17. Hãy đánh dấu (X) vào ô cột dọc sao cho phù hợp với các sự kiện diễn ra ở Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia sau chiến tranh thế giới thứ hai:

<i>Nội dung sự kiện</i>	<i>TQ</i>	<i>Lào</i>	<i>CPC</i>
1. Thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng vào năm 1951.			
2. Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh chống Nhật, đất nước diễn ra cuộc nội chiến.			
3. Quân giải phóng được thành lập vào năm 1949.			
4. Sau khi giành được thắng lợi đã đưa đất nước tiến lên xây dựng CNXH.			
5. Sau khi đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược, đất nước rơi vào cuộc nội chiến đau thương.			
6. Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân chính thức được thành lập vào ngày 2 – 12 – 1975.			

Câu 18. Nước nào ở Đông Nam Á sau khi đánh bại phát xít Nhật Bản lại bị thực dân Hà Lan xâm lược?

- A. Thái Lan. B. In-đô-nê-xi-a. C. Phi-líp-pin. D. Malay- xi-a

Câu 19. Vào tháng 9 năm 1954, Mỹ đã lôi kéo nước nào gia nhập vào khối phòng thủ Đông Nam Á (SEATO)?

- A. In-đô-nê-xi-a. B. Phi-líp-pin. C. Thái Lan. D. Cam-pu-chia.

Câu 20. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A về In-đô-nê-xi-a sau Chiến tranh thế giới thứ hai sau đây:

A	B
1) 17-8-1945	A. Chính phủ In-đô-nê-xi-a đã kí với Hà Lan hiệp định La Hay, biến In-đô-nê-xi-a thành nước nửa thuộc địa của Hà Lan.
2) 18-8-1945	B. In-đô-nê-xi-a thông qua Tuyên ngôn độc lập
3) 11-1945	C. Cuộc đảo chính của quân đội lật đổ tổng thống bị thất bại.
4) 1949	D. Hội nghị “Ủy ban trừ bị độc lập In-đô-nê-xi-a” thông qua hiến pháp và bầu Xu-các-nô làm tổng thống.
5) 30-9-1965	E. Hà Lan xâm lược In-đô-nê-xi-a.

Câu 21. Hãy đánh dấu (X) vào ô cột dọc sao cho phù hợp với thời gian giành độc lập của một số nước ở Đông Nam Á dưới đây:

Thời gian giành độc lập	In-đô-nê-xi-a	Mã Lai	Xin-ga-po	Miến Điện	Phi-líp-pin
1) 7-1946					
2) 4-1-1948					
3) 17-1-1945					
4) 31-8-1957					
5) 1957					

Câu 22. Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ đã kí kết thành lập “Tổ chức hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO)” tại đâu?

- A. Tại Gia-cac-ta (In-đô-nê-xi-a). B. Tại Ma-ni-la (Phi-líp-pin).
C. Tại Băng Cốc (Thái Lan). D. Tại Oa-sinh-ton (Mỹ).

Câu 23. Sự thất bại nặng nề của Mỹ ở đâu làm cho khối quân sự SEATO bị giải thể?

- A. Thất bại ở khu vực Trung Đông. B. Thất bại ở Triều Tiên.
C. Thất bại ở Đông Dương. D. Thất bại ở Việt Nam.

Câu 24. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào thời gian nào? Tại đâu?

- A. Tháng 8 – 1967. Tại Gia-cac-ta (In-đô-nê-xi-a). B. Tháng 9 – 1968. Tại Băng Cốc (Thái Lan).
C. Tháng 10 – 1967. Tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a). D. Tháng 8 – 1967. Tại Băng Cốc (Thái Lan).

Câu 25. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B về quá trình gia nhập tổ chức

A	B
1) Tháng 8-1967	A. Bru-nây.
2) Ngày 7-1-1984	B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
3) Ngày 28-7-1995	C. Lào, Mi-an-ma.
4) Ngày 23-7-1997	D. Cam-pu-chia
5) Ngày 30-4-1999	E. Việt Nam.

Câu 26. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô dưới đây để xác định mục tiêu của “Hiệp hội các nước Đông Nam Á”:

- ☐ A. Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực.
- ☐ B. Xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khi vực và thiết lập một khu vực hoà bình, tự do, trung lập.
- ☐ C. Phát triển nhanh chóng nền kinh tế, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất nhằm biến Đông Nam Á thành trung tâm kinh tế - tài chính đủ sức cạnh tranh với Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản.
- ☐ D. Đây là một tổ chức liên minh chính trị - kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

Câu 27. Nối tên nước ở cột A cho phù hợp với tên thủ đô của các nước Đông Nam Á ở cột B dưới đây:

A (Tên nước)	B (Tên thủ đô)
1. Việt Nam	A. Phnôm-pên
2. Lào	B. Hà Nội
3. Cam-pu-chia	C. Gia-cac-ta
4. Thái Lan	D. Viêng Chăn
5. In-đô-nê-xi-a	E. Ban-đa-xê-ri Bê-ga-oan
6. Ma-lai-xi-a	F. Ma-ni-la
7. Xin-ga-po	G. Xin-ga-po
8. Mi-an-ma	H. Đê-li
9. Phi-lip-pin	I. Răng-gun
10. Bru-nây	J. Cu-la-lăm-pua
11. Đông-ti-mo	K. Băng Cốc

Câu 28. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ do giai cấp nào lãnh đạo?

- A. Giai cấp tư sản. B. Giai cấp vô sản.
- C. Giai cấp địa chủ phong kiến. D. Giai cấp nông dân.

Câu 29. Ấn Độ tuyên bố độc lập vào thời gian nào?

- A. Ngày 25-12-1950. B. Ngày 26-1-1950.
- C. Ngày 23-2-1950. D. Ngày 26-1-1951.

Câu 30. Hãy điền vào chỗ trống ở các câu dưới đây:

- A. Ngày 19-2-1946, 2 vạn thủy binh khởi nghĩa ở cảng
- B. Các hình thức đấu tranh đầu tiên của các tầng lớp nhân dân Ấn Độ
- C. Các thành phố đã bãi công hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở Bom-bay
- D. Ở nông thôn Ấn Độ diễn ra phong trào
- E. Tháng 2-1947, diễn ra cuộc bãi công của công dân thành phố
- F. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Ấn Độ buộc thực dân Anh phải thương lượng với hai Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo chia Ấn Độ thành hai quốc gia

Câu 31. Hội nghị ngoại trưởng 5 cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc họp tại Mat-xơ-va (12-1945) giải quyết vấn đề Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào? Ghi dấu (X) vào các câu trả lời đúng sau đây:

- ☐ A. Xây dựng một nước Triều Tiên độc lập.
- ☐ B. Thành lập một chính phủ dân chủ Triều Tiên để đảm nhiệm việc phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và văn hoá chung cho cả nước Triều Tiên.
- ☐ C. Quân đội Liên Xô đóng quân ở vĩ tuyến 38°.
- ☐ D. Ủy ban hỗn hợp gồm đại biểu của hai bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên Xô và Mỹ đóng ở Triều Tiên sẽ giúp việc thành lập chính phủ lâm thời Triều Tiên.
- ☐ E. Ở miền Nam Triều Tiên, Mỹ phải thi hành nghiêm chỉnh những quy định của Hiệp nghị Mat-xơ-va về vấn đề Triều Tiên.

Câu 32. Nước cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 12-1945. B.Tháng 8-1948. C.Tháng 9-1948. D. Tháng 10-1945.

Câu 33. Năm 1946, dưới áp lực đấu tranh của nhân dân, đế quốc Pháp buộc phải công nhận nền độc lập của hai nước nào ở khu vực Trung Đông?

- A. Xi-ri, Li-băng. B. I-ran, I-rắc. C. Ap-ga-ni-xtan, Li-băng. D. I-ran, Xi-ri.

Câu 34. Biến đổi to lớn nhất của khu vực Trung Đông sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Nhiều nước trở nên trù phú về kinh tế.
B. Hầu hết các nước Trung Đông giành lại độc lập (trừ Pa-let-xtin).
C. Các nước ở Trung Đông luôn trong tình trạng căng thẳng phức tạp.
D. Chiến tranh đã tàn phá nặng nề và gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Câu 35. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

A	B
1/ 8-6-1953	A. Cộng hòa nhân dân Ăng-gô-la thành lập.
2/1956	B. Pháp kí hiệp định Ê-vi-ăng, công nhận độc lập của An-giê-ri
3/1957	C. Tuy-ni-di giành lại độc lập.
4/1958	D. Ga-na giành lại độc lập.
5/3-1962	E. Ma-rốc, Xu-đăng giành lại độc lập.
6/11-11-1975	F. Ghi-nê giành độc lập.
	G. Cộng hòa Ai Cập được thành lập.

Câu 36. Thắng lợi to lớn và gây ảnh hưởng sâu rộng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trong giai đoạn 1960-1975 là thắng lợi của nhân dân nước nào?

- A. Thắng lợi của nhân dân An-giê-ri. B. Thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bich.
C. Thắng lợi của nhân dân Ăng-gô-la. D. Thắng lợi của nhân dân Nam Phi

Câu 37. Dưới đây là các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. Hãy đánh dấu (X) vào các cột dọc cho phù hợp với từng giai đoạn.

Nội dung	1945-1954	1954-1960	1960-1975	1975-nay
1) 17 nước châu Phi giành độc lập, gọi là “Năm châu Phi”				
2) Hầu hết các nước ở Bắc Phi và Tây Phi giành được độc lập				
3) Phong trào giải phóng dân tộc nổ ra sớm nhất ở Bắc Phi với thắng lợi mở đầu của cách mạng Ai Cập				
4) Hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ				

Câu 38. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các sau đây nói về những khó khăn của châu Phi.

- A. Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân mới và sự vơ vét bóc lột về kinh tế của các cường quốc phát triển phương Tây.
B. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc hầu hết là do giai cấp tư sản.
C. Nợ nước ngoài, đói rét, bệnh tật, mù chữ.
D. Sự bùng nổ về dân số.
E. Sự phát triển không đồng đều giữa các nước sau khi giành được độc lập.
F. Sự xung đột giữa các bộ tộc và phe phái khác nhau gây nên cục diện không ổn định.

Câu 39. Xác định các sự kiện có liên quan đến phong trào cách mạng ở An-giê-ri và Nam Phi theo yêu cầu sau đây:

Tên nước	Sự kiện
1) An-giê-ri	A. Tháng 8-1954, mặt trận dân tộc giải phóng được thành lập. B. Ngày 1-11-1954, mặt trận phát động nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang ở vùng rừng núi miền Đông Nam. C. Mục tiêu đấu tranh nhằm chống lại chủ nghĩa A-pac-thai. D. Lãnh đạo phong trào là Đại hội dân tộc Phi (ANC).
2) Nam Phi	E. Thực dân Pháp phải kí hiệp định Ê-vi-ăng công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. F. Sau khi giành độc lập đã thi hành nhiều chính sách đối nội và đối ngoại tiến bộ.

Câu 40. Sự kiện nào được đánh giá là tiêu biểu nhất và là lá cờ đầu trong phong trào đấu tranh giải

phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- hăng lợi của cách mạng Mê-hi-cô. B.Thắng lợi của cách mạng Ê-cua-đo.
C.Thắng lợi của cách mạng Cu-ba. D.Tất cả các sự kiện trên

Câu 41. Hãy nối tên các nước ở Mĩ La-tinh gần với hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc trong thời gian từ 1945-1959 cho phù hợp.

Tên nước	Hình thức đấu tranh
1) Cu-ba	A) Khởi nghĩa vũ trang
2) Pê-ru	B) Nổi dậy của nông dân
3) Ê-cua-đo	C) Đấu tranh nghị viện
4) Mê-hi-cô	D) Bãi công của công nhân
5) Bra-xin	
6) Vê-nê-xu-ê-la	
7) Pa-na-ma	
8) Bô-li-vi-a	
9) Goa-tê-ma-la	
10) Ac-hen-ti-na	
11) Chi-lê	

Câu 42. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các đứng trước các câu sau đây nói về cách mạng Cu-ba 1959.

- A. Để thực hiện âm mưu chủ nghĩa thực dân mới của mình, Mĩ đã thiết lập chế độ độc tài quân sự Ba-ti-xta ở Cu-ba.
B. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Cu-ba là Đảng cộng sản Cu-ba do Phi đen cax-tơ-rô đứng đầu.
C. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa đã mở đầu một giai đoạn phát triển mới của cách mạng Cu-ba.
D. Năm 1955, Phi đen cax-tơ-rô được trả tự do và bị trục xuất sang Ac-hen-ti-na.
E. Ngày 30-12-1958, Ba-xti-ta bỏ chạy ra nước ngoài.
F. Cách mạng Cu-ba là “lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc” ở Mĩ La-tinh.

Câu 43. Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, ở châu Á phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước nào?

- A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào. B. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.
B. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

Câu 44. Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện của cột B.

A	B
1. 17-8-1945	A. Lào tuyên bố độc lập
2. 2-9-1945	B. In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập.
3. 12-10-1945	C. Việt Nam tuyên bố độc lập.
4. 1950	D. Ai Cập tuyên bố độc lập.
5. 1962	Đ. Ấn Độ tuyên bố độc lập.
6. 1952	E. An-giê-ri tuyên bố độc lập.
7. 1-1-1959	F. I-rắc tuyên bố độc lập.
8. 1958	G. Cu-ba tuyên bố độc lập.

Câu 45. Vì sao năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi “Năm châu Phi”?

- A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
B. Châu phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.
C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập. D. Châu Phi là “Lục địa mới trời dậy”.

Câu 46. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?

- A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
C. Chế độ phân biệt chủng tộc. D. Chế độ thực dân.

Câu 47. Biến đổi lớn nhất của các nước châu Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Các nước châu Á đã giành độc lập. B. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.
C. Các nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới. D. Tất cả các câu trên.

Câu 48. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tập đoàn Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến với Đảng cộng sản Trung Quốc nhằm mục đích gì?

- A. Tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc. B. Tiêu diệt phong trào Cách mạng Trung Quốc.
C. Xóa bỏ ảnh hưởng của Liên Xô ở Trung Quốc.
D. Cả A và B đều đúng. E. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 49. Cuộc nội chiến lần thứ tư (1946-1949) ở Trung Quốc nổ ra là do:

- A. Đảng Cộng sản phát động.
- B. Tập đoàn phản động Tưởng Giới Thạch phát động, có sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ.
- C. Đế quốc Mỹ giúp đỡ Quốc dân đảng.
- D. Quốc dân đảng câu kết với bọn phản động quốc tế.

Câu 50. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc mang tính chất gì?

- A. Một cuộc cách mạng tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.
- B. Một cuộc cách mạng vô sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.
- C. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. Một cuộc nội chiến.

Câu 51. Ý nghĩa quốc tế về sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là gì?

- A. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.
- B. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị, nô dịch của chế độ phong kiến tư bản trên đất Trung Hoa.
- C. Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội thế giới và tăng cường sức mạnh của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
- D. Đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 52. Trung Quốc bước vào thời kì xây dựng CNXH trên cơ sở tình hình đất nước như thế nào?

- A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa tương đối phát triển.
- B. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa kém phát triển.
- C. Có một nền nông nghiệp phát triển.
- D. Có một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.

Câu 53. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc tiến hành trong khoảng thời gian nào?

- A. 1949-1953
- B. 1953-1957
- C. 1957-1961
- D. 1961-1965

Câu 54. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của nhân dân Trung Quốc hoàn thành nhờ vào yếu tố nào?

- A. Sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc.
- B. Sự giúp đỡ của các nước chủ nghĩa xã hội.
- C. Sự giúp đỡ của Liên Xô.
- D. Sự lao động quên mình của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô.

Câu 55. Mười năm đầu xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (1949-1950), Trung Quốc đã thi hành chính sách đối ngoại như thế nào?

- A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Chống Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa.
- C. Thi hành một chính sách đối ngoại tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.
- D. Quan hệ thân thiện với Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa khác.

Câu 56. Chủ trương nào của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau 1959 đã gây nên tình trạng khủng hoảng và trì trệ của xã hội Trung Quốc?

- A. Xây dựng “Công xã nhân dân”.
- B. Thực hiện đường lối “Đại nhảy vọt”.
- C. Thực hiện cuộc “Đại cách mạng hóa vô sản”.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 57. Đường lối “Ba ngọn cờ hồng” do ai đề xướng?

- A. Mao Trạch Đông
- B. Lưu Thiếu Kỳ
- C. Lâm Bưu
- D. Chu Ân Lai

Câu 58. Thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng” Trung Quốc đạt được những gì?

- A. Nền kinh tế Trung Quốc có một bước phát triển nhảy vọt.
- B. Đời sống nhân dân Trung Quốc được cải thiện.
- C. Kinh tế phát triển nhưng đời sống nhân dân Trung Quốc khó khăn.
- D. Nền kinh tế hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân điêu đứng.

Câu 59. Cuộc “Đại cách mạng vô sản” ở Trung Quốc diễn ra vào thời gian nào?

- A. 1966-1969
- B. 1966-1971
- C. 1967-1969
- D. 1967-1970

Câu 60. Đường lối đổi mới trong chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc có đặc điểm gì?

- A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.
- B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- C. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.
- D. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm.

Câu 61. Từ sau 1987, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có gì mới so với trước?

- A. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.
- B. Kiên trì cải cách dân chủ nhân dân.
- C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.
- D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 62. Hãy nối các sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A.

A	B
1. 1-10-1949	A. Bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Trung Quốc.
2. 1979-1998	B. Đại Cách mạng văn hóa vô sản.
3. 12-1978	C. Nội chiến lần thứ 4 ở Trung Quốc.
4. 1946-1949	D. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập.

5. 1953-1957	E. Thời kì cải cách mở cửa ở Trung Quốc.
--------------	--

6. 5-1966 F. Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới.

Câu 63. Hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau:

- A. Trung Quốc chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm 1949.
- B. Trung Quốc cải cách mở cửa bắt đầu từ năm 1978.
- C. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản kéo dài từ năm 1968 đến năm 1978.
- D. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc từ 1953-1957.
- E. Đặc điểm của chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc là lấy kinh tế làm trọng tâm.
- F. Từ 1965 đến 1975 Trung Quốc đã có chính sách đối ngoại sai lầm.
- G. Sau 20 năm cải cách mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc không phát triển được.

Câu 64. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo thứ tự thời gian:

- A. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập.
- B. Bắt đầu đường lối “Ba ngọn cờ hồng”.
- C. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản.
- D. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc.
- E. Mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- F. Bắt đầu đường lối mở cửa.
- G. Hai mươi năm biến động.

Câu 65. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) là thuộc địa của các nước nào?

- A. Thuộc địa của Mỹ, Nhật.
- B. Thuộc địa của Pháp, Nhật.
- C. Thuộc địa của Anh, Pháp, Mỹ.
- D. Thuộc địa của các thực dân Phương Tây.

Câu 66. Đế quốc nào là lực lượng thù địch lớn nhất của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đế quốc Hà Lan.
- B. Đế quốc Pháp.
- C. Đế quốc Mỹ.
- D. Đế quốc Anh.

Câu 67. Lí do cụ thể nào liên quan trực tiếp với việc giải thể khối SEANTO (9-1975)?

- A. Các nước thành viên luôn xảy ra xung đột.
- B. Nhân dân Đông Nam Á không đồng tình với sự tồn tại của SEANTO.
- C. SEANTO không phù hợp với xu thế phát triển của Đông Nam Á.
- D. Thất bại của đế quốc Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975).

Câu 68. Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập
- B. Nhiều nước có tốc độ phát triển khá nhanh
- C. Sự ra đời của khối ASEAN
- D. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Nam Á và EU

Câu 69. Hãy nối các sự kiện ở cột B với các niên đại phù hợp ở cột A

A	B
1. 8-8-1967	A. Kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia thắng lợi
2. 2-1976	B. Quân tình nguyện Việt Nam tiến vào Cam-pu-chia
3. 12-1978	C. Hiệp ước các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập
4. 1975	D. Hiệp ước thành lập và hợp tác của các nước ASEAN
5. 10-1991	E. Hiệp ước hòa bình về Cam-pu-chia

Câu 70. Hiệp ước Ba-li (2-1976) đã nêu ra nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước ASEAN là gì?

- A. Cùng nhau tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Hợp tác phát triển có kết quả.
- E. Cả bốn nguyên tắc nói trên.

Câu 71. Từ năm 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX, quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN như thế nào?

- A. Quan hệ hợp tác song phương
- B. Quan hệ đối thoại.
- C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.
- D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Cam-pu-chia.

Câu 72. Năm 1997, ASEAN đã kết nạp thêm các thành viên nào?

- A. Lào, Việt Nam.
- B. Cam-pu-chia, Lào.
- C. Lào, Mi-an-ma.
- D. Mi-an-ma, Việt Nam.

Câu 73. Từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?

- A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch.
- B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.
- C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự.
- D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

Câu 74. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở nước nào?

- A. Bắc Phi. B. Nam Phi. C. Đông Phi. D. Tây Phi.

Câu 75. Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa cũ của nó ở Châu Phi?

- A. 1960 : "Năm Châu Phi". B. 1962 : An-giê-ri được công nhận độc lập.
C. 1994 : Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.
D. 11-1975: Nước Cộng hòa nhân dân Angola ra đời.

Câu 76. Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là ai?

- A. Chủ nghĩa thực dân cũ. B. Chủ nghĩa thực dân mới.
C. Chủ nghĩa A-pac-thai. D. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 77. Sự kiện nào dưới đây gắn với tên tuổi của Nem-xơn Man-đê-la?

- A. Chiến sĩ nổi tiếng chống ách thống trị của bọn thực dân.
B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.
C. Lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng-gô-la.
D. Lãnh tụ phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Câu 78. Từ những thập niên đầu của thế kỷ XX nhiều nước Mĩ La Tinh đã thoát khỏi sự lệ thuộc của Tây Ban Nha nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc của nước ngoài?

- A. Thực dân Anh B. Đế quốc Mĩ
C. Thực dân Pháp D. Đế quốc Nhật

Câu 79. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ La Tinh là ai?

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc. B. Chủ nghĩa thực dân cũ.
C. Chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới. D. Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 80. Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỷ X, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ La Tinh diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Bãi công của công nhân. B. Đấu tranh chính trị.
C. Đấu tranh vũ trang. D. Sự nổi dậy của người dân.

Câu 81. Sự kiện lịch sử nào mở đầu cho cách mạng Cu-ba?

- A. Cuộc đổ bộ của tàu "Gran-ma" lên đất Cu-ba (1956).
B. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-Ca-đa (26-7-1953).
C. Nghĩa quân Cu-ba mở cuộc tấn công (1958).
D. Nghĩa quân Cu-ba chiếm lĩnh thủ đô La-ha-ba-na (1-1-1959).

Câu 82. Nước được mệnh danh là "Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mĩ La Tinh"?

- A. Ac-hen-ti-na B. Bra-xin C. Cu-ba D. Mê-hi-cô

Câu 83. Hãy nối các sự kiện ở cột B với các niên đại phù hợp ở cột A.

A	B
1) 8-8-1967	A. Kháng chiến chống Mĩ của Việt Nam, Lào, Campuchia, thắng lợi.
2) 2-1976	B. Quân tình nguyện Việt Nam tiến vào Campuchia
3) 12-1978	C. Hiệp ước các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập.
4) 1975	D. Hiệp ước thành lập và hợp tác của các nước ASEAN
5) 10-1991	E. Hiệp định hòa bình về Campuchia

ĐÁP ÁN:

- 1B 2A
3 1E 2A 3D 4B 5C
4 1,3: Đối với CMTQ; 2,4: Đối với CMTG.
5C
6 A,D,F,G,I: Đúng; B,C,E,H: Sai.
7B 8B
9 1E 2C 3A 4B 5D
10B 11D 12B 13C
14 A. Thực dân Pháp quay lại xâm lược Cam-pu-chia
B. Triều đình phong kiến Cam-pu-chia kí với Pháp hiệp định công nhận sự thống trị của Pháp
C. Thành lập Ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng Cam-pu-chia

D. Pháp kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Cam-pu-chua".

15A	16C										
17	2,4: Trung Quốc		3,6: Lào				1,5: Cam-pu-chia				
18B	19C										
20	1B	2E	3D	4A	5D						
26	A,B,D: Đ		C:S								
27	1B	2D	3A	4L	5C	6K	7G	8I	9F	10E	11H
28A	29B	30	A. Bom bay								
			B. Biểu tình, tuần hành								
			C. Can-cut-ta, carasi, Madorat								
			D. "Tê-pha-ra"								
			E. Cancutta								
			F. Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và								
			Pakixtan của những người theo Hồi giáo								
	31 A,B,D: Đúng		C,E: Sai								
	2C	33A	34B								
	35	1G	2C,E	3D	4F	5B	6A				
	36A										
	37	1:1964-1975	2:1954-1960								
		2:1945-1954	4: 1975-nay								
	38: A,C,D,F ĐÚNG		B.E SAI								
	39	1. An-giê-ri: A,B,E,F	2. Nam Phi: C,D								
	40C										
41	1,7,8 với A	2,3,4,5,6 với B									
	9,10 với C	11 với D									
42	A,C,E,F đúng	B,D sai									
43A 44	1B	2C	3A	4D	5E						
45C	46C	47A	48A	48B	50B	51C	52D	53D			
54D	55C	56D	57A	58D	59A	60B	61D				
62	1D	2E	3G	4C	5A	6B					
63	A,C,D,G SAI	B,E ĐÚNG									
64	S,A,E,D,G,B,C,J										
65D	66C	67D	68A								
69	1C	2D	3B	4A	5E						
70E	71D	72C	73B	74A	75D	76C					
77D	78B	79C	80C	81B	82C						

CHỦ ĐỀ V
CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA CHỦ YẾU
TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NĂM 2000

I- NƯỚC MỸ (1945-2000)

Câu 1. Trong các nguyên nhân đưa nền kinh tế Mỹ phát triển ,nguyên nhân nào quyết định nhất

- A. Nhờ vào những thành tựu KHKH của thế giới B.Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú
C.Nhờ trình độ tập trung sản xuất ,tập trung tư bản cao D.Nhờ quân sự hóa nền kinh tế

Câu 2.Nền kinh tế Mỹ có đặc điểm nổi bật nhất là gì ?

- A. Vị trí kinh tế của Mỹ ngày càng giảm sút
B. Mỹ bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh gay gắt
C. Kinh tế phát triển nhanh chóng nhưng không ổn định vì thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái
D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn

Câu 3.Nhờ đâu sau chiến tranh thế giới thứ 2 ,Mỹ có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo và nổi tiếng

- A. Nhờ bắt cóc từ các nước trong chiến tranh
B. Nhờ các nhà khoa học di cư từ các nước đến Mỹ
C. Nhờ quá trình tự đào tạo tại Mỹ D.Nhờ Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng KHKH

Câu 4.Lĩnh vực mà Mỹ đầu tư nhiều nhất để đưa đất nước phát triển là lĩnh vực nào ?

- A. Giáo dục và nghiên cứu khoa học B. Khoa học kỹ thuật
C.Công nghiệp chế tạo các loại vũ khí phục vụ chiến tranh
D.Xuất cảng tư bản đến các nước thuộc địa

- Câu 5. Mĩ trở thành trung tâm tài chính duy nhất trong thời gian nào ?**
 A. Từ 1945 đến 1975 B. Từ 1918 đến 1945
 C. Từ 1950 đến 1980 D. Từ 1945 đến 1950
- Câu 6. Năm 1969, Mĩ đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ ?**
 A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất B. Đưa người lên mặt trăng
 C. Đưa người lên sao hỏa D. Tất cả các lĩnh vực trên
- Câu 7. Đảng dân chủ và cộng hòa thay nhau cầm quyền ở Mĩ vào thời gian nào ?**
 A. Trước chiến tranh thế giới thứ hai B. Trong chiến tranh thế giới thứ hai
 C. Sau chiến tranh thế giới thứ hai D. Những thập niên 80 của thế kỷ XX
- Câu 8. Trong cuộc chiến tranh xâm lược VN từ 1954 đến 1975 Mĩ trải qua mấy đời tổng thống Mĩ ?**
 A. Năm đời tổng thống .Đó là Aixenhao,ken-nơ –đi, Giôn-xơn, Ních-xơn ,Pho
 B. Bốn đời tổng thống .Đó là Tơ-ru-man, Aixenhao,ken-nơ –đi, Giôn-xơn, Ních-xơn,
 C. Sáu đời tổng thống .Đó là Tơ-ru-man, Aixenhao,ken-nơ –đi, Giôn-xơn, Ních-xơn, Pho
 D. Năm đời tổng thống .Đó là Tơ-ru-man, Aixenhao,ken-nơ –đi, Giôn-xơn, Ri-gân
- Câu 9. Người khởi xướng ra “ chiến lược toàn cầu” phản cách mạng là tổng thống nào của Mĩ**
 A. Tơ-ru-man B. Ken-nơ-đi C. Ai-xen-hao D. Giôn-xơn
- Câu 10. Mĩ ban hành đạo luật nào chống phong trào công nhân và Đảng cộng sản ở Mĩ ?**
 A. Đạo luật Tru-man B. Đạo luật Mác-san
 C. Đạo luật Táp-hác-lây D. Đạo luật chống cộng sản
- Câu 11. Chính sách đối ngoại xuyên qua các đời tổng thống Mĩ là gì ?**
 A. Chiến lược “ chiến tranh tổng lực” B. Chiến lược toàn cầu hóa”
 C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ D. “ chủ nghĩa lập chỗ trống”
- Câu 12. Mĩ thực hiện việc ngăn chặn ,đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước XHCN .Đó là mục tiêu của**
 A. “ chiến lược toàn cầu hóa” B. Chiến tranh lạnh
 C. Kế hoạch Mác-san D. Kế hoạch Tru-man
- Câu 13. Mĩ dựa vào thế lực nào là chủ yếu để thực hiện “ chính sách thực lực”?**
 A. Thế lực về kinh tế B. Thế lực về chính trị
 C. Thế lực về sức mạnh của Mĩ D. Tất cả các thế lực trên
- Câu 14. Trong đời tổng thống Ai-xen-hao của Mĩ đã thực hiện chính sách gì ?**
 A. “Ngăn đe thực tế” B. “Phản ứng linh hoạt”
 C. “ Bên miệng hố chiến tranh” D. “Chiến lược toàn cầu”
- Câu 15. Sau chiến tranh thế giới thứ hai ,Mĩ đã làm gì đối với các nước đồng minh ?**
 A. Ngăn chặn sự cạnh tranh của các nước đồng minh không cho vượt qua Mĩ
 B. Đàn áp các nước đồng minh để độc quyền
 C. Dùng kinh tế chi phối các nước đồng minh phụ thuộc vào Mĩ
 D. Cạnh tranh quyết liệt với các nước đồng minh
- Câu 16. Từ 1945 đến 1973 Mĩ đã trải qua mấy lần khủng hoảng**
 A. 10 lần khủng hoảng suy thoái B. 3 lần khủng hoảng trầm trọng
 C. 9 lần khủng hoảng suy thoái D. 7 lần khủng hoảng suy thoái
- Câu 17. Vào năm 1981 ở Mĩ diễn ra sự cố lịch sử gì và có liên quan đến đời tổng thống nào ?**
 A. Mưu sát tổng thống pho B. Mưu sát tổng thống Ri-gân
 C. Mưu sát tổng thống Bus D. Lật đổ tổng thống B.lin-ton
- Câu 18. Chiến lược “ chiến tranh cục” ở VN gắn liền đến đời tổng thống nào ?**
 A. Giôn-xơn B. Ních-xơn C. Ken-nơ-đi D. Ai-xen-hao
- Câu 19. Sự kiện lịch sử nào dưới đây làm cho “ chiến lược toàn cầu” của Mĩ bị thất bại nặng nề ?**
 A. Thắng lợi của cách mạng TQ 1949 B. Thắng lợi của cách mạng Cuba 1959
 C. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-rắc 1979 D. Thắng lợi của cách mạng VN 1975
- Câu 20. Nguyên nhân nào dưới đây có tác dụng làm chậm bước phát triển kinh tế của Mĩ sau CTTG II ?**
 A. Không bị chiến tranh tàn phá
 B. Được yên ổn sản xuất và bán vũ khí cho các nước tham chiến
 C. Tập trung sản xuất và tư bản cao D. Tiến hành xâm lược và nô dịch các nước
- Câu 21. Hãy sắp xếp các đời tổng thống Mĩ theo đúng trình tự thời gian**
 A. Tơ-ru-man B. Ri-gân C. Ních-xơn D. Ai-xen-hao
 E. Ken-nơ-đi F. Giôn-xơn G. Bus H. B.Clin-ton
- Câu 22. Tháng 12/1989 diễn ra sự kiện gì trong chính sách đối ngoại của Mĩ và Liên Xô ?**
 A. Mĩ và Liên Xô ký hiệp ước Xô-Mĩ để chấm dứt chạy đua vũ trang

- B. Mĩ và Liên Xô hợp tác với nhau để chống lại Tây Âu và NB
 C. Mĩ và Liên Xô tuyên bố không can thiệp vào lãnh thổ của nhau
 D. Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh

Câu 23. Trong khoảng 2 thập niên đầu sau CTTG II, đã xuất hiện trung tâm kinh tế tài chính nào ?

1. Tây Âu B. Mĩ, Nhật Bản C. Mĩ, Tây Âu
 D. Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất của thế giới

Câu 24. Ghi thời gian diễn ra những vụ bê bối về kinh tế và chính trị ở Mĩ trong những năm 1960-1980 vào bảng dưới đây

Thời gian	Những vụ bê bối
1)	A. Tổng thống Ken-no-đi bị ám sát
2)	B. Tài liệu mật lâu năm góc, vụ Oa-tơ-ghết buộc Ních-xon phải từ chức
3)	C. Vụ Côn-tơ-ra-ghết và I-ran-ghết

Câu 25. Thời điểm nào nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới ?

- hững năm 60 của thế kỷ XX B. Những năm 70 của thế kỷ XX
 C. Những năm 80 của thế kỷ XX D. Những năm 90 của thế kỷ XX

Câu 26. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất của TG. Đúng hay sai

- A. Đúng B. Sai

Câu 27. Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ ?

- A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và NB
 B. Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng
 C. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới
 D. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội

Câu 28. Cuộc cách mạng KHKT lần 2 bắt đầu vào khoảng thời gian nào ?

- A. Những năm đầu của Thế kỷ XX
 B. Giữa những năm 40 của thế kỷ XX
 C. Sau chiến tranh thế giới lần nhất (1914-1918)
 D. Sau chiến tranh thế giới lần hai (1939-1945)

Câu 29. Nước nào đưa con người lên mặt trăng đầu tiên (7/1969)

- A. Mĩ B. Nhật C. Liên Xô D. Trung Quốc

Câu 30. Những thành tựu chủ yếu về KHKT của Mĩ là gì ?

- A. Chế tạo công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới
 B. Thực hiện cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp trong giao thông thông tin liên lạc
 C. Sản xuất được những vũ khí hiện đại D. A, B, C đúng

Câu 31. Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ là gì ?

- A. Chuẩn bị tiến hành chiến tranh tổng lực B. Chiến lược toàn cầu hóa
 C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ D. Chủ nghĩa lập chỗ trống

Câu 32. Nội dung “chiến lược toàn cầu” của Mĩ nhằm mục tiêu cơ bản nào ?

- A. Ngăn chặn đẩy lùi tiến tới tiêu diệt các nước XHCN
 B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh của Mĩ
 C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 33. Trong các liên minh quân sự dưới đây, liên minh nào không phải do Mĩ lập nên ?

- A. Khối Nato B. Khối Vacsava C. Khối Seato D. A, B, C đúng

Câu 34. Khối quân sự NATO do Mĩ cầm đầu còn gọi là khối

- A. Khối Nam Đại Tây Dương B. Khối Bắc Đại Tây Dương
 C. Khối Đông Đại Tây Dương D. Khối Tây Nam Đại Tây Dương

Câu 35. Tổng thống Mĩ sang thăm VN đầu tiên vào năm nào ?

- A. 1990 B. 1991 C. 1992 D. 1993

II- NHẬT BẢN (1945-2000)

Câu 36. Nguyên nhân cơ bản đưa nền kinh tế Nhật phát triển thần kỳ trong những năm 60-70 của TK XX là gì ?

- A. Biết lợi dụng vốn nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt
 B. Biết lợi dụng thành tựu KHKT để tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và hạ giá thành hàng hóa
 C. Biết “ len lách ” xâm nhập thị trường các nước D. Nhờ những cải cách dân chủ

Câu 37. Nguyên nhân chung của sự phát triển kinh tế Mĩ, NB sau CTTGII

A. Áp dụng thành tựu KHKT vào trong sản xuất B. Biết thâm nhập vào thị trường các nước

C. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế

D. Tất cả các nguyên nhân trên

Câu 38. Ngày 8/9, NB ký kết với Mĩ hiệp ước gì?

A. Hiệp ước phòng thủ chung ĐNA

B. Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật

C. Hiệp ước liên minh Mĩ –Nhật
trang

D. Hiệp ước chạy đua vũ

Câu 39. Nhật Hoàng tuyên bố chấp nhận đầu hàng đồng minh vô điều kiện vào thời gian nào ?

A. 14/8/1945

B. 15/8/1945

C. 16/8/1945

D. 17/8/1945

Câu 40. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, NB đã gặp khó khăn gì lớn nhất ?

A. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản

B. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế

C. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực thực phẩm

D. Bị mất hết thuộc địa kinh tế bị tàn phá nặng nề

Câu 41. Sau chiến tranh NB có khó khăn gì mà các nước tư bản đồng minh chống phát xít không có

A. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh

B. Là nước bại trận, nước Nhật bị mất hết thuộc địa

C. Thiếu thốn lương thực thực phẩm

D. Phải nhờ vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ

Câu 42. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, NB tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất

A. Cải cách hiến pháp

B. cải cách ruộng đất

C. Cải cách giáo dục

D. Cải cách văn hóa

Câu 43. Sang những năm 50 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật phát triển được do những nguyên nhân cơ bản nào ?

A. Nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ khi Mĩ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và VN

B. Áp dụng những thành tựu KHKT

C. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu

D. Luân lách xâm nhập thị trường các nước

Câu 44. Sự phát triển thần kỳ của nền kinh tế NB bắt đầu trong khoảng thời gian nào ?

A. Những năm 50 của thế kỷ XX

B. Những năm 60 của thế kỷ XX

C. Những năm 70 của thế kỷ XX

D. Những năm 80 của thế kỷ XX

Câu 45. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế NB phát triển

A. Truyền thống văn hóa tốt đẹp, con người Nhật có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động

B. Nhờ cải cách ruộng đất

C. Vai trò quan trọng của nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển hệ thống quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ty

D. Biết tận dụng thành tựu KHKT của thế giới.

Câu 46. Để phát triển KHKT, ở NB có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác ?

A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, KHHT

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng

C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên biển và dưới đáy biển

D. Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại

Câu 47. Kinh tế NB lâm vào khủng hoảng vào thời gian nào ?

A. Từ đầu năm 80 của thế kỷ XX

B. Từ đầu năm 90 của thế kỷ XX

C. Từ đầu năm 70 của thế kỷ XX

D. Từ đầu năm 60 của thế kỷ XX

Câu 48. Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật được ký kết nhằm mục đích gì ?

A. NB muốn lợi dụng vốn, kỹ thuật của Mĩ để phát triển

B. NB trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ

C. Hình thành một liên minh Mĩ-Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc vùng viễn Đông

D. Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật

Câu 49. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của NB sau chiến tranh thế giới thứ hai

A. Không đưa quân đi tham chiếm ở nước ngoài

B. Ký hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu

D. phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi đặc biệt là Đông Nam Á

Câu 50. Hiệp ước Mĩ Nhật được ký kết vào thời gian nào ?

A. 18/9/1951

B. 8/9/1951

C. 28/9/1951

D. 19/8/1951

Câu 51. Với hiệp ước hòa bình Xan-phran-xi-cô năm 1951, NB đã ký tay đôi với nước nào ?

A. Mĩ

B. Pháp

C. Đức

D. Anh

Câu 52. Bộ tối cao lực lượng đồng minh (SCAP) đã thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung nào của NB?

A. Giải tán các Dai-bát-xư

B. Cải cách ruộng đất

C. Dân chủ hóa lao động

D. Quốc hữu hóa các xí nghiệp nhà máy

Câu 53.NB bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với các nước Asean vào năm nào ?

- A.1976 A. 1977 C. 1978 D. 1979

Câu 54.Sau CTTGII đến 1950 NB vươn lên đứng đầu TG ?

- A.Đứng B.Sai

Câu 55.Nhật Bản và Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế tài chính vào thời kỳ nào ?

- A.1945-1950 B.1950-1973 C.1973-1991 D.1991 đến nay

III- CÁC NƯỚC TÂY ÂU (1945-2000)

Câu 56.Kế hoạch Mác-san (1948) còn được gọi là

- A.Kế hoạch khôi phục châu Âu B.Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước châu Âu
C.Kế hoạch phục hưng châu Âu D.Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu

Câu 57 .Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra nhằm

- A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên TG
B. Chống lại LX và các nước XHCN châu Âu
C. Chống LX,TQ ,VN
D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

Câu 58.Cộng hòa liên bang Đức gia nhập NATO khi nào ?

- A.1954 B.1955 C.1956 D.1957

Câu 59.Cộng hòa dân chủ Đức sát nhập vào cộng hòa liên bang Đức vào thời gian nào ?

- A.3/9/1990 B. 3/10/1990 C. 3/11/1990 D. 3/12/1990

Câu 60.Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) tình hình châu Âu như thế nào?

- A.Ổn định và có điều kiện để phát triển B.Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau

Câu 61.Kinh tế Tây Âu lâm vào khủng hoảng khi nào ?

- A.Từ cuối TK XIX đến đầu TK XX B.Trong những năm 50 của TK XX
C.Sau CTTG II D.Từ 1973 đến trước thập niên 90 của TK XX

Câu 62.Từ 1950 đến 1973 những nước nào dưới đây thực hiện chính sách đối ngoại lệ thuộc Mĩ ?

- A.Pháp,Thụy Điển ,Phân Lan B.TBN,BĐN,Anh,Tây Đức
C.Anh ,Tây Đức.Italia D.Tất cả các nước Tây Âu

Câu 63.Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy các nước Tây Âu phát triển là ?

- A. Áp dụng những thành tựu KHKT hiện đại vào trong sản xuất
B. Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí ,điều tiết,thúc đẩy nền kinh tế
C. Tận dụng các cơ hội bên ngoài để phát triển
D. Sự nỗ lực ,bóc lột của các nhà tư bản đối với công nhân trong và ngoài nước

Câu 64.Từ 1945-1950 ,Tây Âu không ưu tiên chính sách đối nội và đối ngoại nào ?

- A. Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản
B. Ổn định tình hình chính trị ,xã hội ,hạn gấn vết thương chiến tranh
C. .Gây chiến tranh xâm lược các nước để mở rộng thị trường
D. .Phục hồi kinh tế sau chiến tranh

Câu 65.Từ 1945 đến 1950 ,Tây Âu thực hiện chính sách đối ngoại nổi bật nào dưới đây ?

- A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ trong việc thực hiện chiến tranh lạnh
B. Liên kết chặt chẽ để chống lại LX và các nước XHCN
C. Thành lập các khối quân sự ở các nước thuộc địa cũ
D. Mở rộng quan hệ ngoại giao với Mĩ để nhận viện trợ ở Mĩ

Câu 66.Sau CTTGII,Tây Đức và Tây Béc-lin trở thành tâm điểm đối đầu ở giữa thế lực nào ?

- A.Giữa hai cực Xô-Mĩ B.Giữa Đông Đức và Tây Béc-lin
C.Tay Âu và Đông Âu D.Giữa khối Nato và khối Vacsava

Câu 67.Từ 1945 đến 1950 đối trọng của các nước Tây Âu là ?

- A. LX và các nước XHCN B.Các nước thuộc địa Á,Phi và Mĩ Latinh
C.Các nước trong khối XHCN Đông Âu D.Mĩ ,Nhật và các nước trong khối Nato

Câu 68.Từ đầu thập niên 70 của TK XX tình hình kinh tế tài chính tây âu như thế nào ?

- A. Bị Mĩ và Nhật khống chế tối đa
B. Trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của TG
C. Phát triển chậm chạp và lệ thuộc vào Mĩ
D. Có tốc độ phát triển nhanh vượt qua Mĩ và Nhật

Câu 69: Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra 4- 1949 nhằm:

- A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
B. Chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
C. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 70: Sau khi nước Đức phát xít đầu hàng, bốn nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ Đức thành bốn khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?

- A. Mĩ, Anh, Pháp, Nhật B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp C. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản
D. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh

Câu 71: Lý do nào là chủ yếu khiến Mĩ và các nước phương Tây dồn sức “viện trợ” cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?

- A. Để thúc đẩy quá trình hòa bình hóa nước Đức B. Để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức
C. Để biến Tây Đức thành một “lực lượng xung kích” của khối NATO, chống Liên Xô và các nước XHCN
D. A, B, C đúng.

ĐÁP ÁN

1A,2C,3B,4 A,5D,6B,7C,8 A,9 A,10C,11B,12 A,13C,14B,15C,16D,17B,18 A,19D,20D,21(1 A,2D,3E,4G,5C,6B,7F,8H),22D,23D,24 (1963,1971,1974),25 A,26B,27B,28B,29 A,30 A,31B,32 A,33B,34B,35D,36B,37 A,38B,39B,40D,41D,42 A,43B,44B,45D,46A,47B,48C,49D,50B,51A,52A,53B,54B,55B,56C,57B,58B,59B,60B,61D,62 A,63 A,64C,65 A,66 A,67C,68B,69B,70B,71C

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

Câu 1. Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại là các cuộc chiến tranh nào ?

- A. .Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp B.Đấu tranh giữa các nước ĐQ
C.Đấu tranh của công nhân ở các nước chính quốc . D.Đấu tranh chống CNPX

Câu 2. Trong lịch sử thế giới hiện đại , phong trào GPDĐ diễn ra ở khu vực nào ?

- A. .Châu Á, Phi ,Ấu B. Châu Á, Phi , Mĩ Latinh
C. Châu Á, Ấu, Mĩ Latinh D. Trên tất cả các lục địa

Câu 3. Trong lịch sử thế giới hiện đại, đã hình thành CNPX . Vậy quê hương của CNPX bắt nguồn từ nước nào ?

- A. Nhật B. Pháp C. Đức D. Italia

Câu 4. Hệ thống vecxai –oa-sin-ton được thiết lập vào thời điểm lịch sử nào ?

- A. Sau cách mạng tháng Mười Nga B. Sau CTTG thứ nhất
C. Sau CTTG II D. Cùng lúc với CTTG thứ nhất

Câu 5. Trật tự TG hai cực Ianta sau CTTG bị chi phối bởi 2 cường quốc nào ?

- A. Mĩ và TQ B. Mĩ , Anh C. Mĩ , Đức D. Mĩ, Liên Xô

Câu 6. Cuộc cách mạng KHKH với những thành tựu to lớn đã dẫn tới những chuyển biến quan trọng trong cục diện TG . Đó là một trong những đặc điểm của thời kỳ nào ?

- A. Từ 1917 đến 1945 B. Từ 1945 đến nửa đầu những năm 70
C. Từ sau những năm 70 đến 1991 D. Tất cả các thời kỳ trên

Câu 7. Liên Xô đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng CNXH và khoảng thời gian nào ?

- A. Từ 1945 đến 1991 B. Từ nửa đầu những năm 70 đến 1991
C. Từ nửa sau những năm 70 đến 1991 D. Từ 1945 đến nửa đầu những năm 70

Câu 8. Trong những thập niên 50,60 nền công nghiệp ở LX như thế nào ?

- A. Bị giảm sút nghiêm trọng B. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ 2 trên TG
C. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ 2 ở châu Âu D. Phát triển với tốc độ bình thường

Câu 9. Từ những năm 70 trở đi tình hình kinh tế LX như thế nào ?

- A. Khủng hoảng trầm trọng B. Lậm vào tình trạng trì trệ C. Đang đạt mức tăng trưởng
D. Vẫn giữ mức phát triển bình thường

Câu 10. Nguyên nhân chung có tính chất quyết định đến sự khủng hoảng sụp đổ của CNXH ở LX và Đông Âu ?

- A. Xây dựng một mô hình về CNXH chưa đúng đắn
B. Chậm sửa đổi , thay đổi trước những biến động của tình hình TG
C. Sự tha hóa, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và nhà nước
D. Do hoạt động chống phá cách mạng của các thế lực phản cách mạng

Câu 11. Năm 1949 gắn liền với sự kiện nào dưới đây ?

- A. Khối Nato được thành lập B. Khối Vacsava ra đời

C.Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập D.Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất

Câu 12.Công cuộc cải cách ở TQ bắt đầu vào năm nào ?

A.1968 B.1987 C.1988 D.1978

Câu 13.Sau khi giành được độc lập nước Lào tiến lên xây dựng CNXH đúng hay sai ?

A.Đúng B.Sai

Câu 14.Liên minh chính trị quân sự do Mỹ cầm đầu ở ĐNA viết tắt là gì ?

A.Khối Nato B.Khối Seato C.Tổ chức Asean D.Tổ chức EU

Câu 15.Khu vực nào trên TG thường diễn ra tranh chấp về sắc tộc và chiến tranh ?

A. Khu vực ĐNA B.Khu vực Bắc Đại Tây Dương
C.Khu vực Trung Đông D.Khu vực Mỹ Latinh

Câu 16.Nước nào ở châu Á tuyên bố độc lập và thành lập và thành lập nước cộng hòa vào ngày 26/1/1950

A.Lào B.Campuchia C.Indônêxia D.Ấn Độ

Câu 17.Sau CTTG ,châu lục nào được mệnh danh lục địa mới trỗi dậy?

A.Châu Á B.Châu Mỹ Latinh C.Châu Âu D.Châu Phi

Câu 18.Nước cộng hòa nào ở châu phi được thành lập vào ngày 18/6/1953?

A.Ai Cập B.Tuy-ni-di C.An-giê-ry D .Ma-rốc

Câu 19.Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp ,đó là đặc điểm phong trào giải phóng dân tộc ở ?

A.Châu Á B.Châu Phi C.Châu Mỹ Latinh D.Châu Á và châu Phi

Câu 20.Sau chiến tranh thế giới thứ 2 châu lục nào được mệnh danh là lục địa bùng cháy ?

A.Châu Á B.Châu Âu C.châu Phi D.châu Mỹ Latinh

Câu 21.Nước nào ở châu Mỹ Latinh được xem là lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ?

A.Mê-hi-cô B.Ăc-hen-tina C.Cuba D.Tất cả các nước trên

Câu 22.Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm chung của nền kinh tế Mỹ ,Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai ?

A. Là nước khởi đầu cách mạng KHKT B.Áp dụng KHKT đang phát triển của TG
C.Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ D.Đều thực hiện quân sự hóa nền kinh tế

Câu 23.Nước nào trong những năm 60 của Thế kỷ XX có tốc độ phát triển kinh tế thần kỳ ?

A.Mỹ B.Pháp C.Anh D.Nhật

Câu 24.Sau CTTG II nước nào được mệnh danh là ĐQ kinh tế ?

A.Mỹ B.Pháp C.Đức D.Nhật

Câu 25.Ngày 6/4/1948 một hiệp ước hữu nghị và hợp tác của các nước nào dưới đây được ký kết ?

A.Anh ,Liên Xô B.Liên Xô,Mỹ C.Phân Lan ,Liên Xô D.Anh,pháp

Câu 26.Trong nhiều thập niên liên minh thiên chúa cầm quyền ở nước nào ?

A.Đức B.Anh C.Pháp D.Hà Lan

Câu 27.Sau CTTG II chủ nghĩa tư bản còn gọi là gì ?

A. CN quân phiệt chủng tộc B.CNTB độc quyền
C.CNTB lũng đoạn nhà nước D.CNTB hiện đại

Câu 28.Trong CTTGII đã diễn ra hội nghị nào ở Liên Xô của các nước đồng minh ?

A.Hội nghị Pốt-xdam B.Hội nghị Ianta C.Hội nghị Mac-xơ-va d.Hội nghị Manta

Câu 29.Ba nước Tư bản trong hội đồng bảo an Liên hợp quốc là những nước ?

A.Mỹ ,Anh,Đức B.Mỹ,Anh ,Nhật C.Mỹ,Anh,Pháp d.Mỹ,Pháp ,TBN

Câu 30.Trật tự TG theo khuôn khổ thỏa thuận Ianta là của 3 nước nào ?

A.Liên Xô,TQ,Mỹ B.Mỹ,Anh ,Pháp C.Liên Xô,Trung Quốc D. Liên Xô,Mỹ ,Anh

Câu 31.Yếu tố nào sẽ còn tiếp tục tạo ra sự đột phá và chuyển biến trong cục diện thế giới ?

A.Sự hợp tác Xô-Mỹ B.Sự vươn lên của NB,Tây Âu C.Sự chạy đua vũ trang của Mỹ ,Liên Xô
D.Sự phát triển của cách mạng KHKT

Câu 32.Tác động của phong trào giải phóng dân tộc sau CTTG II đến các nước ĐQ như thế nào ?

A. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của CNDQ
B. Làm cho CNDQ ngày càng mâu thuẫn với nhau
C. Làm cho CNDQ rơi vào tình trạng khủng hoảng triền miên
D. Làm cho CNDQ ngày càng suy yếu nghiêm trọng

Câu 33.Sau cuộc chiến tranh lạnh ,hầu hết các quốc gia đều ra sức điều chỉnh ?

A. Nền kinh tế và quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới
B. Chiến lược phát triển kinh tế làm trọng tâm

- C. Chiến lược lấy quốc phòng làm trọng tâm
- D. Chiến lược phát triển kinh tế ,quốc phòng theo xu hướng toàn cầu hóa .

ĐÁP ÁN

1A ,2B,3C,4B,5D,6B,7D,8B,9B,10A ,11C,12D,13B,14B,15C,16D,17D,18A ,19B,20D,21C,22B,23D,24D,25C,26A ,27D,28B,29C,30D,31D,32A ,33B

**PHẦN HAI
LỊCH SỬ VIỆT NAM**

TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

CHỦ ĐỀ VI

TÌNH HÌNH KINH TẾ-XÃ HỘI VIỆT NAM

**TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT ĐẾN ĐẦU NĂM 1930
(1919 – 1930)**

Câu 1. Vì sao thực dân pháp tiến hành khai thác lục địa lần thứ hai ở việt nam?

- A. Để bù vào những thiệt hại trong cuộc khai thác lần thứ nhất.
- B. Để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.
- C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam.
- D. Tất cả cùng đúng

Câu 2. Tổng số vốn Pháp đầu tư vào Đông Dương để thực hiện chương trình khai thác lần thứ hai (1924-1929) là bao nhiêu?

- A. Gấp 20 lần so với 20 năm trước chiến tranh.
- B. Gấp 10 lần so với 6 năm trước chiến tranh.
- C. Gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.
- D. Gấp 8 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

Câu 3. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai thực dân pháp đầu tư vô nhiều nhất vào ngành nào?

- A. Công nghiệp chế biến.
- B. Công nghiệp và khai thác mỏ.
- C. Nông nghiệp và thương nghiệp.
- D. Giao thông vận tải

Câu 4. Diện tích trồng cao su của Pháp ở Việt Nam từ năm 1918-1930 tăng lên bao nhiêu?

- A. Từ 20 ngàn héc-ta tăng lên 120 ngàn héc-ta.
- B. Từ 15 ngàn héc-ta tăng lên 150 ngàn héc-ta.
- C. Từ 15 ngàn héc-ta tăng lên 140 ngàn héc-ta.
- D. Từ 15 ngàn héc-ta tăng lên 120 ngàn héc-ta.

Câu 5. Thủ đoạn của thực dân pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất là gì?

- A. Đánh thuế mạnh vào các mặt hàng nông sản.
- B. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.
- C. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.
- D. Không cho nông dân tham gia sản xuất.

Câu 6. Vì sao tư sản pháp chú trọng đến việc khai thác mỏ than ở Việt Nam?

- A. Ở Việt Nam có trữ lượng than lớn.
- B. Than là nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho công nghiệp chính quốc.
- C. Để phục vụ cho nhu cầu chính quốc.
- D. Tất cả cùng đúng.

Câu 7. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai , tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở việt nam?

- A. Cột chặt nền kinh tế việt nam phụ thuộc vào nền kinh tế Pháp.
- B. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng quá do nền công nghiệp pháp sản xuất.
- C. Biến Việt Nam thành căn cứ chính trị Pháp
- D. Cả A và B đúng.

Câu 8. Để độc chiếm thị trường Đông Dương Pháp đánh thuế rất nặng vào hàng hóa của nước nào khi nhẩy vào thị trường Đông Dương?

- A. Hàng hóa của Ấn Độ
- B. Hàng hóa của Trung Quốc, Nhật
- Bản C. Hàng hóa của Thái Lan, Xin-ga-po
- D. Hàng hóa của Triều Tiên, Mông Cổ.

Câu 9. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ 2 của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

- A. Nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa
- B. Nền kinh tế mở cửa
- C. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt, lệ thuộc vào pháp
- D. Nền kinh tế công nghiệp và thương nghiệp phát triển.

Câu 10. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp bắt đầu vào năm nào?

- A. Năm 1914
- B. Năm 1918
- C. Năm 1919
- D. Năm 1920.

Câu 11. Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp là gì?

- A. Vừa khai thác vừa chèn biển B. Đầu tư phát triển công nghiệp nhẹ
C. Đầu tư phát triển công nghiệp nặng D. Tăng cường thu lãi cao.

Câu 12. Số vốn mà Pháp đầu tư vào nông nghiệp lên tới 400 triệu pho rãg gáp 10 lần trước chiến tranh được thực hiện vào năm nào?

- A. Năm 1926 B. Năm 1927 C. Năm 1928 D. Năm 1929.

Câu 13. Trong chính sách thương nghiệp, Pháp đã đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vì:

- A. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương
B. Cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài
C. Muốn độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương
D. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

Câu 14. Nhằm độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đã làm gì?

- A. Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương
B. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản
C. Lập ngân hàng Đông Dương D. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương.

Câu 15. Chính sách khai thác lần thứ hai của Pháp về căn bản không thay đổi vì:

- A. Không xây dựng các ngành công nghiệp nặng ở nước ta B. Tăng cường đánh thuế nặng
C. Hạn chế phát triển công nghiệp đặc biệt là công nghiệp nặng, biến Đông dương thành thị trường độc chiến của tư bản Pháp
D. Bỏ vốn nhiều vào nông nghiệp và khai thác mỏ.

Câu 16. Tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đến Đông Dương là gì?

- A. Nền kinh tế Việt nam phát triển độc lập B. Nền kinh tế Việt nam bị lạc hậu, què quặt
C. Nền kinh tế Việt nam phát triển một bước nhưng bị kiềm hãm lệ thuộc Pháp
D. Nền kinh tế Việt nam lệ thuộc hoàn toàn vào Pháp.

Câu 17. Thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế triệt để ở Việt nam, chính sách đó được thực hiện như thế nào?

- A. Mọi quyền hành nằm trong tay người Pháp
B. Mọi quyền hành nằm trong tay vua quan Nam triều
C. Mọi quyền hành vừa nằm trong tay người Pháp vừa nằm trong tay vua quan Nam triều
D. Tất cả đều đúng.

Câu 18. Những thủ đoạn của thực dân Pháp về chính trị và văn hóa giáo dục nhằm nô dịch lâu dài nhân dân ta sau chiến tranh thế giới thứ nhất:

- A. Lôi kéo, mua chuộc người Việt nam thuộc tầng lớp trên của xã hội.
B. Thâu tóm quyền lực vào tay người Pháp
C. “Chia để trị” và thực hiện có văn hóa nô dịch, ngu dân
D. Mở trường dạy tiếng Pháp để đào tạo bọn tay sai.

Câu 19. Chính sách “Chia để trị” mà bọn thực dân Pháp áp dụng ở Việt Nam được áp dụng như thế nào?

- A. Nam Kỳ: thuộc Pháp, Trung kỳ: nửa bảo hộ, Bắc Kỳ: bảo hộ
B. Nam Kỳ: bảo hộ, Trung Kỳ: thuộc Pháp, Bắc Kỳ: nửa bảo hộ
C. Nam Kỳ: nửa bảo hộ, Trung Kỳ: bảo hộ, Bắc Kỳ: thuộc Pháp D. Tất cả đều sai.

Câu 20. Chính sách văn hóa giáo dục mà Pháp thực hiện ở Việt nam mục đích gì

- A. Đào tạo đội ngũ tri thức ở Việt nam để đưa sang Pháp
B. “Khai hóa” văn minh cho dân tộc ta
C. Nô dịch nhân dân ta D. Tất cả đều sai.

Câu 21. những giai cấp cũ trong xã hội Việt nam từ trước cuộc khai thác thuộc địa của Pháp là?

- A. Nông dân, địa chủ phong kiến
B. Nông dân, địa chủ phong kiến, thợ thủ công
C. Nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản dân tộc
D. Nông dân, địa chủ phong kiến, công nhân.

Câu 22. Giai cấp nào mới ra đời do hậu quả của việc khai thác của Pháp sau chiến tranh?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc
C. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến
D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.

Câu 23. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, thái độ chính trị của giai cấp địa chủ phong kiến như thế nào?

- A. Sẵn sàng thỏa hiệp với nông dân để chống tư sản dân tộc
B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp

- C. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi
- D. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân để giải phóng dân tộc.

Câu 24. Thực dân Pháp đã đối xử với giai cấp tư sản Việt Nam như thế nào?

- A. Được thực dân Pháp dung dưỡng
- B. Bị thực dân Pháp chèn ép, kiềm hãm
- C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất
- D. Được thực dân Pháp cho hưởng đặc quyền, đặc lợi.

Câu 25. sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ngoài thực dân Pháp, còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

- A. Giai cấp nông dân
- B. Giai cấp công nhân
- C. Giai cấp địa chủ phong kiến
- D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 26. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản phân hóa như thế nào?

- A. Tư sản dân tộc và Tư sản thương nghiệp.
- B. Tư sản dân tộc và Tư sản công nghiệp.
- C. Tư sản dân tộc và Tư sản mại bán.
- D. Tư sản dân tộc và Tư sản công thương.

Câu 27. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?

- A. Có thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp.
- B. Có thái độ không kiên quyết, dễ thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.
- C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- D. Tất cả câu trên đều đúng.

Câu 28. Vì sao tầng lớp tiểu tư sản trở thành những bộ phận quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta?

- A. Bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.
- B. Đời sống bấp bênh, dễ bị đẩy vào con đường phá sản thất nghiệp.
- C. Câu A đúng câu B sai
- D. Cả câu A, B đều đúng.

Câu 29. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

- A. Nông dân.
- B. Tư sản dân tộc.
- C. Địa chủ.
- D. Công nhân.

Câu 30. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam?

- A. Công nhân.
- B. Nông dân.
- C. Tiểu tư sản.
- D. Tư sản dân tộc.

Câu 31. Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Bị ba tầng lớp áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.
- B. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.
- C. Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc
- D. Vừa lớn lên đã tiếp thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác-Lê-nin.

Câu 32. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp hoặc tầng lớp nào có đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Giai cấp công nhân.
- B. Giai cấp tư sản dân tộc.
- C. Giai cấp nông dân.
- D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 33. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ đâu?

- A. Giai cấp tư sản bị phá sản
- B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất
- C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép
- D. Thợ thủ công bị thất nghiệp

Câu 34. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của Cách mạng Việt Nam?

- A. Giữa công nhân và tư sản.
- B. Giữa nông dân và địa chủ.
- C. Giữa nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp
- D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 35. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản của Cách mạng Việt Nam?

- A. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.
- B. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ.
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với đế quốc Pháp.
- D. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân nông dân với đế quốc Pháp.

Câu 36. Những thủ đoạn thâm độc nhất của tư bản Pháp về chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm nô dịch lâu dài nhân dân Việt Nam là gì?

- A. Thâu tóm quyền hành trong tay người Pháp.
- B. Cấu kết với vua quan Nam triều để đàn áp nhân dân.

C. “ Chia để trị”

D. Khủng bố, đàn áp nhân dân ta.

Câu 37. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách chính trị của Pháp ở Việt Nam là gì>

- A. Mua chuộc, lôi kéo địa chủ và tư sản người Việt.
- B. Vua quan Nam triều chỉ là bù nhìn, quyền lực trong tay người Pháp.
- C. Thắt tay đàn áp, khủng bố nhân dân ta.
- D. Câu A, B, C đúng

Câu 38. Trở thành tay sai, làm chỗ dựa cho thực dân Pháp tăng cường chiến đoạt, bóc lột kinh tế, đàn áp chính trị đối với người nông dân đó là giai cấp nào?

- A. Giai cấp địa chủ phong kiến.
- B. Tầng lớp đại địa chủ.
- C. Tầng lớp tư sản mại bản.
- D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 39. Thái độ chính trị của giai cấp đại địa chủ phong kiến đối với thực dân Pháp như thế nào?

- A. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để chống tư sản dân tộc.
- B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp khi bị chèn ép.
- C. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền

Sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp khi bị cắt xén quyền lợi về kinh tế

Câu 40. Giai cấp tư sản Việt Nam vừa mới ra đời đã:

- A. Được thực dân Pháp dung dưỡng.
- B. Bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm.
- C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất.
- D. Được thực dân Pháp sử dụng làm tay sai đắc lực cho chúng.

Câu 41. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương có hai giai cấp bị phân hóa thành hai bộ phận, đó là các giai cấp nào?

- A. Giai cấp nông dân và giai cấp công nhân
- B. Giai cấp công nhân và giai cấp tư sản
- C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến và giai cấp tư sản.
- D. Giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 42. Có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc, phong kiến nhưng thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp đó là đặc điểm của giai cấp nào?

- A. Giai cấp địa chủ phong kiến
- B. Giai cấp tư sản
- C. Tầng lớp tư sản dân tộc.
- D. Tầng lớp tư sản mại bản.

Câu 43. Giai cấp công nhân Việt Nam có ngưỡng đặc điểm gì?

- A. Đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ.
- B. Có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.
- C. Bị ba tầng lớp áp bóc lột, có quan hệ tự nhiên với giai cấp nông dân, kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc.
- D. Điều kiện lao động và sinh sống tập trung.

Câu 44. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật cao với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân?

- A. Tiểu tư sản.
- B. Công nhân.
- C. Tư sản.
- D. Địa chủ.

Câu 45. Vì sao tầng lớp tiểu tư sản trở thành bộ phận quan trọng của cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta?

- A. Vì bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.
- B. Vì đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản thất nghiệp.
- C. Câu A đúng, câu B sai
- D. Câu A, B đều đúng.

Câu 46. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn nào là cơ bản nhất?

- A. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ.
- B. Mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản.
- B. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và chủ nghĩa thực dân Pháp.
- C. Mâu thuẫn giữa tư sản và địa chủ.

ĐÁP ÁN

1B, 2C, 3B, 4D, 5B, 6D, 7D, 8B, 9C, 10C, 11D, 12B
 13C, 14A, 15C, 16B, 17A, 18C, 19A, 20C, 21A, 22B, 23C, 24B
 25C, 26C, 27D, 28D, 29D, 30B, 31D, 32C, 33B, 34C, 35B, 36C
 37D, 38B, 39C, 40A, 41C, 42C, 43C, 44B, 45D, 46C.

CHỦ ĐỀ VII

**PHONG TRÀO DÂN CHỦ YÊU NƯỚC Ở VIỆT NAM
 TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT ĐẾN ĐẦU NĂM 1930
 (1919 – 1930)**

I/ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Câu 1. Những sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?

- A. Sự thành công của cách mạng tháng Mười Nga (11-1917).
- B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6-1919).
- C. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng xã hội Pháp (12-1920).
- D. Nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế.

Câu 2. Khi Đệ tam quốc tế (Quốc tế Cộng sản) thành lập ở Mát-xcơ-va tháng 2-1919. Lúc đó Nguyễn Ái quốc đang ở đâu?

- A. Ở Anh.
- B. Ở Pháp.
- C. Ở Liên Xô.
- C. Ở Trung Quốc.

Câu 3. Những sự kiện nào sau đây tạo điều kiện thuận lợi cho sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Việt Nam?

- A. Quốc tế Cộng sản được thành lập (2-1919).
- B. Đảng Cộng sản Pháp ra đời (1920).
- C. Đảng Công sản Trung Quốc ra đời (1921).
- D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 4. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khung hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?

- A. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin được truyền bá rộng vào Việt Nam.
- B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác
- D. Thức dân Pháp đánh trên đà suy yếu

Câu 5. Phong trào đấu tranh đầu tiên do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng là:

- A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.
- B. Chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ.
- C. Phong trào “ Chấn hưng nội hóa”, “ Bài trừ ngoại hóa”.
- D. Thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.

Câu 6. Ai là người đứng ra thành lập Đảng Lập hiến ở Việt Nam năm 1923?

- A. Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu.
- B. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài.
- C. Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.
- D. Bùi Quang Chiêu, Phạm Hồng Thái.

Câu 7. Những tổ chức chính trị như: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên là tiền thân của tổ chức nào?

- A. Hội Việt Nam cách Mạng Thanh Niên.
- B. Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Tân Việt Cách mạng đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 8. Những tờ báo tiến bộ của tầng lớp tiểu tư sản trí thức xuất bản trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1926) là:

- A. Chuông Rè, An Nam trẻ, Nhành lúa.
- B. Tin tức, Thời mới, Tiếng dân.
- huông Rè, Tin tức, Nhành lúa.
- D. Chuông Rè, An Nam trẻ, Người nhà quê.

Câu 9. Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1926) có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nhất, đó là sự kiện nào?

- A. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son và công nhân Phú Riềng.
- B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu và đám tang Phan Châu Trinh.
- C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang nổ tại Sa Diện và Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến Hội nghị Véc – xai.
- D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu.

Câu 10. Trần Dân Tiên viết: “Việc đó tuy nhỏ nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân.”. Sự kiện nào sau đây phản ánh điều đó?

- A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.
- B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925).
- C. Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926).
- D. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu (6/1924).

Câu 11. Trong những nguyên nhân sau đây, Nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1926) cuối cùng bị thất bại?

- A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản cuối cùng đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.
- B. Thức dân Pháp còn mạnh đủ khả năng đàn áp phong trào.
- C. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế nên ưa hèn về chính trị; tầng lớp tiểu tư sản do điều kiện kinh tế bấp bênh nên không thể lãnh đạo phong trào cách mạng.

D. Do chủ nghĩa Mac Lê – nin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 12. Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919 – 1924 chủ yếu là:

- A. Đòi quyền lợi về kinh tế. B. Đòi quyền lợi về chính trị.
C. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị. D. Chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

Câu 13. Chọn địa danh đúng để điền vào câu sau đây: “Sang năm 1924, có nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở

- A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn. C. Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.
B. Hải Phòng, Nam Định, Vinh. D. Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa.

Câu 14. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác?

- A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).
B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ (1922).
C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn ngăn tàu chiến Pháp đi đàn áp cách mạng Trung Quốc (8/1925).
D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân ở nhà máy sợi Nam Định (1926).

Câu 15. Sự kiện nào thể hiện: “Tư tưởng CM Tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công nhân Việt Nam”?

- A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8/1925).
B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê – nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái nổ vang ở Sa Diện - Quảng Châu (6/1924).
D. Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (1919).

Câu 16. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào ngày, tháng, năm nào?

- A. Ngày 5/6/1911, tại cảng Sài Gòn, đầu tiên Bác đến Trung Quốc.
B. Ngày 5/6/1911, tại Phan Thiết, đầu tiên Bác đến Pháp.
C. Ngày 5/6/1911, tại Sài Gòn, đầu tiên Bác đến Pháp.
D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 17. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III?

- A. QT này bênh vực cho quyền lợi các nước thuộc địa.
B. QT này giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp.
C. QT này đề ra đường lối cho CM Việt Nam.
D. QT này chủ trương thành lập Mặt Trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Câu 18. Sau khi CM Tháng Mười Nga thành công (1917), Bác Hồ đi từ nước nào sang nước nào để nghiên cứu, học tập Cách Mạng tháng Mười Nga.

- A. Từ Mỹ sang Nga. C. Từ Pháp sang Trung Quốc.
B. Từ Anh sang Nga. D. Từ Anh sang Pháp.

Câu 19. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc – xai (18/6/1919).
B. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).
C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê – nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).
D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6/1925).

Câu 20. Để nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác Lê nin và Cách mạng Tháng Mười Nga, từ năm 1920 – 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở nước nào?

- A. Liên Xô B. Pháp C. Trung Quốc D. Anh

Câu 21. Trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Căc – mac:”Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!”. Hãy cho biết đoạn văn trên của ai, viết trong tác phẩm nào?

- A. Của Lê nin trong sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
B. Của Căc – mac – Ăng – ghen trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.
C. Của Nguyễn Ái Quốc trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa.
D. Tất cả đều sai.

Câu 22. Vào thời gian nào, Nguyễn Ái Quốc rời Pa – ri đi Liên Xô, đất nước mà từ lâu Người mơ ước đặt chân tới?

- A. Tháng 6 – 1924 B. Tháng 6 – 1922 C. Tháng 12 – 1923 D. Tháng 6 – 1923

Câu 23. Sự kiện ngày 17/6/1924, gắn với hoạt động nào của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là:

- A. Người đi dự Đại hội Quốc tế Nông dân.
B. Người dự Đại hội Quốc tế lần Thứ V của Quốc tế Cộng sản.
C. Người dự Đại hội Quốc tế Phụ nữ.
D. Người dự Đại hội lần VII của Quốc Tế Cộng sản.

Câu 24. Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919 – 1925 là gì?

- A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930).
- B. Quá trình truyền bá Chủ nghĩa Mac Lê nin vào Việt Nam.
- C. Quá trình thành lập 3 tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.
- D. Quá trình thực hiện chủ trương “vô sản hóa” để truyền bá chủ nghĩa Mac Lê-nin vào Việt Nam.

Câu 25. Từ năm 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở nước nào?

- A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.
- B. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.
- C. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.
- D. Câu A và C đúng.

Câu 26. Trong những năm 1919 – 1925 có sự kiện lịch sử nào tiêu biểu gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến Cách mạng Tháng Mười Nga.
- B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mac Lê – nin. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.
- C. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách để Hội nghị Vec – xai.
- D. Nguyễn Ái Quốc Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 27. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923 – 1924?

- A. Tham dự đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- C. Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
- D. Viết Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 28. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 – 1930 là gì?

- A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mac Lê – nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.
- B. Thành lập Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh niên.
- C. Hợp nhất 3 tổ chức cộng sản Đảng.
- D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 29. Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của lớp người đi trước là:

- A. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.
- B. Đi sang châu Mỹ tìm đường cứu nước.
- C. Đi sang châu Phi tìm đường cứu nước.
- D. Đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 30. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc là

- A. Ảnh hưởng của cm tháng Mười Nga năm 1917 đến tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc
- B. Đưa yêu sách đến hội nghị Véc-xai
- C. Đọc sơ khảo luận cương của Lenin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920)
- D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập quốc tế thứ 3 và tham gia sáng lập đảng cộng sản Pháp(12-1920)

Câu 31. Vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy. Đó là nội dung của tờ báo nào của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Đời sống công nhân
- B. Nhân đạo
- C. Người cùng khổ
- D. Tạp chí thư tín quốc tế

Câu 32. Câu thơ sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên phù hợp với sự kiện nào trong cuộc đời hđ của Nguyễn Ái Quốc: ‘Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười’

- A. Khi sáng lập ra hội liên hiệp thuộc địa ở Paris
- B. Khi đọc sơ khảo luận cương của Le6nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa
- C. Khi viết bài và làm chủ nhiệm tờ báo Những người cùng khổ
- D. Khi dự quốc tế cộng sản lần V (1924)

Câu 33. Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cm ở các thuộc địa về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp công dân ở các nước thuộc địa trong:

- A. Đại hội đảng xã hội Pháp ở Tua(12-1920)
- B. Hội nghị quốc tế nông dân (6-1923)
- C. Đại hội quốc tế cộng sản lần V (1924)
- D. Đại hội đại biểu lần thứ nhất hội VN cm Thanh niên (5-1929)

Câu 34. Năm 1922 Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo

- A. Đời sống công nhân
- B. Người cùng khổ (Le Paria)
- C. Nhân đạo
- D. Sự thật

Câu 35. Thời gian 6-1924 gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là sự kiện nào?

- A. Người dự hội nghị quốc tế nông dân
- B. Người dự đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản
- C. Người dự đại hội quốc tế phụ nữ
- D. Người dự đại hội VII quốc tế cộng sản

Câu 36. Trong quá trình hoạt động để chuẩn bị cho việc thành lập ĐCS VN, hoạt động nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc đã diễn ra tại Quảng Châu TQ

- A. Dự hội nghị quốc tế nông dân B. Dự đại hội quốc tế cộng sản
C. Ra báo Thanh niên D. Xuất bản tác phẩm Bản án chế độ TD Pháp

Câu 37. Tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản năm 1922 là

- A. Bản án chế độ TD Pháp B. Đường cách mệnh C. Báo Thanh niên D. Tất cả đúng

Câu 48. Thời gian ở Liên Xô 1923-1924 Nguyễn Ái Quốc đã viết bài cho các tờ báo

- A. Đời sống công nhân B. Báo nhân đạo, Sự thật
C. Tạp chí thư tín quốc tế, báo Sự thật D. Tạp chí thư tín quốc tế

Câu 49. Nguyễn Ái Quốc tham gia đại hội Quốc tế Cộng Sản lần thứ V tại LX khi Người bao nhiêu tuổi

- A. 33 tuổi B. 34 tuổi C. 35 tuổi D. 36 tuổi

Câu 40. Cuối 1924 đã diễn ra sự kiện gì gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

- A. Nguyễn Ái Quốc rời 72 Pháp sang Liên Xô dự hội nghị Quốc tế công dân
B. Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu- TQ
C. Nguyễn Ái Quốc xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh
D. NAQ dự đại hội đại biểu lần thứ I Hội VN cách mạng Thanh niên

Câu 41. Những sự kiện nào dưới đây thúc đẩy quá trình phổ biến chủ nghĩa Mác Lênin vào VN?

- A. Tác phẩm Đường cách mạng và bản án chế độ TD Pháp được đưa vào VN
B. Báo Người cùng khổ, báo Thanh niên được phổ biến ở VN
C. Chủ trương vxo6 sản hóa của hội VN CMTN D. Câu A B C đúng

Câu 42. Những hđ nào của Hội VN CMTN gắn bó mật thiết với vai trò của Nguyễn Ái Quốc

- A. Mở lớp tập huấn chính trị đào tạo cán bộ tại Quảng Châu TQ, ra báo Thanh niên
B. Bí mật chuyển tác phẩm của Ái Q uốc về nước
C. Chủ trương phong trào vô sản hóa
D. Phong trào bãi công của công nhân nhà máy sệt Nam Định, nhà máy Diêm và cửa Bến Thủy

Câu 43. Ý nghĩa những hđ của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919-1925

- A. Nguyễn Ái Quốc tiếp cận tư tưởng chủ nghĩa Mac Lenin
B. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở VN
C. Xây dựng mối quan hệ liên minh giữa công nhân và 2 nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
D. Cách mạng VN trở thành một bộ phận của cm Thế giới.

ĐÁP ÁN

1A, 2B, 3D, 4B, 5C, 6A, 7C, 8D, 9B, 10D, 11C, 12A
13B, 14C, 15A, 16C, 17A, 18D, 19C, 20B, 21C, 22D, 23B, 24A
25A, 26B, 27A, 28A,
29A, 30D, 31C, 32B, 33C, 34B, 35B, 36C
37A, 38C, 39B, 40B, 41D, 42A, 43B

II/ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC KHI THÀNH LẬP ĐẢNG (1925 – 1930)

Câu 1. Hội VN Cách mạng Thanh niên được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Tháng 5 – 1925 ở Quảng Châu (TQ)
B. Tháng 6 – 1925 ở Hương Cảng (TQ)
C. Tháng 7 – 1925 ở Quảng Châu (TQ)
D. Tháng 6 – 1925 ở Quảng Châu (TQ)

Câu 2. Cơ quan ngôn luận của Hội VN CMTN Thanh niên là

- A. Báo Thanh niên
B. Tác phẩm Đường cách mệnh
C. Bản án chế độ TD Pháp
D. Báo Người cùng khổ

Câu 3. Ba tư tưởng sau đây được trình bày trong tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc?

- cách mạng là sự nghiệp của quần chúng
- cách mạng phải do Đảng theo chủ nghĩa Mác-lê-nin lãnh đạo
- cách mạng VN phải gắn bó và đoàn kết với cách mạng thế giới

- A. .Tạp chí thư tín quốc tế
- B. .Bản án chế độ TD Pháp
- C. .Đường cách mệnh
- D. .Tất cả đúng

Câu 4. Vừa về tới Quảng Châu và trước khi thành lập Hội VN cách mạng Thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức chính trị nào

- A. .Hội liên hiệp thuộc địa
- B. .Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- C. .Hội liên hiệp Thanh niên VN
- D. .Tân Việt cách mạng Đảng

Câu 5. Hãy nêu rõ thành phần và địa bàn hoạt động của Tân Việt CM Đảng

- A. .công nhân và nông dân, hoạt động ở Trung Kỳ
- B. .tư sản dân tộc, công nhân, hoạt động ở Bắc Kỳ
- C. .Trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản, hoạt động ở Trung Kỳ
- D. .Tất cả giai cấp và tầng lớp, hoạt động ở Nam Kỳ

Câu 6. Tân Việt Cách mạng Đảng đã phân hóa ntn dưới tác động của hội VNCOMTN?

- A. .Một số Đảng viên tiên tiến chuyển sang hội VNCOMTN
- B. .Một số tiên tiến còn lại tiến tới thành lập 1 chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mac lenin
- C. .Một số gia nhập vào VN quốc dân đảng
- D. . và B đúng

Câu 7. VN Quốc dân đảng được thành lập vào năm nào? Địa bàn hoạt động chính?

- A. .25-12-1925 địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ
- B. .25-12-1926 địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kỳ
- C. .25-12-1927 địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ
- D. .25-12-1927 địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kỳ

Câu 8. Việt Nam Quốc dân đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào

- A. .dân chủ vô sản
- B. .dân chủ tư sản
- C. .dân chủ tiểu tư sản
- D. .dân chủ vô sản và tư sản

Câu 9. Mục tiêu của VN Quốc dân đảng là gì?

- A. .Đánh đuổi TD Pháp, xóa bỏ ngôi vua
- B. .Đánh đuổi TD Pháp, thiết lập dân quyền
- C. .Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền
- D. .Đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp, lập nên nước VN độc lập/

Câu 10. Cuộc khởi nghĩa của VN Quốc dân đảng nổ ra đêm 9-2-1930 ở Yên Bái sau đó nổ ra ở các tỉnh nào?

- A. .Phú Thọ Hải Dương Hà Tĩnh
- B. .Hòa Bình Lai Châu Sơn La
- C. .Vĩnh Yên Phúc Yên Yên Thế
- D. .Phú Thọ Hải Dương Thái Bình

Câu 11. Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) thất bại do nguyên nhân khách quan nào

- A. .Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo
- B. .Tổ chức VN quốc dân đảng còn non yếu
- C. .Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động
- D. .Đế quốc Pháp còn mạnh

Câu 12. Quá trình phân hóa của Hội VN cách mạng Thanh niên đã dẫn đến sự thành lập của tổ chức xã hội nào trong năm 1929/

- A. .Đông Dương cộng sản đảng, An Nam Cộng Sản đảng
- B. .Đông Dương cộng sản đảng, An Nam Cộng Sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn
- C. .Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn
- D. .An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn

Câu 13: Báo “Búa Liềm” là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập năm 1929 ở Việt Nam?

- A. .Đông Dương Cộng sản liên đoàn
- B. .Đông Dương Cộng sản đảng
- C. .An Nam Cộng sản đảng

D. Đông Dương Cộng sản đảng và đảng

Câu 14: Sự phân hóa Tân Việt Cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng
- B. An Nam Cộng sản đảng
- C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn
- D. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn

Câu 15: Bằng cách đánh số thứ tự, hãy sắp xếp các sự kiện lịch sử sau đây theo trình tự thời gian:

Số thứ tự	Các sự kiện lịch sử
	<ul style="list-style-type: none"> A. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai. C. Thành lập Tân Việt Cách mạng đảng D. An Nam Cộng sản đảng được thành lập E. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo <i>Luận cương của Lê-Nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa</i> E. Đông Dương Cộng Sản đảng ra đời F. Việt Nam Quốc dân đảng thành lập I. Tác phẩm <i>Đường cách mệnh</i> của Nguyễn Ái Quốc xuất bản ở Trung Quốc H. Đông Dương Cộng sản liên đoàn thành lập L. Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng

Câu 16: Các yếu nhân trong tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng gồm:

- A. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Tôn Trung Sơn.
- B. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.
- C. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Nguyễn Phan Long.
- D. Nguyễn Thái Học, Nguyễn Phan Long, Bùi Quan Chiêu, Phó Đức Chính

Câu 17: Các sách báo nào sau đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1929 đến 1925?

- A. An Nam trẻ, Người cùng khổ, Thanh niên, Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh
- B. Người cùng khổ, Người nhà quê, Thanh niên, Bản án chế độ thực dân Pháp.
- C. Người cùng khổ, Thanh niên, Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh, Nhân đạo.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 18: Câu nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản năm 1929?

- A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối Cách Mạng Việt Nam
- B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.
- C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê – Nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 19: Nối các cột A. B. C cho phù hợp với tên tổ chức, khuynh hướng tư tưởng và hướng phát triển của các tổ chức chính trị trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

A	B	C
1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	A. Cách mạng dân tộc, dân chủ - cải lương	D. Cách mạng vô sản – thành lập Đảng cộng sản.
2. Tân Việt cách mạng đảng	B. Cách mạng vô sản	E. Thành lập Đảng Cộng sản.
3. Việt Nam Quốc dân đảng	C. Cách mạng dân chủ tư sản	G. Phá sản

Câu 20: Nối tên các tổ chức cộng sản gắn với các địa danh cho sẵn sau đây:

Các tổ chức cộng sản	Địa danh
1. Đông Dương Cộng sản đảng	A. Nam Kỳ
2. An Nam Cộng sản đảng	B. Trung Kỳ
3. Đông Dương Cộng sản liên đoàn	C. Bắc Kỳ
	D. Quảng Châu – Trung Quốc

Câu 21: Quan hệ giữa Tân Việt Cách mạng đảng và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là:

- A. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của Thanh niên.
- B. Tân Việt động hợp nhất với Thanh niên
- C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vận động hợp nhất với Tân Việt
- D. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của Thanh niên và vận động hợp nhất với Thanh niên.

Câu 22: Vì sao trong nội bộ của Tân Việt Cách mạng đảng phân hóa?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, lí luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin có ảnh hưởng đến số đảng viên trẻ của Tân Việt.
- B. Nội bộ Tân Việt không thống nhất.
- C. Tác động của tình hình thế giới vào Việt Nam
- D. Sự vận động hợp nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Câu 23: Dưới tác động của hệ tư tưởng nào làm cho Tân Việt cách mạng đảng bị phân hóa?

- A. hủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn
- B. Tư tưởng dân chủ tư sản
- C. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin
- D. Hệ tư tưởng phong kiến

Câu 24: Đường lối đấu tranh của Việt Nam Quốc dân đảng chịu ảnh hưởng của tư tưởng nào?

- A. Chủ nghĩa dân tộc.
- B. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn
- C. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin
- D. Chủ nghĩa dân sinh

Câu 25: Đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng bao gồm những thành phần nào?

- A. Học sinh, sinh viên, tiểu tư sản, trí thức trẻ
- B. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ.
- C. Sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, nông dân khá giả, thân hào địa chủ, binh lính, hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.
- D. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, địa chủ, phong kiến

Câu 26: Sự non yếu của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng được biểu hiện ở những điểm nào?

- A. Thành phần đảng viên của đảng phức tạp
- B. Tổ chức thiếu chặt chẽ, lỏng lẻo.
- C. Cơ sở quần chúng ít, hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ.
- D. Câu A, B và C đúng

Câu 27: Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930)?

- A. Thực dân Pháp tổ chức nhiệm vụ vây ráp
- B. Nhiều cơ sở của đảng bị phá vỡ
- C. Bị động trước tình thế hực dân pháp khủng bố sau vụ giết chết Ba – Danh (9-2-1929) trùm mộ phu cho các đồn điền cao su
- D. Thực hiện mục tiêu của đảng. Đánh đuổi giặc Pháp , thiết lập dân quyền

Câu 28 : Địa điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930)

- A. Yên Bái, Hải Phòng, Hà Nội.
- B. Yên Bái, Hà Nội, Phú Thọ
- C. Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình
- D. Yên Bái.

Câu 29: Nguyên nhân chủ quan nào là cơ bản làm cho khởi nghĩa Yên Bái thất bại?

- A. Thực dân Pháp còn mạnh
- B. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng non yếu.
- C. Khởi nghĩa nổ ra bị động
- D. Khởi nghĩa nổ ra chậm so với yêu cầu.

Câu 30: Ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

- A. Góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai
- B. Châm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng Việt Nam.
- C. Đánh dấu sự khủng hoảng của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản
- D. Việt Nam quốc dân đảng đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 31: Nhân vật nào giữ vị trách lãnh đạo trong Việt Nam Quốc dân đảng?

- A. Phan Bội Châu
- B. Phan Chu Trinh
- C. Tôn Đức Thắng
- D. Nguyễn Thái học

Câu 32: Những địa danh : Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình có mối quan hệ với sự kiện lịch sử nào?

- A. Phong trào công nhân trong những năm 20 của thế kỉ XX
- B. Sự ra đời của Công hội (Bí Mật) ở sài gòn chợ lớn 1920
- C. Khởi nghĩa Yên Bái (9-2- 1929)

Câu 33: Vì sao cuối năm 1928 đầu năm 1929, những người cộng sản Việt Nam thấy cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc?

- A. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.
- B. Do phong trào dân tộc dân chủ, đặc biệt là phong trào công nông Việt Nam phát triển mạnh.

C. Trước sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam Quốc dân đảng tan rã

D. Sự phát triển mạnh của hai tổ chức Thanh niên và Tân Việt.

Câu 34: Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện nào?

- A. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời (3- 1929)
- B. Đại hội toàn Quốc lần thứ nhất của Việt Nam Cách mạng Thanh niên (5-1929)
- C. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng (6-1929)
- D. Thành lập An Nam Cộng sản đảng (7-1929)

Câu 35: Chi Bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời thời gian nào?

- A. Tháng 1-1929 B.Tháng 2-1929 C.Tháng 3-1929 D.Tháng 4-1929

Câu 36: An Nam Cộng sản đảng được ra đời từ tổ chức nào?

- A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên
- B. Các hội viên tiên tiến trong Hội Việt Nam Các mạng Thanh niên ở Trung Quốc và Nam Kỳ
- C. Các hội viên tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng đảng
- D. Số còn lại của VN Quốc dân đảng

Câu 37: Đông Dương Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

- A.Tháng 7-1929 B.Tháng 8-1929 C.Tháng 9-1929 D.Tháng 10-1929

Câu 38. Trong 3 tổ chức được thành lập năm 1929, tổ chức nào ra đời sớm nhất

- A. Đông dương cộng sản liên đoàn B.Đông dương cộng sản đảng
- C.An Nam cộng sản đảng D.Đông dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng

Câu 39. Ý nghĩa của việc thành lập 3 tổ chức cộng sản đối với sự thành lập Đảng Cộng Sản VN ?

- A. Thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ ở VN
- B. Dẫn đến sự trưởng thành của giai cấp công nhân VN
- C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập ĐCS VN D.Cả A B C đúng

Câu 40. sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở VN 1929 có sự hạn chế gì?

- A. Nội bộ những người cộng sản VN chia rẽ, mất đoàn kết ngăn cản sự phát triển của cm VN
- B. Phong trào cm VN có nguy cơ thụt lùi
- C. Phong trào cm VN phát triển chậm lại D.Kẻ thù lợi dụng để đàn áp cách mạng

Câu 41 Nối nhân vật ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
<ul style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Ái Quốc 2. Ngô Gia Tự 3. Tôn Đức Thắng 4. Phạm Hồng Thái 5. Bùi Quang Chiêu 6. Phan Bội Châu 	<ul style="list-style-type: none"> A. Việt Nam Quốc dân đảng B. Sa Diện (Quảng Châu TQ) C. Đảng lập hiến D. Hội VN cm thanh niên E. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở VN G. Phong trào đông du H. Công hội (bí mật) ở Sài Gòn Chợ Lớn.

Câu 42. Sách giáo khoa nêu tên nhiều tờ báo, tên sách: Chuông Rè, An Nam Trẻ, Người Nhà Quê, Người cùng khổ, Nhân Đạo, Đời sống nhân dân, Bản án chế độ TD, Sự thật, Thư tín quốc tế, Thanh niên, Đường cách mệnh. Hãy sắp xếp các tên sách báo theo các nhóm

- A. Sách báo nước ngoài
- B. Sách báo của các phong trào yêu nước dân chủ công khai
- C. Sách báo gắn liền hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

ĐÁP ÁN

1D, 2A, 3C, 4B, 5C, 6D, 7C, 8B, 9C, 10D, 11D

12A, 13B, 14C, 15. 1B; 2E; 3A; 4I; 5H; 6C; 7G; 8D; 9L; 10M

16B, 17C, 18C, 19. 1 với B, E; 2 với A, D; 3 với C, F

20. Nối 1 với C; 2 với A, D; 3 với B.

21D, 22A, 23C, 24B, 25C, 26D, 27C, 28C, 29B, 30A

31C, 32C, 33B, 34A, 35C, 36B, 37C, 38B, 39D, 40A

41. 1:D; 2:E; 3:A; 4:H; 5:B; 6:C; 7:G.

42. A. Nhân đạo, Đời sống công nhân, Sự thật, Thư tín quốc tế

B. Chuông rè, Người nhà quê, An Nam trẻ

C. Người cùng khổ, Thanh niên, Bản án chế độ thực dân, Đường Cách mệnh, Nhân đạo, Sự thật, Đời sống công nhân, Thư tín quốc tế.

CHỦ ĐỀ VIII

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1930-1945)

I. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1935

Câu 1: Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931?

- A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.
- B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo công nhân và nông dân đứng lên chống đế quốc và phong kiến.
- D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 2. Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là khẩu hiệu nào ?

- A. “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày”.
- B. “Tự do dân chủ” và “Cơm áo hòa bình”.
- C. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến”.
- D. “Chống đế quốc” và “Chống phát xít”.

Câu 3. Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1930, phong trào nổ ra mạnh nhất ở đâu?

- A. Ở Trung Kỳ. B. Ở Bắc Kỳ. C. Ở Nam Kỳ. D. Trong cả nước.

Câu 4. Các số liệu sau đây, số liệu nào đúng nhất:

- A. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 50 cuộc đấu tranh của nông dân, 20 cuộc đấu tranh của công dân, 8 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.
- B. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 30 cuộc đấu tranh của nông dân, 40 cuộc đấu tranh của công dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.
- C. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 16 cuộc đấu tranh của công dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.
- D. Riêng trong tháng 5-1930, cả nước có 16 cuộc đấu tranh của nông dân, 34 cuộc đấu tranh của công dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

Câu 5. Từ tháng 5 đến tháng 8 – 1930, trung tâm của phong trào cách mạng chủ yếu diễn ra ở đâu?

- A. Ở miền Trung. B. Ở miền Bắc.
- C. Ở miền Nam. D. Trong cả nước.

Câu 6. Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9-1930 trở đi phong trào cách mạng 1930-1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?

- A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.
- B. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô Viết Nghệ - Tĩnh.
- C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.
- D. Đã thực hiện liên minh công-nông vững chắc.

Câu 7. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào đúng?

- A. Tháng 2-1930, 3000 công nhân đồn điền Phú Riềng bãi công.
- B. Ngày 1-5-1930, 3000 công nhân huyện Thanh Chương nổi dậy phá đồn điền Trí Viễn.
- C. Ngày 12-9-1930, hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghệ An nổi dậy biểu tình.
- D. Tất cả sự kiện trên đều đúng.

Câu 8. Chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?

- A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.
- B. Chia ruộng đất cho dân nghèo. Bãi bỏ các thứ thuế vô lí.
- C. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 9. Hãy chọn các cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau: “Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ-Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Phong trào đã.....”.

- A. Đánh bại hoàn toàn bọn thực dân Pháp và bọn phong kiến.
- B. Giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc, phong kiến tay sai.
- C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- D. Làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn.

Câu 10. Qua thực tế lãnh đạo phong trào cách mạng 1930-1931, Đảng ta được trưởng thành nhanh

chóng. Do đó, tháng 4-1931 Đảng ta được Quốc tế cộng sản công nhận:

- A. Là một chi bộ của Quốc tế Cộng sản.
- B. Là một Đảng trong sạch vững mạnh.
- C. Là một Đảng đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.
- D. Là một Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Câu 11. Trong thời kì đấu tranh để phục hồi lực lượng cách mạng, tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) các chi bộ đã ra những tờ báo nào để bồi dưỡng lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin cho Đảng viên:

- A. “Ý kiến chung”, “Đuốc đưa đường”.
- B. “Đuốc đưa đường”, “Con đường chính nghĩa”.
- C. “Tiếng dân”, “Nhành lúa”.
- D. Tất cả các tờ báo trên.

Câu 12. Hệ thống tổ chức Đảng trong nước nói chung đã được khôi phục vào thời gian nào?

- A. Đầu năm 1932.
- B. Đầu năm 1933.
- C. Cuối năm 1935.
- D. Cuối năm 134 đầu 1935.

Câu 13. Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?

- A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công-nông.
- B. Thành lập được đội quân chính trị của đông đảo quần chúng.
- C. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.
- D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 14. Hai khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày” được thể hiện rõ nét nhất trong thời kì cách mạng nào?

- A. 1930-1931
- B. 1932-1935.
- C. 1936-1939
- D. 1939-1945.

Câu 15. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930-1931 được thể hiện như thế nào?

- A. Phong trào thực hiện sự liên minh công-nông vững chắc.
- B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.
- C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.
- D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ-Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô viết Nghệ-Tĩnh.

Câu 16. Phong trào cách mạng 1930-1931 đạt đến đỉnh cao trong thời điểm lịch sử nào?

- A. Từ tháng 2 đến tháng 4 – 1930.
- B. Từ tháng 5 đến tháng 8 – 1930.
- C. Từ tháng 9 đến tháng 10 – 1930.
- D. Từ tháng 1 đến tháng 5 – 1931.

Câu 17. Công nhân không có việc làm, nông dân tiếp tục bị bần cùng hóa, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị bị điêu đứng, các nghề thủ công bị phá sản nặng nề. Đó là đặc điểm của tình hình xã hội Việt Nam trong thời kì?

- A. 1929-1930.
- B. 1930-1931.
- C. 1931-1932.
- D. 1932-1933.

Câu 18. Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1932-1933) ở các nước tư bản lại ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam?

- A. Vì Việt Nam phụ thuộc Pháp.
- B. Vì kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng kinh tế Pháp
- C. Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc Pháp.
- D. Vì Việt Nam là thị trường của tư bản Pháp.

Câu 19. Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.
- B. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.
- C. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.
- D. Vừa bóc lột công nhân và nhân dân lao động chính quốc, vừa bóc lột các nước thuộc địa.

Câu 20. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) đã ảnh hưởng lớn nhất đến nền kinh tế Việt Nam trên lĩnh vực nào:

- A. Nông nghiệp.
- B. Công nghiệp.
- C. Xuất khẩu.
- D. Thủ công nghiệp.

Câu 21. Lần đầu tiên nhân dân lao động Việt Nam kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động vào thời gian nào?

- A. 1-5-1929.
- B. 1-5-1930.
- C. 1-5-1931.
- D. 1-5-1933.

Câu 22. Năm 1930, Nghệ-Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển nhất vì:

- A. Là nơi bị thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất.
- B. Là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
- C. Là nơi có đội ngũ cán bộ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất.

D. Là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm, là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

Câu 23. Lần đầu tiên truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng sản đã xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và những địa phương khác trong phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân Việt Nam vào thời gian nào?

- A. Tháng 2-1930. B. Tháng 2, 3, 4-1930.
C. 1-5-1930. D. 12-9-1930.

Câu 24. Lần đầu tiên công nhân, nông dân và quần chúng lao động Đông Dương tổ đấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình:

- A. Kéo lá cờ trên chiến hạm Hắc Hải phản đối chính phủ Pháp tấn công nhà máy nước xuyên Việt (1919).
B. Kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1930.
C. Phản đối thực dân Pháp bắt lính người Việt sang tham chiến ở Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).
D. Cả ba ý trên.

Câu 25. Cuộc biểu tình phong trào cách mạng 1930-1931 ở Nghệ-Tĩnh có gần 2 vạn nông dân tham gia diễn ra ở đâu?

- A. Anh Sơn B. Hưng Nguyên.
C. Thanh Chương. D. Can Lộc.

Câu 26. Trước khi thế đấu tranh của quần chúng công nông, bộ máy chính quyền của đế quốc và phong kiến tay sai ở nhiều địa phương thuộc Nghệ-Tĩnh bị tan rã. Các tổ chức Đảng ở địa phương đã kịp thời lãnh đạo nhân dân thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lý đời sống của mình đó là kết quả của phong trào đấu tranh nào?

- A. Phong trào cách mạng 1930-1931.
B. Biểu tình 1-5-1930 trên toàn quốc.
C. Biểu tình 12-9-1930 của nông dân huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.
D. Đấu tranh vũ trang của nông dân, công nhân... tháng 9-10-1930.

Câu 27. Chính quyền cách mạng ở Nghệ-Tĩnh được gọi là chính quyền Xô viết vì:

- A. Chính quyền đầu tiên của công nông.
B. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.
C. Hình thức của chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).
D. Hình thức chính quyền theo kiểu nhà nước mới.

Câu 28. Tổ chức nào đứng ra quản lý mọi mặt đời sống, chính trị, xã hội ở nông thôn Nghệ-Tĩnh?

- A. Ban chấp hành nông hội. B. Ban chấp hành công hội.
C. Hội phụ nữ giải phóng. D. Đoàn thanh niên phản đế.

Câu 29. Chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh tồn tại trong khoảng thời gian bao lâu?

- A. Từ 2 đến 3 tháng. B. Từ 3 đến 4 tháng.
C. Từ 4 đến 5 tháng. D. Từ 5 đến 6 tháng.

Câu 30. Cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ vô cùng khó khăn. Đế quốc Pháp và phong kiến tay sai thẳng tay thi hành một chính sách khủng bố cực kỳ tàn bạo. Các cơ sở của Đảng lần lượt bị phá vỡ. Đó là đặc điểm của lực lượng cách mạng Việt Nam giai đoạn:

- A. 1930-1931. B. 1931-1932.
C. 1933-1934. D. 1934-1935.

Câu 31. Hệ thống tổ chức của Đảng nói chung được phục hồi vào thời gian nào?

- A. Đầu năm 1932. B. Đầu năm 1933.
C. Cuối năm 1935. D. Cuối năm 1934 đầu 1935.

Câu 32. Thời kỳ Cách mạng từ 1930-1935 là thời kỳ:

- A. Đảng ta ra hoạt động công khai. B. Đảng ta hoạt động mạnh mẽ.
C. Đảng ta hoạt động nửa công khai, nửa bí mật. D. Đảng ta hoạt động bí mật.

Câu 33. Đại hội lần thứ nhất của Đảng diễn ra vào thời gian nào, ở đâu?

- A. Ngày 3-1935 ở Ma Cao – Trung Quốc
B. Ngày 3-1935 ở Hương Cảng – Trung Quốc.
C. Ngày 3-1935 ở Xiêm – Thái Lan.
D. Ngày 3-1935 ở Cao Bằng – Việt Nam.

Câu 34. Lãnh tụ nào của Đảng Cộng sản Việt Nam đã hi sinh trong nhà tù đế quốc trong thời kỳ 1930-1935?

- A. Trần Phú. B. Trương Đức Cảnh.

C. Nguyễn Phong Sắc.

D. Ngô Gia Tự.

Câu 35. Trong thời kì cách mạng từ 1930-1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị giam trong nhà tù nào?

A. Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). B. Nhà tù Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Nhà tù Côn Sơn.

D. Nhà tù Côn Đảo.

Câu 36. Hãy điền đúng (Đ) sai (S) vào các câu sau đây:

A. Phong trào cách mạng 1930-1931 diễn ra ở Bắc, Trung, Nam.

B. Phong trào cách mạng 1930-1931 diễn ra ở tỉnh Nghệ An.

C. Xô viết Nghệ-Tĩnh là đỉnh cao của cao trào 1930-1931.

D. Lực lượng quan trọng nhất tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 là tiểu tư sản, nông dân.

E. Ngày 12-9-1930 là cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên – Nam Đàn – Nghệ An.

F. Xô viết Nghệ-Tĩnh là hình thức chính quyền cách mạng theo kiểu Xô viết Nga.

G. Tháng 3-1935 Đại hội Đảng lần thứ nhất họp ở Ma Cao (Trung Quốc).

H. Cuối năm 1931 các cơ sở của Đảng đã được phục hồi.

II. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939

Câu 37. Sau những cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?

A. Ở Đức, Pháp, Nhật.

B. Ở Đức, Tây Ban Nha, Ý.

C. Ở Đức, Italia, Nhật.

D. Ở Đức, Áo-Hung.

Câu 38. Chủ nghĩa phát xít có những đặc điểm nào để phân biệt với chủ nghĩa tư bản?

A. Độc tài tàn bạo nhất, sô vanh nhất.

B. Bóc lột tột độ đối với công nhân.

C. Đế quốc chủ nghĩa nhất của bọn tư bản tài chính.

D. Câu A và C đúng.

Câu 39. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 6-1934 tại Ma Cao (Trung Quốc).

B. Tháng 7-1935 tại Mátxcova (Liên Xô).

C. Tháng 3-1935 tại Ma Cao (Trung Quốc).

D. Tháng 7-1935 tại Ianta (Liên Xô).

Câu 40. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là bọn nào?

A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.

B. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.

C. Không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.

D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 41. Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự đại hội?

A. Nguyễn Ái Quốc.

B. Phạm Văn Đồng.

C. Nguyễn Văn Cừ.

D. Lê Hồng Phong.

Câu 42. Trong những năm 1936, mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền?

A. Nước Đức.

B. Nước Pháp.

C. Nước Anh.

D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 43. Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại. Đó là nhờ chính sách của tổ chức nào?

A. Mặt trận nhân dân Pháp.

B. Mặt trận nhân dân Liên Xô.

C. Quốc tế Cộng sản.

D. Thực dân Pháp.

Câu 44. Những sự kiện nào sau đây có liên quan đến cuộc vận động dân chủ 1936-1939?

A. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của quốc tế Cộng Sản.

B. Thực dân đàn áp dã man Xô viết Nghệ-Tĩnh.

C. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936.

D. Câu A và C đúng.

Câu 45. Căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng Sản, Đảng Cộng sản Đông Dương là bọn nào?

A. Thực dân Pháp

B. Bọn phản động thuộc địa cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận nhân dân Pháp.

C. Bọn phong kiến

D. Câu A và B đúng.

Câu 46. Nhiệm vụ cách mạng được Đảng ta xác định trong thời kì 1936-1939 là gì?

- A. Đánh đuổi đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập.
- B. Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày.
- C. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 47. Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

- A. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- C. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 48. Đến tháng 3-1938, tên gọi của mặt trận ở Đông Dương là gì?

- A. Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương.
- B. Mặt trận thống nhất phản đế Đông Dương.
- C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 49. Hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 – 1939 diễn ra như thế nào?

- A. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.
- B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- C. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.
- D. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

Câu 50. Phong trào Đông Dương Đại hội diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ năm 1936 đến năm 1939.
- B. Từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1937.
- C. Từ giữa năm 1936 đến tháng 3 năm 1938.
- D. Từ giữa năm 1936 đến tháng 9 năm 1936.

Câu 51. Qua các cuộc mít tinh biểu tình, đưa “dân nguyện”, lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất?

- A. Công nhân và nông dân.
- B. Học sinh và thợ thủ công.
- C. Trí thức và dân nghèo thành thị.
- D. Câu A và C đúng.

Câu 52. Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 diễn ra vào thời gian nào? ở đâu?

- A. Vào ngày 1-8-1936, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội)
- B. Vào ngày 1-5-1938, tại Bến Thủy, Vinh
- C. Vào ngày 1-5-1939, tại Hà Nội
- D. Vào ngày 1-5-1938, tại nhà Đấu Xảo-Hà Nội.

Câu 53. Tác phẩm “Vấn đề dân cày” của Qua Ninh và Văn Đình được in và phát hành rộng rãi trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939. Vậy Qua Ninh và Văn Đình là ai?

- A. Sóng Hồng và Xuân Thủy
- B. Nguyễn Ái Quốc và Phạm Văn Đồng
- C. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp
- D. Trần Phú và Hà Huy Tập

Câu 54. Trong những năm 1937 – 1938, Đảng Cộng Sản Đông Dương lợi dụng khả năng hợp pháp đưa người của Đảng và của Mặt trận vào Hội đồng Quản hạt ở Nam Kỳ và Viện dân biểu ở Bắc-Trung Kỳ nhằm mục đích gì?

- A. Vận động bọn tay sai của thực dân Pháp đứng về phía cách mạng để đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.
- B. Mở rộng địa bàn hoạt động trong cả nước, gây cơ sở cách mạng trong toàn quốc.
- C. Nắm bắt tình hình để đối phó với kẻ thù trong bất cứ tình huống nào đồng hồ chuẩn bị tiến đến thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 55. Trong cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là 2 sự kiện nào?

- A. Phong trào Đại hội Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.
- B. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.
- C. Phong trào đón Gôđa và đấu tranh nghị trường.
- D. Phong trào báo chí và đòi dân sinh dân chủ.

Câu 56. Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là gì?

- A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.
- B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.
- C. Tập hợp được một lực lượng công – nông hùng mạnh.

- D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

Câu 57. Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII (7-1935) đã có những chủ trương gì?

- A. Thành lập Đảng Cộng sản ở mỗi nước.
B. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước.
C. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước tư bản.
D. Thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước thuộc địa.

Câu 58. Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền vào năm nào?

- A.1935 B.1936 C.1937 D.1938

Câu 59. Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo sách lược trong thời kì 1936-1939 dựa trên cơ sở nào?

- A. Đường lối nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.
B. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.
C. Tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi.
D. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh.

Câu 60. Khẩu hiệu đấu tranh của thời kì cách mạng 1936-1939 là gì?

- A. “Đánh đổ đế quốc Pháp- Đông Dương hoàn toàn độc lập”
B. “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”
C. “Độc lập dân tộc” “Người cày có ruộng”
D. “Chống phát xít chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo hoà bình”.

Câu 61. Tháng 8-1936, Đảng chủ trương phát động phong trào gì?

- A.Đông Dương Đại hội B.Phong trào đòi dân sinh dân chủ.
C.Vận động người của Đảng vào Viện dân biểu. D.Mít tinh diễn thuyết thu thập “dân nguyện”.

Câu 62. Mít tinh biểu tình đưa “dân nguyện” đó là hình thức đấu tranh của phong trào nào?

- A. Đông Dương Đại hội.
B. Phong trào đón đoàn phái viên của chính phủ Pháp và toàn quyền mới xứ Đông Dương.
C.A và B đúng. D.Câu A và B sai.

Câu 63. Phong trào Đông Dương Đại hội diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ năm 1936 đến năm 1939. B.Từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1937.
C.Từ giữa năm 1936 đến tháng 3-1938. D.Từ giữa năm 1936 đến tháng 9-1936.

Câu 64. Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936-1939 thực sự là một cuộc cách mạng gì?

- A. Một cao trào cách mạng dân tộc dân chủ. B.Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
C.Một cuộc đấu tranh giai cấp. D.Một cuộc tuyên truyền vận động chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 65. Điều nào không phải chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với các thuộc địa?

- A. Cho phép lập hội ái hữu. B.Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân.
C.Trả tự do cho một số tù chính trị. D.Cho phép xuất bản báo chí.

Câu 66. Cuộc mít tinh khổng lồ của 2 vạn rưỡi người diễn ra tại khu Đấu Xảo – Hà Nội vào ngày nào?

- A.1-5-1930 B.1-5-1935 C.1-5-1938 D.1-5-1939

Câu 67. Hình thức đấu tranh chủ yếu của phong trào Đông Dương đại hội là gì?

- A.Tuần hành. B.Mít tinh. C.Đưa dân nguyện. D.Diễn thuyết.

Câu 68. Kết quả lớn nhất của phong trào cách mạng dân chủ 1936-1939 là gì?

- A. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phần quyền dân sinh, dân chủ.
B. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.
C. Thành lập Mặt trận dân chủ nhân dân đoàn kết rộng rãi các tầng lớp xã hội.
D. Quần chúng được tổ chức và giác ngộ, Đảng được tôi luyện, tích lũy kinh nghiệm xây dựng mặt trận thống nhất.

Câu 69. Vì sao cao trào dân chủ 1936-1939 được xem là cuộc tổng diễn tập lần thứ 2 chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng 8-1945?

- A. Uy tính và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, trình độ của Đảng viên được nâng cao.
B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến rộng rãi.
C. Tập dượt cho quần chúng đấu tranh chính trị, thành lập một đội quân chính trị rộng lớn tập hợp chung quanh đảng.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 70. Hãy điền đúng(Đ) sai(S) vào các câu sau đây:

- A. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã làm cho mâu thuẫn xã hội trong các nước tư bản chủ nghĩa trở nên sâu sắc.
- B. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện ở Anh, Pháp, Italia.
- C. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện ở Đức, Italia, Nhật.
- D. Năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt thắng cử vào nghị viện.
- E. Tháng 3-1938, Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương đổi thành Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- F. Gôđa là toàn quyền xứ Đông Dương năm 1935.
- G. Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương (1936-1939) là bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

Câu 71. Hãy nối niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1. 7-1935 2. 3-1938 3. 8-1936 4. 1936 5. 11-1936 6. 1937 7. 1-5-1938	A. Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền. B. Phong trào Đông dương đại hội. C. Đón pháo viên chính phủ Pháp. D. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII. E. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận dân chủ thống nhất. F. Mít tinh tại khu Đấu Xảo – Hà Nội. G. Tổng bãi công của công ti than Hòn Gai.

Câu 72 .Hãy chỉ ra câu không đúng sau đây:

- A. Trong những năm 1936-1939 phong trào đấu tranh cách mạng là kết hợp khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai nửa công khai.
- B. Nhiệm vụ cách mạng được xác định trong thời kì 1936-1939 là đánh đổ phong kiến thực hiện người cày có ruộng.
- C. Tên gọi của mặt trận thống nhất thời kì 1936-1939 là mặt trận dân chủ Đông Dương.
- D. Ngày 1-5-1938, Tổng bãi công của công nhân công ti Hòn Gai.

III. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1939-1945

Câu 73. Đảng ta xác định kẻ thù trong giai đoạn cách mạng 1939-1945 là bọn nào?

- A. Bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.
- B. Bọn đế quốc và phát xít.
- C. Bọn thực dân và phong kiến.
- D. Bọn phát xít Nhật.

Câu 74 Hội nghị lần 6 (11-1939) của Ban chấp hành Trung ương đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?

- A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.
- B. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.
- C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.
- D. Tất cả nhiệm vụ trên.

Câu 75 Đến tháng 11-1939 tên gọi của mặt trận Đông Dương là gì?

- A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận phản đế phản phong.
- D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 76 Mỗi quan hệ giữa hai câu khẩu hiệu : “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất cho dân cày” được giải quyết như thế nào trong thời kì 1939-1945?

- A. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.
- B. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. Tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu trên một cách đồng bộ.
- D. Cả câu A và câu B đều đúng.

Câu 77. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng ta diễn ra vào ngày tháng năm nào? Tại đâu?

- A. Ngày 19-5-1941 tại Bà Điểm – Hóc Môn.
- B. Ngày 19-5-1939 Pắc Bó – Cao Bằng.
- C. Ngày 6-11-1939 tại Bà Điểm – Hóc Môn.
- D. Ngày 10-5-1940 Tại Bình Đăng.

Câu 78. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn và chỉ đạo chiến lược cách mạng như thế nào?

- A. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- B. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.
- C. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.
- D. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Câu 79. Việc nêu khẩu hiệu thành lập “Chính phủ cộng hòa dân chủ” là khẩu hiệu của nghị quyết nào trong thời kì cách mạng 1939-1945?

- A. Hội nghị Trung ương đảng lần 6.
- B. Hội nghị trung ương đảng lần thứ 8.
- C. Hội nghị quân sự Bắc Kỳ.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 80. Trong các thời điểm sau đây thời điểm nào bùng nổ khởi nghĩa Bắc Sơn?

- A.22-9-1940. B.29-9-1940. C.23-11-1940. D.20-10-1940.

Câu 81. Nguyên nhân khác nhau của khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Nam Kỳ là gì?

- A. Mâu thuẫn sâu sắc giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và phát xít Nhật.
B. Binh lính người Việt trong quân đội Pháp bị bắt làm bia đỡ đạn ở mặt trận Thái Lan.
C. Pháp đầu hàng Nhật vào Đông Dương. D.Câu B và câu C đúng.

Câu 82. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa nào?

- A.Khởi nghĩa Bắc Sơn. B.Khởi nghĩa Nam Kỳ. C.Khởi nghĩa Ba Tơ. D.Binh biến Đô Lương.

Câu 83. Những người con ưu tú của Đảng như Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai bị thực dân Pháp xử bắn sau cuộc khởi nghĩa nào?

- A.Khởi nghĩa Yên Bái. B.Khởi nghĩa Bắc Sơn. C.Khởi nghĩa Nam kỳ. D.Binh biến Đô Lương.

Câu 84. Lực lượng nào tham gia vào cuộc binh biến Đô Lương (13-1-1941)?

- A.Đông đảo quần chúng tham gia. B.Chủ yếu nông dân và công nhân.
C.Chủ yếu là nông dân. D.Chỉ có binh lính người Việt trong quân đội Pháp, không có quần chúng tham gia.

Câu 85. Nguyên nhân chung làm cho ba sự kiện: Khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa nam kỳ và binh biến Đô Lương bị thất bại?

- A. Quần chúng chưa được tham gia khởi nghĩa và binh biến.
B. Kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ.
C.Lực lượng vũ trang còn non yếu. D.Lệnh tạm hoãn khởi nghĩa về không kịp.

Câu 86. Ý nghĩa chung của ba sự kiện :Khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa nam kỳ và binh biến Đô Lương ?

- A. Giáng 1 đòn phủ đầu chí tử vào thực dân Pháp đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật.
B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang.
C. Giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân phong kiến. D.Câu A và B đúng.

Câu 87. Với “hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương”giữa Pháp và Nhật kí ngày 23-7-1941, Pháp đã thừa nhận Nhật có quyền gì ở Đông Dương?

- A. Có quyền chỉ huy kinh tế. B.Có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương. C.Có quyền độc chiếm 3 sân bay Cát bi, Gia Lâm, Phủ Lạng Thương.
D.Có quyền đưa 6000 quân đóng ở phía Bắc sông Hồng.

Câu 88. Nguyên nhân dẫn đến hậu quả là cho hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói ở Miền Bắc trong mấy năm đầu 1945 là gì?

- A. Thực dân Pháp bắt dân ta bán thóc theo diện tích cây cấy.
B. Phát xít Nhật bắt dân ta nhổ lúa, phoi hoa màu để trồng đay, thầu dầu.
C. Ngăn chặn không cho vận chuyển lương thực từ miền Nam ra Bắc. D.Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 89. Sách giáo khoa lịch sử 12 tập II trang 52 có viết: “Cuộc sống của nhân dân thời đó thật sự khốn quẫn. Bị trót hết hạt gạo mà họ năm nắng, mười sương mới kiếm được, hay may thay mảnh vải mà họ thức khuya, dậy sớm để dệt thành, họ sống cảm hơi với bát cháo cám nhạt, và trên mình chịu rét đêm đông”. Đó là tình cảnh nông dân Việt Nam được mô tả trong thời kì nào?

- A. Trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. B.Trong thời kì 1930 – 1931.
C.Trong thời kì 1936 – 1939. D.Không phải các thời kì trên.

Câu 90. Nhà thơ Tố Hữu viết

*“Ba mươi năm chân không mỏi
Mà đến bây giờ mới tới nơi”*

Đó là hai câu thơ nói về quá trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và đến khi Người quay về Tổ quốc. Vậy, Người về nước vào thời điểm nào? Ở đâu?

- A. Ngày 25-1-1941 tại Pắc Bó – Cao Bằng. B.Ngày 28-1-1941 tại Tân Trào – Tuyên Quang.
C.Ngày 28-1-1941 tại Pắc Bó – Cao Bằng. D.Ngày 28-2-1941 tại Hà Nội.

Câu 91. Từ ngày 10 đến 19-5-1941 ở Việt Nam diễn ra sự kiện lịch sử gì quan trọng có liên quan đến Cách mạng tháng Tám?

- A. Đức mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Liên Xô. B.Nguyễn Ái Quốc mới đặt chân về Tổ quốc.
C.Quá trình diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8. D.Câu A và C đúng.

Câu 92. Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày lúc nào? “Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp trâu ngựa, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm sau cũng không đối được”.

A. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939).

- B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941).
- C. Trong thư gửi đồng bào toàn quốc sau Hội nghị TW lần thứ 8.
- D. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 93. Tại Hội nghị TW Đảng lần thứ 8, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận nào?

- A. Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Đồng Minh.
- C. Mặt trận Việt Minh.
- D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 94. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- B. Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6.
- C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. Cùng cố được khối đoàn kết toàn dân.

Câu 95. Trình bày xuất xứ của đoạn văn sau đây: “Trong lúc này quyền lợi giải phóng dân tộc cao hơn hết thảy. Chúng ta hãy đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian đang cứu nòi goings ra khỏi nước sôi, lửa nóng”.

- A. Trong thư của Nguyễn Ái Quốc gửi đến đồng bào cả nước.
- B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.
- C. Trong lời hịch của mặt trận Việt Minh.
- D. Trong Quân lệnh số 1 của Mặt trận Việt Minh.

Câu 96. Đội Cứu quốc quân ra đời là sự kết hợp giữa hai tổ chức vũ trang nào?

- A. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Ba Tơ.
- B. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
- C. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam giải phóng quân.
- D. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Thái Nguyên.

Câu 97. Việc gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn là việc làm của tổ chức nào?

- A. Đội du kích Bắc Sơn.
- B. Đội Cứu quốc quân.
- C. Đội du kích Thái Nguyên.
- D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 98. Năm 1942, tỉnh nào được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh?

- A. ao Bằng.
- B. Bắc Cạn.
- C. Lạng Sơn.
- D. Tuyên Quang.

Câu 99. Những sách báo nào của Đảng trong thời kì 1939 – 1945, đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng?

- A. “Tiếng dân”, “Tin tức”, “Thời mới”.
- B. “Giải phóng”, “Cờ giải phóng”, “Chặt xiềng”, “Cứu quốc”, “Việt Nam độc lập”, “Kèn gọi lính”.
- C. “Tin tức”, “Thời mới”, “Nhành lúa”.
- D. Câu A và C đúng.

Câu 100. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai làm đội trưởng, lúc mới thành lập có bao nhiêu người?

- A. do đồng chí Võ Nguyên Giáp – Có 36 người.
- B. Do đồng chí Trường Chinh – Có 34 người.
- C. Do đồng chí Phạm Hùng – Có 35 người.
- D. Do đồng chí Hoàng Sâm – Có 34 người.

Câu 101. Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời, đó là sự hợp nhất của các tổ chức nào?

- A. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
- B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.
- C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Bà Tơ.
- D. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 102. Ngay trong đêm 9-3-1945, khi Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp và nhận định tình hình như thế nào?

- A. Cuộc đảo chính Nhật – Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.
- B. “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
- C. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 103. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật – Pháp” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong:

- A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (9-3-1945).
- B. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
- C. Hội nghị toàn quốc của đảng (từ 13 đến 15-8-1945).
- D. Đại hội quốc dân Tân Trào.

Câu 104. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung thể hiện trong Nghị quyết nào của Đảng?

- A. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

- B. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945).
 C. Nghị quyết của Đại hội quốc dân Tân Trào.
 D. Nghị quyết của ban thường vụ Trung ương Đảng họp ngay trong đêm 9-3-1945.

Câu 105. Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

- A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh bạo lực.
 C. Đấu tranh chính trị D. Đấu tranh ngoại giao.

Câu 106. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây :

A	B
1- Từ 6 đến 8-11-1939	A. Nhật nhảy vào Đông Dương.
2- Ngày 22-9-1940	B. Nguyễn Ái Quốc về nước.
3- Ngày 27-9-1940	C. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, tại Bà Điem – Hóc Môn.
4- 28-1-1941	D. Khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ.
5- 13-1-1941	E. Cuộc binh biến ở Đô Lương.
6- 19-5-1941	F. Nhật đảo chính Pháp.
7- 22-12-1944	G. Thành lập Mặt trận Việt Minh.
8- 9-3-1945	H. Đại hội quốc dân Tân Trào.
9- Từ 13 đến 15-8-1945	I. Thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
10- Từ 16 đến 18-8-1945	J. Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Câu 107. Tháng 6-1945 diễn ra sự kiện gì tiêu biểu nhất ?

- A. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. B. Quân đội phát xít Đức kéo vào nước Pháp.
 C. Nhật kéo vào Lạng Sơn Việt Nam. D. Nhật đánh chiếm Trung Quốc.

Câu 108. Ở Đông Dương năm 1940 thực dân Pháp đứng trước hai nguy cơ nào ?

- A. Đầu hàng Nhật đàn áp nhân dân Đông Dương.
 B. Đánh bại Nhật đàn áp nhân dân Đông Dương.
 C. Ngọn lửa cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng nổ, phát xít Nhật vào Đông Dương hất cẳng Pháp.
 D. Cầu kết với Nhật khủng bố nhân dân Đông Dương.

Câu 109. Thực dân Pháp ở Đông Dương thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương và thỏa hiệp với phát xít Nhật, phát xít Nhật, phát xít Nhật lôi kéo, tập hợp tay sai tuyên truyền lừa bịp để dọn đường hất cẳng Pháp. Đó là đặc điểm tình hình Việt Nam trong thời kì :

- A. 1930-1931. B. 1932-1933. C. 1936-1939. D. 1939-1940.

Câu 110. Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn dần từng bước để :

- A. Biến Đông dương thành thuộc địa của Nhật. B. Để độc quyền chiếm Đông Dương.
 C. Biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.
 D. Làm bàn đạp tấn công nước khác.

Câu 111. Hiệp ước "Phòng thủ chung Đông Dương" được kí giữa Nhật và Pháp ngày nào ?

- A. 23-7-1941. B. 29-7-1941. C. 7-12-1941. D. 10-12-1941.

Câu 112. Để đối phó với tình hình mới, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách gì ?

- A. Mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.
 B. Thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, thỏa hiệp với Nhật để đàn áp nhân dân ta.
 C. Thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy". D. Tăng các loại thuế gấp 3 lần.

Câu 113. Dưới hai tầng áp bức bóc lột nặng nề của Pháp – Nhật, giai cấp nào bị khốn khổ nhất, tổn thất nhiều nhất trong nạn đói 1944-1945 ?

- A. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là nông dân.
 B. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là công nhân.
 C. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là thợ thủ công.
 D. Trong tổng số gần 2 triệu người chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 đa số là thợ mỏ.

Câu 114. Hiệp ước phòng thủ chung của Đông Dương (23-7-1941) được kí giữa Pháp và Nhật thừa nhận :

- A. Pháp cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt.
 B. Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.
 C. Nhật có quyền sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển ở Đông Dương vào mục đích quân sự.
 D. Pháp phải đảm bảo hậu phương an toàn cho quân đội Nhật.

Câu 115. Nguyên nhân trực tiếp làm hơn 2 triệu người miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945 ?

- A. Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay. B. Tăng thuế để vợ vét bóc lột nhân dân ta.

C.Thu mua thực phẩm chủ yếu là lúa gạo theo lối cường bách với giá rẻ mạt.

D.Nhật bắt Pháp phải vợ vệt của nhân dân ta cung đốn cho Nhật.

Câu 116. Sự áp bức, bóc lột dã man của Nhật – Pháp đã dẫn đến hậu quả gì ?

A. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam, với phát xít Nhật sâu sắc.

B. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp sâu sắc.

C. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật – Pháp sâu sắc.

D. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

Câu 117. Mục đích của Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay là gì ?

A. Phá hoại nền nông nghiệp của ta.

B.Phát triển trồng cây công

nghiệp. C.Lấy nguyên liệu cần thiết phục vụ chiến tranh. D.Phát triển công nghiệp.

Câu 118. Cuộc khởi nghĩa đã để lại cho Đảng ta những bài học bổ ích và khởi nghĩa vũ trang, xây dựng lực lượng, chiến tranh du kích là cuộc khởi nghĩa nào ?

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940). B. Khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940).

C. Binh biến Đô Lương (1-1940). D. Cả ba cuộc khởi nghĩa.

Câu 119. Điểm giống nhau về ý nghĩa của ba sự kiện: Bắc Sơn, Nam Kỳ và Binh biến Đô Lương là gì?

A. Các lực lượng vũ trang cách mạng ra đời phát triển từ ba cuộc khởi nghĩa.

B. Giáng đòn chí tử vào thực dân Pháp, nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật, là những phát súng đầu tiên báo hiệu một cao trào cách mạng mới.

C. Để lại những bài học kinh nghiệm về xây dựng lực lượng về khởi nghĩa vũ trang.

D. Mở ra một thời kì đấu tranh mới.

Câu 120. Ba cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Binh biến Đô Lương đã để lại bài học kinh nghiệm lớn nhất nào?

A. Bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang, về xây dựng lực lượng vũ trang và chiến tranh du kích.

Câu 121. Là một cuộc nổi dậy tự phát của binh lính, không có sự lãnh đạo của Đảng và không có sự phối hợp của quần chúng. Đó là đặc điểm của sự kiện lịch sử nào?

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940).

B.Khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940).

C.Binh biến Đô Lương (1-1941).

D.Khởi nghĩa nông dân Yên Bái (2-1930).

Câu 122. Hãy nối các niên đại ở cột A với các sự kiện của cột B

A	B
1. 9-1939	A. Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức
2. 8-1940	B. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương.
3. 6-1940	C. Chiến tranh thế giới 2 bùng nổ.
4. 27-9-1940	D. Hiệp ước Pháp – Nhật thừa nhận Nhật có đặc quyền ở Đông Dương.
5. 23-11-1940	E. Hai triệu đồng bào miền Bắc chết đói.
6. 23-7-1940	F. Khởi nghĩa Bắc Sơn.
7. Cuối 1944 đầu 1945	G. Khởi nghĩa Nam Kỳ.
8. 13-1-1941	H. Binh biến Đô Lương.

Câu 123. Tình hình thế giới tháng 6-1941 diễn ra như thế nào?

A. Chiến tranh thế giới bùng nổ.

B.Phát xít Đức tấn công Liên Xô.

C.Phát xít Đức tấn công Pháp.

D.Phát xít Đức tấn công Bỉ, Hà Lan.

Câu 124: Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 tổ chức tại đâu ?

Ấc Bó (Cao Bằng). B. Bắc Cạn

C.Bắc Sơn (Lạng Sơn).

D. Tân Trào (Tuyên Quang)

Câu 125 : Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII tổ chức trong khoảng thời gian nào ?

A. Từ 10 đến 15-5-1941.

B. Từ 10 đến 19-5-1941.

C. Từ 10 đến 25-5-1941.

D. Từ 10 đến 29-5-1941.

Câu 126: Từ 15 đến 19-5-1941, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử nào?

A. Hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

B. Nguyễn Ái Quốc mới đặt chân về Tổ quốc.

C. Quá trình diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

D.Câu A và C đúng.

Câu 127: Hội nghị ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam là gì?

A. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.

- B. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Pháp-Nhật.
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.
- D. Mâu thuẫn giữa nhân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

Câu 128: Hội nghị ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 quyết định tạm gác khẩu hiệu nào?

- A. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày”.
- B. “Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày”.
- C. “Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng đất”.
- D. Thực hiện “Người cày có ruộng”.

Câu 129: Hội nghị ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Đông Dương lần 8 đề ra khẩu hiệu gì?

- A. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo”.
- B. “Người cày có ruộng”.
- C. Giảm tô, giảm tức.
- D. “Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày”.

Câu 130: “Liên hiệp hết thảy với các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đề cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn”, đó là chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương khi thành lập:

- A. Mặt trận dân tộc thống nhất Đông Dương.
- B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương.
- D. Mặt trận Việt minh.

Câu 131: Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập ngày nào?

- A. 10-5-1941
- B. 15-5-1941
- C. 19-5-1941
- D. 29-5-1941

Câu 132: Đội du kích đầu tiên của cách mạng Việt Nam có tên gọi là gì?

- A. Đội du kích Bắc Sơn.
- B. Đội du kích Ba Tơ.
- C. Đội du kích Võ Nhai.
- D. Đội du kích Đình Bảng.

Câu 133 : Đội du kích Bắc Sơn – Vũ Nhai hợp nhất với đội du kích Thái Nguyên thành :

- A. Việt Nam giải phóng quân.
- B. Cứu quốc quân.
- C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
- D. Quân đội nhân dân.

Câu 134 : Đội Cứu quốc quân ra đời đó là sự hợp nhất giữa :

- A. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Ba Tơ.
- B. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
- C. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam giải phóng quân.
- D. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Thái Nguyên.

Câu 135 : Việc gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn là việc làm của tổ chức cách mạng nào ?

- A. Đội du kích Bắc Sơn.
- B. Đội cứu quốc quân.
- C. Đội du kích Thái Nguyên.
- D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 136 : Bản chỉ thị « Sửa soạn khởi nghĩa » và kêu gọi nhân dân « Sấm vũ khí đuổi thù chung » là của :

- A. Ban chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Hồ Chí Minh.
- C. Tổng bộ Việt Minh.
- D. Cứu quốc quân.

Câu 137 : Nhiều tờ báo của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã xuất bản là :

- A. Tiền phong, Dân chúng, Lao động.
- B. Bạn dân, Tin tức.
- C. Thanh niên, Nhanh lửa.
- D. Giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam Độc lập.

Câu 138: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai làm đội trưởng, lúc mới thành lập có bao nhiêu người?

- A. Đồng chí Võ Nguyên Giáp; có 36 người.
- B. Đồng chí Trường Chinh; có 34 người.
- C. Đồng chí Phạm Hùng; có 35 người.
- D. Đồng chí Hoàng Sâm; có 34 người.

Câu 139: Vì sao Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp vào đêm 9-3-1945?

- A. Nhật đang khôn dòn trước các đòn tấn công dồn dập của Anh- Mĩ.
- B. Phe phát xít đang thua to.
- C. Đế quốc chiếm Đông Dương.
- D. Nước Pháp đã được giải phóng.

Câu 140: Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” là của:

- A. Tổng bộ Việt Minh.
- B. Hồ Chí Minh.
- C. Ban thường vụ TW Đảng.
- D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 141: Sau khi Nhật đảo chính Pháp, kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là:

- A. Thực dân Pháp.
- B. Phát xít Nhật.
- C. Phát xít Pháp - Nhật.
- D. Phát xít Nhật và đồng minh của Nhật.

Câu 142: Chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” có nội dung cơ bản là gì?

A. Kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.

B.Kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.

C. Phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”. D. Khởi động giành chính quyền.

Câu 143: Hội nghị quân sự Bắc Kỳ (15-4-1945) quyết định những vấn đề gì?

- A. Thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
B. Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.
C. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân.
D. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc

Câu 144: Ủy ban quân sự Bắc Kỳ được thành lập có nhiệm vụ cơ bản là gì?

- A. Chỉ huy các chiến khu mật miền Bắc và giúp đỡ toàn quốc về quân sự.
B. Thành lập Việt Nam giải phóng quân.
C. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc. D. Thành lập ủy ban lâm thời khu giải phóng.

Câu 145: Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ 9-3-1945 đến 13-8-1945. B. Từ 9-3-1945 đến 30-8-1945.
C. Từ 9-3-1945 đến 2-9-1945. D. Từ 14-8-1945 đến 2-9-1945.

Câu 146: Sự kiện nào sau đây không phụ thuộc thời kỳ Cao trào kháng Nhật cứu nước?

- A. Khởi nghĩa Ba Tơ. B. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.
C. “Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói”. D. Chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa” của Tổng bộ Việt Minh.

Câu 147: Sự kiện nào có liên quan đến việc quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng thành “Việt Nam giải phóng quân”:

- A. Hội nghị TW Đảng lần thứ 8 (5-1941). B. Hội nghị quân sự Bắc Kỳ (15-4-1945).
C. Chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh (7-5-1944). D. Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh (12-1944).

Câu 148: Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B cho phù hợp:

A		B	
1.	28	A.	Hội
-1-1941		ng nghị BCH TW Đảng lần thứ 8.	
2.	9-	B.	Đội
3-1945		Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành lập.	
3.	15	C.	Lãnh
-4-1945		tụ Nguyễn Ái Quốc về nước.	
4.	10	D.	Việt
-19-5-1945		Minh ra chỉ thị “Sấm vũ khí đuổi thù chung”.	
5.	22	E.	Mặt
-12-1944		trận Việt Minh thành lập.	
6.	7-	F.	Nhật
5-1944		đảo chính Pháp.	
7.	19	G.	Thôn
-5-1941		g nhất các lực lượng vũ trang thành lập Việt Nam giải phóng quân.	

Câu 149: Ở Châu Âu, phát xít Đức đã bị tiêu diệt hoàn toàn và buộc phải đầu hàng không điều kiện với Đồng minh vào thời gian nào?

- A. 8-4-1945 B. 8-5-1945 C. 8-6-1945 D. 8-7-1945

Câu 150: Ở Châu Á, quân phiệt Nhật đã đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào:

- A. 13-8-1945 B. 14-8-1945 C. 15-8-1945 D. 16-8-1945

Câu 151: Phát xít Nhật đầu hàng thì quân Nhật ở Đông Dương cũng bị tê liệt, chính phủ tay sai thân Nhật- Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đây là thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta giành độc lập. Đó là hoàn cảnh vô cùng thuận lợi cho:

- A. Hưởng ứng chỉ thị “ Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
B. Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói.
C. Cao trào kháng Nhật cứu nước. D. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Câu 152: Tháng 8-1945 điều kiện khách quan bên ngoài rất thuận lợi, tạo thời cơ cho nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập, đó là:

- A. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường châu Âu.
B. Sự đầu hàng của phát xít Itali và phát xít Đức.
C. Sự tan rã của phát xít Đức và sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.
D. Sự thắng lợi của phe Đồng minh.

Câu 153: Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 13 đến 15-8-1945 ở đâu?

- A. Pắc Bó (Cao Bằng). B. Tân Trào (Tuyên Quang).
C. Bắc Sơn (Vũ Nhai). D. Phay Khắt (Cao Bằng).

Câu 154 : Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15-8-1945 đã quyết định vấn đề gì ?

- A. Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
D. Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

Câu 155. Đại hội Quốc dân được tiến hành theo Tân Trào (Ngày 16-8-1945) gồm những đại biểu thuộc các thành phần và các miền nào?

- A. Ba xứ thuộc đủ các giới, các đoàn thể, các dân tộc tiêu biểu ý chí và nguyện vọng của toàn dân.
B. Toàn thể các tầng lớp nhân dân.
C. Giai cấp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, tri thức cả nước.
D. Các đảng phái đoàn thể tổ chức mặt trận trong cả nước.

Câu 156. Các đại biểu đều nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 sắc lệnh của Việt Minh, lập Ủy Ban dân tộc giải phóng Việt Nam (tức chính phủ lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đó là quyết định của:

- A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15-8-1945).
B. Đại hội quốc dân tại Tân Trào (16-8-1945).
C. Đại hội Đảng lần thứ I ở Ma Cao (Trung Quốc) năm 1935.
D. Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ (4-1945)

Câu 157. Chiều ngày 16-8-1945 theo lệnh của ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào về giải phóng tỉnh nào?

- A. Giải phóng thị xã Cao Bằng. B. Giải phóng thị xã Thái Nguyên.
C. Giải phóng thị xã Tuyên Quang. D. Giải phóng thị xã Lào Cai.

Câu 158. “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ra mà giải phóng cho ta...” Đó là lời kêu gọi của?

- A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (16-8-1945)
B. Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn quốc nổi dậy khởi nghĩa.
C. Đại hội toàn quốc ở Tân Trào (16-8-1945).
D. Thư Hồ Chí Minh gửi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 159. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung của nghị quyết nào?

- A. Quyết định hội nghị TW đảng lần VII
B. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (15-8-1945).
C. Nghị quyết của Đại hội quốc dân ở Tân Trào.
D. Nghị quyết của Ban Thường vụ TW Đảng họp ngay đêm 9-3-1945.

Câu 160. “Đồng bào rầm rập kéo tới Quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Đại biểu Việt Minh đọc tuyên ngôn, chương trình của Việt Minh và kêu gọi nhân dân giành chính quyền. Bài hát tiến quân ca lần đầu tiên vang lên”. Đây là không khí từ cuộc mít tinh chuyển thành khởi nghĩa giành chính quyền ở:

- A. Hà Nội, Bắc Giang, Huế, Sài Gòn B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế. D. Hà Nội, Sài Gòn, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Câu 162. Tổng khởi nghĩa đã nhanh chóng thành công trong cả nước chỉ trong vòng 15 ngày?

- A. Từ ngày 13 đến 27-8-1945. B. Từ ngày 14 đến 28-5-1945.
C. Từ ngày 15 đến 29-5-1945. D. Từ ngày 16 đến 30-5-1945.

Câu 163. Niên đại nào có quan hệ trực tiếp với câu văn sau đây?

“Pháp chạy, Nhật đầu hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Nhân dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta đã đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”

- A. 19-8-1945. B. 23-8-1945. C. 30-8-1945. D. 2-9-1945.

Câu 164. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của cách mạng tháng Tám là gì?

- A. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đã đấu tranh kiên cường bất khuất.
B. Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mọi mặt trận thống nhất.
C. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

Có hoàn cảnh thuận lợi của Chiến tranh thế giới thứ 2: Hồng quân Liên Xô và Đồng Minh đã đánh bại phát xít Đức-Nhật.

ĐÁP ÁN

1C	2A	3B	4C	5A	6B	7D	8D	9B	10A	11B	12D	13A
14A	15D	16C	17B	18C	19D	20A	21B	22D	23B	24B	25B	26D
27C	28A	29C	30B	31D	32D	33A	34A	35B				
36	A,C,E,F,G,H: Đúng; B,D: Sai											
37C	38D	39B	40C	41D	42B	43A	44D	45B	46C	47B	48A	49A
50D	51A	52D	53C	54D	55A	56D	57B	58B	59C	60D	61A	62B
63D	64A	65B	66B	67C	68D	69D						
70	A, C, D, H : Đúng ; B, E, G : Sai.											
71	1: D, 2: E, 3: B, 4: A, 5: H, 6: C, 7: G.											
72B	73B	74C	75D	76A	77C	78D	79A	80B	81D	82B	83C	84D
85B	86D	87B	88D	89A	90C	91C	92B	93C	94B	95A	96C	97B
98A	99B	100D	101B	102A	103B	104B	105A					
106	1: C, 2: A, 3: D, 4: B, 5: E, 6: G, 7: I, 8: F, 9: J, 10: H.											
107B	108C	109D	110C	111A	112B	113A	114B	115C	116C	117C	118D	
119B	120B	121C										
122	1: C, 2: D, 3: A, 4: F, 5: G, 6: B, 7: E, 8: H.											
123B	124A	125B	126C	127B	128B	129A	130D	131C	132A	133B	134C	
135B	136C	137D	138D	139C	140C	141B	142C	143C	144A	145A	146B	
147B.	148	(1:C,2:E,3:G,4:A,5:B,6:D,7:E),149B,150B,151D,152C,153B,154D,155A,156B,157B,158D,159B,160 A,161B,162B,163D,164C)										

CHỦ ĐỀ IX: VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

I.TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Câu 1. Khó khăn nào lớn nhất đưa chính quyền cách mạng nước ta sau ngày 2-9-1945 vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

- A. Các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.
- B. Nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng .
- C. Âm mưu của Tưởng và Pháp.
- D. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

Câu 2. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Ngày 1-6-1946. Hà Nội
- B. Ngày 2-3-1946. Hà Nội
- C. Ngày 12-11-1946. Tân Trào – Tuyên Quang
- D. Ngày 20-10-1946. Hà Nội

Câu 3. Câu nào dưới đây thuộc lời Kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói?

- A. “Không một tấc đất bỏ hoang”
- B. “Tất đất, tất vàng”
- C. “Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”
- D. Tất cả các câu trên

Câu 4. Nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách của Chính phủ sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã hưởng ứng phong trào nào?

- A. “Ngày đồng tâm”
- B. “Tuần lễ vàng”
- C. “Quỹ độc lập”
- D. Câu B và C đúng

Câu 5. Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau đây:

- A. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.
- B. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 học viên.
- C. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 học viên
- D. Đến đầu tháng 3-1946, riêng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 học viên

Câu 6. Cao ủy Pháp ở Đông Dương trong thời kì từ cuối năm 1945 đến 1947 là ai?

- A. Lơ-cơ-léc
- B. Ba-lô-éc
- C. Đắc-giăng-li-ơ
- D. Rơ-ve

Câu 7. Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

- A. Ngày 2-9-1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực

dân Pháp xả súng bắn làm cho 47 người chết, và hiều người bị thương.

- B. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đánh trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ Sài Gòn.
C. Ngày 17-11-1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.
D. Ngày 18-12-1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng.

Câu 8. Trước ngày 6-3-1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?

- A. Hòa với Tưởng để đánh Pháp. B. Hòa với Pháp để đánh Tưởng.
C. Hòa với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng. D. Câu A và B đúng.

Câu 9. Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là gì?

- A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong Liên hiệp Pháp
B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp
C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam D. Câu A và B đúng

Câu 10. Tạm ước 14-9-1946, ta nhân nhượng cho Pháp quyền lợi trên nào?

- A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc
C. Một số quyền lợi về chính trị quân sự D. Một số quyền lợi về kinh tế và quân sự

Câu 11. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Tạm ước 14-9-1946 với Chính phủ Pháp tại đâu?

- A. Thành phố Đà Lạt B. Phông-ten-blô C. Pa-ri D. Thủ đô Hà Nội

Câu 12. Hãy điền các từ đúng vào các câu sau đây: “Bằng việc kí Hiệp định Sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9-1946, chúng đã đập tan âm mưu của.....để chống lại ta”.

- A. Đế quốc Mỹ cầu kết với Tưởng B. Đế quốc Pháp cầu kết với Tưởng
C. Tưởng cầu kết với Pháp D. Đế quốc Pháp cầu kết với Anh

Câu 13. Hãy chọn nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

A	B
Giải quyết khó khăn về kinh tế	“Tuần lễ vàng” Quỹ độc lập” “Ngày đồng tâm” Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất nhanh! Tăng gia sản xuất nữa!” Phát hành tiền giấy bạc Việt Nam (31-1-1946) Nhận tiêu tiền “Quan kim” “Quốc lệ” của Tưởng Thực hiện giảm tô 25% Khoán ruộng đất cho nông dân cấy cấy. Lập ngân hàng quốc gia Việt Nam
Giải quyết khó khăn về tài chính	

Câu 14. Hãy ghi nội dung của các sự kiện lịch sử cho phù hợp với thời gian cho sẵn dưới đây;

TT	Thời gian	Nội dung
1	23-9-1945	
2	6-1-1946	
3	6-3-1946	

Câu 15. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám phải đối phó với nhiều khó khăn như thế nào?

- A. Nạn đói, nạn dốt, giặc ngoại xâm
B. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng
C. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách trống rỗng, nạn ngoại xâm và nội phản
D. Nạn đói, nạn dốt, nội phản

Câu 16. Những thuận lợi cơ bản sau tháng 8-1945 ở nước ta?

- A. Nhân dân lao động đã giành chính quyền làm chủ, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng
- B. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa phụ thuộc
- C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hoàn thành, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển
- D. A,B và C đúng

Câu 17. Một số chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự,... thực sự là nhà nước của nhân dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:

- A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.
- B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945
- C. Tuyên bố độc lập 2-9-1945
- D. Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa I (6-1-1946)

Câu 18. Quốc hội khóa I (6-1-1946) đã bầu được:

- A. 333 đại biểu
- B. 334 đại biểu
- C. 335 đại biểu
- D. 336 đại biểu

Câu 19. Ngày 2-3-1946 Quốc hội họp phiên đầu tiên đã nêu lên vấn đề gì?

- A. Lập ra dự thảo hiến pháp đầu tiên của nước ta
- B. Xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
- C. Thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh dẫn đầu
- D. A, B và C đúng

Câu 20. Sự kiện nào trong năm 1945-1946 khẳng định chủ quyền dân chủ nhân dân được củng cố, nền móng của chế độ mới được xây dựng?

- A. Tổng tuyển cử cả nước 6-1-1946
- B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp
- C. Thành lập Ủy ban hành chính các cấp
- D. Câu A, B và C đúng

Câu 21. Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 khẳng định vấn đề gì?

- A. Thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân
- B. Xây dựng được chế độ mới hợp lòng dân
- C. Đất nước vượt qua khó khăn thử thách
- D. Câu A và B đúng

Câu 22. Ý nghĩa chính trị của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp?

- A. Tạo cơ hội pháp lý vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
- B. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới
- C. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc”
- D. Câu A và B đúng

Câu 23. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau cách mạng tháng Tám là gì?

- A. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản
- B. Giải quyết về vấn đề tài chính
- C. Giải quyết nạn đói, nạn dốt
- D. Giải quyết về nạn đói, nạn dốt và vấn đề về tài chính

Câu 24. Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp nào là quan trọng nhất?

- A. Lập hũ gạo tiết kiệm
- B. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói
- C. Tăng cường sản xuất
- D. Chia lại ruộng đất cho nông dân theo quy tắc công bằng và dân chủ

Câu 25. Ý nghĩa thắng lợi của công cuộc chống đói

- A. Thể hiện trách nhiệm “vì dân” của chính quyền mới
- B. Làm cho nhân dân càng phần khởi tin tưởng vào Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh
- C. Có điều kiện để đẩy mạnh sản xuất
- D. A và B đúng

Câu 26. Biện pháp nào quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám?

- A. Dựa vào lòng nhiệt tình yêu nước của nhân dân
- B. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam (31-1-1946)
- C. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (23-11-1941)
- D. Tiết kiệm chi tiêu

Câu 27. Chính sách nào do Chính phủ ban hành có thể thực hiện được ngay?

A. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày

- B. Chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ
C. Ra thông tư giảm tô D. Bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác

Câu 28. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ Vào ngày tháng năm nào?

- A. 7-3-1954 B. 8-9-1945 C. 9-9-1945 D. 10-9-1945

Câu 29. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện “Tuần lễ vàng” “Quỹ độc lập” nhằm mục đích gì?

- A. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước B. Quyên góp tiền, để xây dựng đất nước
C. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước D. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói

Câu 30. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam vào ngày tháng năm nào?

- A. 28-1-1946 B. 29-1-1946 C. 30-1-1946 D. 31-1-1946

Câu 31. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước ngày:

- A. 23-11-1946 B. 24-11-1946 C. 25-11-1946 D. 26-11-1946

Câu 32. Nhân dân ta đã vượt qua được những khó khăn to lớn, củng cố và tăng cường đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Đó là kết quả:

- A. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám
B. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám
C. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết về tài chính sau Cách mạng tháng Tám
D. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói và nạn đói

Câu 33. Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn đói và khó khăn về tài chính;

- A. Thể hiện được bản chất, tính ưu việt của chế độ mới
B. Cổ vũ động viên nhân dân ta quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ độc lập tự do vừa giành được
C. Chuẩn bị về mặt vật chất, tinh thần cho toàn dân tiến tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược
D. A, B và C đúng

II. ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ NỘI PHẢN BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

Câu 34. Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

- A. Bọn Việt quốc, Việt cách B. Đế quốc Anh
C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước D. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam

Câu 35. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đâu?

- A. Sài Gòn – Chợ Lớn B. Nam Bộ C. Trung Bộ D. Bến Tre

Câu 36. Lý do nào quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hòa hoãn với Tưởng để chống Pháp, khi thì hòa hoãn với Pháp để đuổi Tưởng

- A. Tưởng dung bọn tay sai Việt quốc, Việt cách để phá ta từ bên trong
B. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của Anh
C. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống 2 kẻ thù mạnh
D. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng

Câu 37. Bốn ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp mà Quốc hội nước ta đã nhường cho phái thân Tưởng đó những Bộ nào?

- A. Ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội B. Ngoại giao, kinh tế, giáo dục, xã hội
C. Ngoại giao, giáo dục, canh nông, xã hội D. Kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội

Câu 38. Lý do nào là cơ bản nhất để ta chủ trương hòa hoãn, nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị?

- A. Ta chưa đủ sức đánh 2 vạn quân Tưởng
B. Tưởng có bọn tay sai Việt quốc, Việt cách hỗ trợ từ bên trong
C. Tránh tình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù
D. Hạn chế việc Pháp và Tưởng cấu kết với nhau.

Câu 39. Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hạ hoãn nhân nhượng Pháp?

- A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn B. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó nhiều kẻ thù

C. Vì Pháp và Tưởng đã bắt tay cầu kết với nhau chống ta

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ

Câu 40. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hòa hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hòa hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

A. Quốc hội khóa I (2-3-1946) nhường cho Tưởng một số ghế trong quốc hội

B. B. Hiệp ước Hoa – Pháp (28-2-1946)

C. Hiệp ước sơ bộ Việt – Pháp (6-3-1946)

D. Tạm ước Việt – Pháp (14-9-1946)

Câu 41. Vì sao ta kí với Pháp hiệp ước sơ bộ 6-3-1946?

A. Lực lượng ta còn yếu so với Pháp, tránh đụng độ nhiều kẻ thù một lúc

B. Để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước

C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn củng cố và phát triển lực lượng cách mạng

D. A, B và C đúng

Câu 42. Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 mà chính phủ ta kí với Pháp là gì?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp

B. Chính phủ Pháp công nhận nước VNDCCH là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp

C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam

D. Chính phủ Pháp công nhận nước VNDCCH là một quốc gia độc lập, có chính phủ riêng, quân đội riêng, và nền tài chính riêng.

Câu 43. Việc kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 chứng tỏ;

A. Sự mềm dẻo của ta trong việc phân hóa kẻ thù

B. Đường lối chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta

C. Sự thỏa hiệp của Đảng ta và Chính phủ ta

D. Sự non yếu trong lãnh đạo của ta

Câu 44. Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 có lợi thực tế cho ta?

A. Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do

B. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp

C. Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ

Câu 45. Để đối phó với 2 kẻ thù Tưởng và Pháp, Đảng và Bác đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp. Chủ trương, biện pháp nào sau đây được xem là đau đớn nhất để cứu vãn tình hình?

A. Để tay sai Tưởng được tham gia quốc hội và chính trị

B. Đảng cộng sản Đông Dương tuyên bố giải tán (11-11-1945) sự thật là rút vào bí mật

C. Nhận tiêu tiền “Quan kim” “Quốc tệ” của Tưởng

D. Kí hiệp định sơ bộ 6-3-1946, đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế Tưởng

Câu 46. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-bloo (Pháp) không có kết quả?

A. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta

B. Thời gian đàm phán ngắn

C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao

D. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới

Câu 47. Tạm ước 14-9-1946 ta nhận hưởng cho Pháp một số vấn đề gì?

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc

C. Một số quyền lợi về chính trị, quân sự

D. Một số quyền lợi về kinh tế, quân sự

Câu 48. Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A

B

1. 6-1-1946

A. 20 vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc

2. 2-3-1946

B. Quốc hội khóa I họp phiên đầu tiên

3. Vĩ tuyến 16 trở ra

C. Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Bình dân học vụ

4. 8-9-1945

D. Tổng tuyển cử trong cả nước

5. 6-3-1946

E. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam

6. 6-9-1945

F. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam

7. 31-1-1946

G. Tạm ước 14-9-1946

8. 23-11-1946

H. Hiệp định sơ bộ

9. 14-9-1946

I. Pháp quay lại xâm lược

10. 23-9-1945

K. Quân Anh đến Sài Gòn

CHỦ ĐỀ X:

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ 1946-1954

Câu 49. Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

- A. Hội nghị Phông-ten-blo không thành công
- B. Pháp đánh chiếm Hải Phòng (27-11-1946), Pháp gây ra sự thảm sát ở Hà Nội (17-12-1946), Pháp gửi tối hậu thư (18-12-1946)
- C. Pháp đã kiểm soát thủ đô Hà Nội
- D. Tất cả đều đúng

Câu 50. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu từ lúc nào?

- A. Ngày 18-12-1946
- B. Đêm 19-12-1946
- C. Đêm 20-12-1946
- D. Ngày 22-12-1946

Câu 51. Hiệu lệnh kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp nổ ra đầu tiên ở đâu?

- A. Thái Bình
- B. Hải Phòng
- C. Hà Nội
- D. Thanh Hóa

Câu 52. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện trong các văn kiện lịch sử nào?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946)
- B. Chỉ thị ‘toàn dân kháng chiến’ của ban thường vụ TW Đảng 922-12-1946)
- C. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh
- D. Tất cả các văn kiện trên

Câu 53. Trong cuộc chiến đấu ở các đô thị, thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?

- A. Hải Phòng, Đà Nẵng
- B. Hải Phòng, Huế, Nam Định
- C. Hà Nội
- D. Vinh

Câu 54. Cuộc chiến đấu ở các đô thị diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ 19-12-1946 đến 2-1947
- B. Từ 19-12-1946 đến 10-1947
- C. Từ 19-12-1946 đến 12-1947
- D. Từ 19-12-1946 đến 8-1950

Câu 55. Vì sao ta phải thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?

- A. Ta cần có thời gian để chuẩn bị lực lượng
- B. Từ đầu của cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch
- C. Hậu phương của ta chưa vững chắc
- D. Tất cả các lý do trên

Câu 56. Chiến dịch Việt Bắc diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ 7-11 đến 19-12-1947
- B. Từ 7-10 đến 19-12-1947
- C. Từ 7-10 đến 20-12-1947
- D. Từ 16-8 đến 19-12-1947

Câu 57. Cánh quân đầu tiên Pháp tấn công lên Việt Bắc là cánh quân nào?

- A. Một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn
- B. Một binh đoàn lính thủy từ Hà Nội dọc theo sông Hồng, sông Lô lên Thái Nguyên rồi ụng về Bắc Cạn
- C. Một bộ phận từ Lạng Sơn đến Cao Bằng rồi vòng về Bắc Cạn
- D. Một bộ phận từ Thái Nguyên đánh lên Bắc Cạn

Câu 58. Điền các địa danh trong chiến dịch Việt Bắc vào chỗ trống trong câu sau đây: ‘Trên sông Lô, quân và dân ta phục kích tại.....’

- A. Khoan Bộ, Bông Lau
- B. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Bông Lau
- C. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau
- D. Đoan Bộ, Bông Lau, Khe Lau

Câu 59. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 là chiến dịch ta chủ động tấn công địch, đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 60. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

- A. “Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước”
- B. “Phòng ngự đồng bằng Bắc bộ”
- C. “Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”
- D. “Tập trung quân Âu Phi, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần 2”

Câu 61. Trong những năm 1947-1946, Đảng và Chính phủ ta đã có chủ trương gì để đối phó với những âm mưu và hành động của thực dân Pháp?

- A. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện
- B. Phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiếm
- C. Tạm thời rút vào hoạt động bí mật
- D. Câu B và C đúng

Câu 62. Cuộc biểu tình khổng lồ của 300.000 đồng bào ở Sài Gòn diễn ra vào thời gian nào?

- A. 9-1-1950 B.15-2-1950 C.19-3-1950 D.16-8-1950

Câu 63. Việc hoàn thành cơ bản thống nhất hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt vào thời gian nào?

- A. Năm 1948 B.Năm 1949 C.Năm 1950 D.Năm 1951

Câu 64. Chủ trương cơ bản của Đảng và Chính phủ trong những năm 1948-1950 trên lĩnh vực kinh tế là gì?

- A. Phát động phong trào thi đua ái quốc, đẩy mạnh sản xuất
B. Xây dựng kinh tế kháng chiến, tự cấp tự túc
C. Bảo vệ mùa màng D.Câu A và B đúng

Câu 65. Hãy điền những thời gian vào chỗ trống ở các câu sau đây cho thích hợp;

- A.Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc ra đời
B.Các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta
C.Ủy ban dân tộc giải phóng Cam-pu-chia thành lập
D.Chính ohur kháng chiến Lào ra đời

Câu 66. Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1950 là:

- A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 và thiết lập “Hành lang Đông Tây” (Hải Phòng, Hà Nội, Hải Phòng, Sơn La)
B. Xây dựng hệ thống phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung du
C. Lập phòng tuyến “boong ke” và vành đai trắng xung quanh Trung du và đồng bằng Bắc Bộ
D. Tất cả đều sai

Câu 67. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch

- Khai thông biên giới Việt – Trung
- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt - Bắc

Đó là 3 mục đích trong chiến dịch nào của ta?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 B.Chiến dịch biên giới thu đông 1950
C.Chiến dịch Hòa Bình – Tây Bắc – Thượng Lào D.Câu A và B đúng

Câu 68. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là chiến dịch thực dân Pháp chủ động đánh ta để thực hiện âm mưu tấn công lên Việt Bắc lần hai, đúng hay sai?

- A. Đúng B.Sai

Câu 69. Khẩu lệnh nào sau đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

- A. “Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc”
B. “Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược”
C. “Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng!” D. “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”

Câu 70. Từ lúc bùng nổ đến khi kết thúc chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, thời gian nào dưới đây là đúng?

- A. 16-9-1950 đến 22-10-1950 B.16-8-1950 đến 20-10-1950
C.16-8-1950 đến 22-10-1950 D.18-9-1950 đến 20-10-1950

Câu 71 Trận đánh nào có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

- A. Trận đánh ở Cao Bằng B.Trận đánh ở Đông Khê
C.Trận đánh ở Thất Khê D.Trận đánh ở Đình Lập

Câu 72. Kết quả lớn nhất mà quân dân ta giành được thắng lợi trong Biên giới thu - đông 1950 là:

- A. Ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ)
B. Tiêu diệt và bắt 8.300 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh
C. Giải phóng dải Biên giới Việt – Trung với chiều dài 750km từ Cao Bằng đến Đình Lập
D. Bộ đội ta đã phát triển với ba thứ quân

Câu 73. Điền các sự kiện cho phù hợp với thời gian đã cho sẵn sau đây;

Niên đại	Sự kiện
1-7-10-1947	A.....
2-9-10-1947	B.....
3-15-10-1947	C.....
4-19-12-1947	D.....

Câu 74. Điền vào chỗ trống trong các câu sau đây cho đúng:

- A. Theo kế hoạch của Pháp, Bắc cạ là điểm gặp nhau giữa.....để tạo nên gọng kìm toàn bộ mặt sau Việt Bắc
- B. Theo kế hoạch của Pháp, Đại Thi là điểm gặp nhau giữa.....
- C. Thu – đông 1947, quân Pháp bị tiêu hao nhiều sinh lực ở.....

Câu 75. Hành động nghiệm trọng trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước tiến công ta?

- A. Ở Nam Bộ và Trung Bộ, Pháp tập trung quân tiến công các cơ sở cách mạng
- B. Ở Bắc Bộ thực dân Pháp chiếm đánh Hải Phòng, Lạng Sơn
- C. Ở Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang
- D. Gửi tối hậu thư đòi chính phủ hạ vũ khí đầu hàng

Câu 76. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào thời điểm nào?

- A. Sáng 19-12-1946 B.Trưa 19-12-1946 C.Chiều 19-12-1946 D.Tối 19-12-1946

Câu 77. Vạch rõ nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh này là do chính sách xâm lược của thực dân Pháp, chính nghĩa thuộc về nhân dân ta , nên quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta là bảo vệ độc lập và chính quyền giành được. Nêu lên tính chất của cuộc kháng chiến, khẳng định niềm tin của dân tộc, đó là nội dung của văn kiện nào?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946)
- B. Bản chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Ban thường vụ TW Đảng
- C. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh D.Câu A và B đúng

Câu 78. Văn kiện nào trình bày đầy đủ nhất đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- B. Bản chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Ban thường vụ TW Đảng
- C. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh D.Câu A và B đúng

Câu 79. Đường lối kháng chiến của đảng ta là gì?

- A. Kháng chiến toàn diện
- B. Kháng chiến dựa vào sức mình à tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài
- C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và dựa vào sức mình là chính

Câu 80. Tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến biểu hiện ở điểm nào?

- A. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta. B.Mục đích cuộc khởi nghĩa của ta là chính nghĩa
- C.Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta. D.Chủ trương sách lược của Đảng ta

Câu 81. Tính chất nhân dân của cuộc kháng chiến của ta biểu hiện ở điểm nào?

- A. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta. B.Mục đích cuộc khởi nghĩa của ta là chính nghĩa
- C.Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta. D.Chủ trương sách lược của Đảng ta

Câu 82. Đường lối kháng chiến toàn diện của ta diễn ra trên các mặt trận: Quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao. Vậy chủ yếu là quyết định của mặt trận nào?

- A. Quân sự B.Chính trị C.Kinh tế D.Ngoại giao

Câu 83. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” là của ai?

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh B.Trường Chinh C.Phạm Văn Đồng D.Võ Nguyên Giáp

Câu 84. Nơi nào hưởng ứng “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh đầu tiên?

- A. Hà Nội B.Nam Định C.Huế D.Sài Gòn

Câu 85. Trung đoàn thủ đô được lệnh rút khỏi Hà Nội vào ngày nào?

- A. 15-2-1947 B.16-2-1947 C.17-2-1947 D.18-2-1947

Câu 86. Mục đích của cuộc chiến đấu của quần dân ta trong giai đoạn mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947) là gì?

- A. Để vây hãm địch, đảm bảo cho việc chuyển quân của ta
- B. Ta chủ động tiến công, bao vây, giam chân tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch
- C. Để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến D.A và B đúng

Câu 87. Ý nghĩa của cuộc chiến đấu của quần dân ta trong giai đoạn mở đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947)

- A. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta
- B. Giam chân địch trong các đô thị, tiêu hao nhiều sinh lực địch
- C. Đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân toàn diện

D. Tạo ra thế trận mới, đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới

Câu 88. Trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, thành phố nào đã bị địch chiếm lâu nhất?

- A. Hà Nội B. Nam Định C. Huế D. Đà Nẵng

Câu 89. Ta đã làm gì để tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài?

- A. Thực hiện một cuộc tổng di chuyển (cơ quan, máy móc...)
B. Tiến hành “Tiêu thổ kháng chiến”
C. Xây dựng lực lượng về mọi mặt (chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa) D. A, B và C đúng

Câu 90. Vì sao Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc?

- A. Phá căn cứ địa chính của cả nước, tiêu diệt cơ quan ddaud não kháng chiến của ta, khóa chặt biên giới Việt – Trung
B. Phá hậu phương kháng chiến, triệt phá đường tiếp tế
C. Giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc nhanh chiến tranh D. Câu A, B và C đúng

Câu 91. Thực dân Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay Ở Đông Dương, chia thành 3 cánh, mở cuộc tiến công:

- A. Bắc Cạn B. Lạng Sơn C. Cao Bằng D. Việt Bắc

Câu 92. Địch tấn công lên Việt Bắc vào ngày nào?

- A. 7-10-1947 B. 8-10-1947 C. 9-10-1947 D. 10-10-1947

Câu 93. “Ở hướng đông, ta phục kích chặn đánh địch nhiều trận trên đường số 4, cản bước tiến của chúng, tiêu biểu là trận đánh phục kích đường.....”

- A. Bản Sao, đèo Bông Lau B. Chợ Mới, chợ Đồn C. Đoan Hùng, Khe Lau D. Chiêm Hóa, Tuyên Quang

Câu 94. Chiến dịch Việt Bắc kết thúc ngày nào?

- A. 17-12-1947 B. 18-12-1947 C. 19-12-1947 D. 20-12-1947

Câu 95. Cuộc tiến công Việt Bắc của địch 1947 diễn ra trong mấy ngày?

- A. 55 ngày đêm B. 65 ngày đêm C. 75 ngày đêm D. 85 ngày đêm

Câu 96. Kết quả lớn nhất của quân và dân ta đạt được trong chiến dịch Việt Bắc là gì?

- A. Bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến của ta
B. Bộ đội của ta được trưởng thành lên trong chiến đấu
C. Loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch
D. Làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” buộc địch phải chuyển sang đánh lâu dài với ta

Câu 97. Thắng lợi đó đã chứng minh sự đúng đắn của đường lối kháng chiến của Đảng, là mốc khởi đầu sự thay đổi trong so sánh lực lượng có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Đó là ý nghĩa của cuộc chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Việt Bắc 1947 B. Chiến dịch Biên Giới 1950
C. Chiến dịch Tây Bắc 1952 D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954

Câu 98. Sau thắng lợi quân sự ở Việt Bắc (1947) thắng lợi tiếp theo có ý nghĩa to lớn đó là gì?

- A. Thắng lợi về kinh tế - chính trị B. Thắng lợi về chính trị - ngoại
giao C. Thắng lợi về ngoại giao – văn hóa giáo dục D. Thắng lợi về kinh tế - ngoại
giao

Câu 99. Chủ trương cải cách giáo dục phổ thông đầu tiên được chính ohr ban hành vào thời gian nào?

- A. 5-1950 B. 6-1950 C. 7-1950 D. 8-1950

Câu 100. Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ Việt Nam?

- A. Liên Xô B. Trung Quốc C. Lào D. Cam-pu-chia

Câu 101. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B:

A	B
---	---

1. 17-2-1947	A. Pháp gửi tối hậu thư cho chính phủ ta
2. 7-10-1947	B. Trung đoàn thủ đô được thành lập
3. 20-11-1946	C. Bác Hồ ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
4. 19-12-1946	D. Địch tấn công lên Việt Bắc
5. 19-12-1947	E. Chiến dịch Việt Bắc chấm dứt
6. Tối 19-12-1946	F. Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn
7. 14-1-1950	G. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng
8. 7-1950	

	<p>đặt quan hệ ngoại giao với các nước</p> <p>H. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra chủ trương cải cách giáo dục</p>
--	--

Câu 102. “Gấp rút tập trung quân Âu-Phi, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển nguy quân”. Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?

- A. Rơ-ve B.Na-va C.Đờ-lát-đơ Tát-xi-nhi D.Đờ-cát-Tơ-ri

Câu 103. Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng họp vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Từ 09 đến 19-2-1951. Tại Bắc Pó (Cao Bằng) B.Từ 10 đến 20-9-1951. Tại Hà Nội
C.Từ 10 đến 19-5-1951. Tại Tân Trào (Tuyên Quang) D.Từ 11 đến 19-2-1951. Tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang)

Câu 104. “Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp mĩ, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới”. Đó là nhiệm vụ được nêu ra trong văn kiện nào?

- A. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày
B. Báo cáo “Bàn về cách mạng Việt Nam” do tổng bí thư Trường Chinh trình bày
C. Tuyên ngôn của Đảng D.Chính cương và Điều lệ mới của Đảng

Câu 105. Đại hội lần thứ II của Đảng đã nêu rõ lực lượng của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân gồm các thành phần nào?

- A. Công dân, nông dân, tiểu tư sản B.Công dân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc
C.Công nhân, nông dân D.Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tiểu tư sản dân tộc và địa chủ

Câu 106. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần II quyết định đổi tên Đảng thành:

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương B.Đảng Lao động Việt Nam
C.Đảng Cộng sản Việt Nam D.Tất cả cùng đúng

Câu 107. Vì sao Đại hội lần II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

- A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng B.Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến
C.Đảng ta đã hoạt động công khai
D.Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam

Câu 108. Mặt trận Liên Việt ra đời vào thời gian nào?

- A. 19-2-1950 B.5-6-1951 C.3-3-1951 D.3-6-1951

Câu 109. Trong 7 anh hùng được chọn để biểu dương trong phong trào thi đua Ái quốc (1-5-1952), có anh hùng nào tham gia trong chiến dịch Biên giới Thu-đông 1950?

- A. Cù Chính Lan, Trần Đại Nghĩa B.La Văn Cầu
C.Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị D.Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh

Câu 110. Để thực hiện bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, năm 1953 Đảng và Chính phủ có chủ trương gì?

- A. Triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất
B. Thực hiện khai hoang với khẩu hiệu “Tắc đất tắt vàng”
C. Thực hành tiết kiệm D.Tất cả các chủ trương trên

Câu 111. Từ cuối năm 1950 đến giữa 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh địch ở Trung du và đồng bằng, đó là những chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18 và chiến dịch Hạ Bnh
B. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Đường số 18
C. Chiến dịch Trung du,, chiến dịch Đường số 18, và chiến dịch Hà – Nam – Ninh
D. Chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Hà Nam Định

Câu 112. Chiến dịch Hòa Bình diễn ra và kết thúc trong thời gian nào?

- A. Từ tháng 11-1950 đến tháng 2-1951 B.Từ tháng 11-1951 đến tháng 2-1952
C.Từ tháng 11-1951 đến tháng 2-1953 D.Từ tháng 11-1951 đến tháng 10-1952

Câu 113. Trong chiến dịch Tây Bắc, quân ta đã giải phóng được các tỉnh nào?

- A. Toàn bộ tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Sơn Châu
- B. Gần hết tỉnh Nghĩa Lộ, toàn bộ tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu
- C. Gần hết tỉnh Lai Châu, một phần tỉnh Nghĩa Lộ và Sơn La
- D. Gần hết các tỉnh Nghĩa Lộ, Sơn La, Lai Châu

Câu 114. Trong chiến dịch Thượng Lào, quân dân Việt-Lào đã giải phóng:

- A. Toàn bộ tỉnh Xiêng Khoảng, một phần tỉnh Sầm Nưa và Phong xa li
- B. Toàn bộ tỉnh Phong xa li, gần hết tỉnh Sầm Nưa và Xiêng Khoảng
- C. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phong xa li
- D. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, gần hết tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Phong xa li

Câu 115. Điền các niên đại vào các chiến dịch sau:

- A.Chiến dịch Trung du
- B.Chiến dịch Đường số 18
- C.Chiến dịch Hà Nam Định
- D.Chiến dịch Hòa Bình
- E.Chiến dịch Tây Bắc
- F.Chiến dịch Thượng Lào

Câu 116. Người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo được đặt tên cho chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Đường số 18
- B. Chiến dịch Hà Nam Định
- C. Chiến dịch Hòa Bình
- D. Chiến dịch Trung du

Câu 117. Lực lượng vũ trang của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, trong thời gian nào?

- A. Từ sau chiến dịch biên giới Thu-đông 1950 đến 1951-1953
- B. Từ sau chiến dịch Việt Bắc Thu-đông 1947 đến 1953
- C. Từ những năm 1953-1954
- D. Câu A và B đúng

Câu 118. Hãy cho biết tên của Đảng ta qua các thời kì cách mạng theo bảng kê sau đây.

Thời gian	Tên Đảng ta
2-3-1930	A.
2-10-1930	B.
3-2-1951	C.

Câu 119. Hãy nối các sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1-2-1951	A. Đại hội anh hùng và thi đua toàn quốc
2-3-1951	B. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Nam và Liên Việt
3-2-1952	C. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II

Câu 120. Nối danh hiệu ở cột A cho phù hợp với những người đduowccj biểu dương ở Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc ở cột B

A	B
1. Anh hùng lực lượng vũ trang	A. Ngô Gia Khâm
2. Anh hùng công nhân	B. Cù Chính Lao, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên
3. Anh hùng nông dân	C. Trần Đại Nghĩa
4. Anh hùng tri thức	D. Hoàng Hanh

Câu 121. Sau khi chiến dịch Biên giới Thu-đông 1950, quân dân ta giành những thắng lợi trên mặt trận quân sự. Hãy cho biết chiến dịch nào là thắng lợi lớn nhất?

- A. Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo)
- B. Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám)
- C. Chiến dịch Hà-Nam-Ninh (Quang Trung)
- D. Chiến dịch Hòa Bình
- E. Chiến dịch Tây Bắc
- F. Chiến dịch Thượng Lào

Câu 122. Bước vào Thu-đông 1950, tình hình thế giới và Đông Dương có ảnh hưởng gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta?

- A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc 1-10-1949, Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam

- B. Cuộc kháng chiến của Lào và Campuchia phát triển mạnh
- C. Pháp lệ thuộc Mỹ, Đế quốc Mỹ can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương
- D. Cả 3 ý trên đúng

Câu 123. Đến đầu năm 1950, cuộc kháng chiến của ta có nhiều thuận lợi, thuận lợi nào có liên quan nhiều nhất đối với chiến dịch Biên giới?

- A. 1-10-1949 nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời
- B. Đầu 1950, Trung Quốc, Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta
- C. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp lên cao
- D. Cuộc kháng chiến của Lào và Campuchia phát triển mạnh

Câu 124. Yếu tố nào sau đây là mối lo sợ nhất mà Pháp-Mĩ thực hiện âm mưu “khóa cửa biên giới Việt-Trung” thiết lập “Hành lang Đông Tây” chuẩn bị kế hoạch tấn công Việt Bắc lần thứ hai?

- A. 1-10-1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời
- B. Cuộc kháng chiến của Lào và Campuchia phát triển mạnh
- C. Phong trào phản đối chiến tranh Đông Dương của nhân dân Pháp lên cao
- D. Mĩ càng ngày can thiệp sâu và “dính líu trực tiếp” vào cuộc chiến tranh Đông Dương

Câu 125. Năm 1950 thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Rơ-ve nhằm mục đích gì?

- A. Mở cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc
- B. Cô lập căn cứ Việt Bắc
- C. Kháo cửa Biên giới Việt-Trung, thiết lập hành lang Đông Tây (từ Hải Phòng đến Sơn La)
- D. Nhận được viện trợ về tài chính và quân sự của Mĩ

Câu 126. Vì sao ta mở chiến dịch Biên giới 1950?

- A. Tạo điều kiện để thúc đẩy cuộc khởi nghĩa của ta tiến lên một bước
- B. Khai thông biên giới, con đường liên lạc quốc tế giữa ta và Trugn Quốc với các nước dân chủ thế giới
- C. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông biên giới Việt-Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa cách mạng
- D. Đánh bại kế hoạch Rơ-ve

Câu 127. Sau thất bại ở chiến dịch Việt Bắc (1947) thực dân Pháp quyết định mở chiến dịch Biên giới để cô lập căn cứ địa Việt Bắc đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 128. Chiến dịch Biên giới nổ ra vào thời gian nào?

- A. 15-9-1950
- B. 16-9-1950
- C. 17-9-1950
- D. 18-9-1950

Câu 129. Trong chiến dịch Biên giới, trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

- A. Đông Khuê
- B. Thất Khuê
- C. Phục kích đánh địch trên đường số 4
- D. Phục kích đánh địch từ Cao Bằng rút chạy

Câu 130. Kết quả lớn nhất của ta trong chiến dịch Biên giới 1950 là gì?

- A. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 quân địch
- B. Giải phóng vùng Biên giới Việt-Trung dài 750km từ Cao Bằng đến Đình Lập
- C. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc
- D. Kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản

Câu 131. Thắng lợi này chứng minh sự trưởng thành của quân đội ta và cuộc kháng chiến từ thế phòng ngự sang thế tiến công. Đó là ý nghĩa lịch sử của chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Việt Bắc 1947
- B. Chiến dịch Biên giới 1950
- C. Chiến dịch Tây Bắc 1952
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954

Câu 132. Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới, Pháp coa âm mưu gì mới?

- A. Nhận thêm viện trợ của Mĩ, tăng viện binh
- B. Đẩy mạnh chiến tranh, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất
- C. Bình định địa bàn mở rộng chiếm đóng
- D. Bình định kết hợp phản công và tiến công lực lượng của cách mạng

Câu 133. “Kế hoạch Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi” 12-1950 ra đời là kết quả của:

- A. Sự cấu kết của Pháp và Mĩ trong việc đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương

B. Sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ vào chiến tranh xam lược Đông Dương

C. Sự “dính líu trực tiếp” của Mỹ vào cuộc chiến tranh Đông Dương

D. Sự cứu vãn tình thế sa lầy trên chiến trường của Pháp

Câu 134. “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương” ngày 23-12-1950 được kí kết giữa:

A. Pháp và Nhật B.Pháp-Tướng Giới Thạch C.Mỹ và Pháp D.Mỹ và Nhật

Câu 135. Đại hội Đảng toàn quốc thứ lần II (2-1951) họp tại đâu?

A. Hương Cảng (Trung quốc) B.Ma Cao (Tring Quốc) C.Pắc Bó (Cao Bằng)

D.Chiêm Hóa (Tuyên Quang)

Câu 136. Lúc nào Đảng ta có quyết định tạm thời rút khỏi hoạt động bí mật?

A. 1930 B.1936 C.1945 D.1951

Câu 137. Lúc nào Đảng ta hoạt động công khai?

A. 1936 B.1939 C.1945 D.1951

Câu 138. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam trong Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại đại hội Đảng lần thứ II là gì?

A. Đánh đổ đế quốc phong kiến, làm cách mạng dân tộc dân chủ

B. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc

C. Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới

D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức

Câu 139. Ai được bầu làm Tổng bí thư của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ II?

A. Hồ Chí Minh B.Phạm Văn Đồng C.Trường Chinh D.Trần Phú

Câu 140. Đại hội lần thứ II của Đảng chứng tỏ điều gì?

A. Đảng ta ngày càng được tôi luyện và trưởng thành

B. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc

C. Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới

D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức

Câu 141. Là mốc đánh dấu bước trưởng thành của đảng trong quá trình lãnh đạo, đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Pháp, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”. Đó là ý nghĩa của câu:

A. Hội nghị thành lập Đảng (3-2-1950) B.Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10-1930)

C.Đại hội lần thứ I của Đảng (1935) D.Đại hội lần thứ II Của Đảng (2-1951)

Câu 142.Ngày 11-3-1951 Hội nghị Đại biểu của nhân dân ba nước Đông Dương đã thành lập tổ chức nào?

A. Liên minh Việt-Miên-Lào B.Mặt trận Việt-Miên-Lào C.Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào

D.Mặt trận thống nhất Việt-Miên-Lào

Câu 143. Để bồi dưỡng sức dân trước hết là sức dân, đầu 1953 Đảng và Chính phủ đã có chủ trương gì?

A. Chấn chỉnh chế độ thuế khóa

B. Cuộc vận động lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm

C. Xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp

D. Phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất

Câu 144. Tháng 11-1953 Hội nghị toàn quốc của Đảng thông qua vấn đề gì?

A. Cương lĩnh ruộng đất B.Luật cải cách ruộng đất

C.Quyết định cải cách ruộng đất ở vùng tự do D.Thực hiện giảm tô và đợt 1 cải cách ruộng đất

Câu 145. Từ tháng 4-1953 đến tháng 7-1954 ta đã thực hiện tất cả:

A. 4 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất B.5 đợt giảm tô

C.5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất D.4 đợt giảm tô

Câu 146. Từ năm 1951 đến 1952, về chính trị có sự kiện gì quan trọng nhất?

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951)

B. Đại hội thống nhất Việt Minh-Liên Việt (3-3-1951)

C. Hội nghị thành lập “liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào”

D. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ II (1-5-1952)

Câu 147. Trong kháng chiến chống Pháp trên mặt trận kinh tế Đảng và Chính phủ đã đề ra 1 cuộc vận động lớn về sản xuất và tiết kiệm được diễn ra trong thời gian nào?

- A. 1951 B.1952 C.1953 D.1954

Câu 148. Đại hội tổng kết, biểu dương thành tích thi đua yêu nước đã chọn được:

- A. 5 anh hùng B.6 anh hùng C.7 anh hùng D.8 anh hùng

Câu 149. Trong kháng chiến chống Pháp (1951-1953) để xây dựng hậu phương vững mạnh, sự kiện nào sau đây mang lại lợi ích cho nông dân trực tiếp và cụ thể nhất?

- A.Thành lập ngân hàng Quốc gia Việt Nam (1951)
B.Ban hành chính sách về thuế nông nghiệp (1951)
C.Phát hành đồng giấy bạc Việt Nam mới (1951)
D.Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hiện tiết kiệm (1952)

Câu 150. Đảng và Chính phủ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất vì nhiều lý do, lý do nào sau đây không đúng?

- A. Xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân
B. Thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”
C. Nông dân phấn khởi, ủng hộ cuộc kháng chiến
D. Vì giai cấp địa chủ là trở lực cho cuộc kháng chiến

Câu 151. Tên của nhà yêu nước và anh hùng dân tộc nào sau đây được dùng để đặt tên cho cuộc chiến dịch Trung Du (12-1950)

- A. Trần Hưng Đạo B.Hoàng Hoa Thám C.Quang Trung D.Ngô Quyền

Câu 152.Tháng 11-1951 địch mở chiến dịch Lô-tuyet (Hòa Bình) với âm mưu gì?

- A. Mở rộng địa bàn chiếm đóng B.Cô lập căn cứ địa Việt Bắc với liên khu III và IV
C.Giành thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ
D.Giành lại quyền chủ động, nối lại “Hành lang Đông Tây” chia cắt Việt Bắc với Liên khu III và IV

Câu 153. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hòa Bình?

- A. Ta giành được thế chủ động trên chiến trường B.Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc
C.Lực lượng của ta trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt
D.Căn cứ du kích của ta được mở rộng và nối liền nhau thành liên hoàn vững chắc

Câu 154. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B cho phù hợp:

A	B
1. 6-1950	A. Cách mạng Trung Quốc thành công
2. 2-1951	B. Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới
3. 1-10-1949	C. Kế hoạch rơ-ve bị phá vỡ
4. 23-12-1950	D. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II
5. 22-10-1959	E. “Kế hoạch Đơ-lat đơ Tat-xi-nhi”
6. 12-1950	F. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương
7. 12-1953	G. Thống nhất Việt Minh-Liên Việt
8. 11-1951	H. Thành lập “liên minh Việt-Miên-Lào”
9. 11-3-1951	I. Địch mở chiến dịch Hòa Bình
10.3-3-1951	K. Quốc hội thông qua luật cải cách ruộng đất

Câu 155. Na-va là một tên tướng tào của Mĩ được cử sang Đông Dương để làm cố vấn kiêm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, đúng hay sai?

- A. Đúng B.Sai

Câu 156. Hội đồng chính phủ và Hội đồng quốc phòng Pháp thông qua kế hoạch quân sự Na-va vào thời gian nào?

- A. Tháng 5-1953 B.Tháng 6-1953 C.Tháng 7-1953 D.Tháng 8-1953

Câu 157. Nội dung cơ bản trong bước I của kế hoạch quân sự Na-va là gì?

- A. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam
B. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc
C. Tấn công chiến lược hai miền Bắc-Nam D.Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc-Nam

Câu 158. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông Xuân 1953-1954?

- A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu

- C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán
D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong Đông-Xuân 1953-1954

Câu 159. Việc tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh có nằm trong kế hoạch ngay từ đầu của Na-va không?

- A. Có B. Không

Câu 160. Từ cuối năm 1953 đến đầu năm 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

- A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sê-nô, Luông-pha-băng
B. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Play-cu, Luông-pha-băng
C. Điện Biên Phủ, Thà Kệt, Play-cu, Luông-pha-băng
D. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Play-cu, Sầm Nưa

Câu 161. Khẩu hiệu mà ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

- A. “Tất cả cho chiếm địch được toàn thắng”
B. “Thà hi sinh tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ”
C. “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” D. Câu B và C đúng

Câu 162. Niên đại nào sau đây gắn với chiến dịch Điện Biên Phủ?

- A. 30-3 đến 26-4-1954 B. 30-3 đến 24-4-1954 C. 01-5 đến 5-7-1954 D. Tất cả các niên đại trên

Câu 163. Vì sao kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ ta thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật ?

- A. Vì địch không vận chuyển kịp B. Vì cách xa hậu cứ của địch
C. Vì địch bị tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn D. Tất cả các lý do trên

Câu 164. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: “Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như:.....của thế kỷ XX”.

- A. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa
B. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa
C. Một Bạch Đằng, một Gạch Râm-Xoài Mút, một Đống Đa
D. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa

Câu 165. Từ lúc Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc đến lúc những văn bản của hội nghị được kí kết mất khoảng thời gian bao lâu?

- A. 90 ngày B. 75 ngày C. 85 ngày D. 95 ngày

Câu 166. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong hiệp định Giơ-ne-vơ?

- A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia
B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình
C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7-1956
D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ

Câu 167. Trong các nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946-1954) nguyên nhân nào quyết định nhất?

- A. Có một đường lối chính trị, sự đúng đắn của Đảng
B. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng
C. Có hậu phương vững chắc
D. Có tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương

Câu 168. “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh...” Đó là câu nói của ai?

- A. Võ Nguyên Giáp B. Chủ tịch Hồ Chí Minh C. Trường Chinh D. Phạm Văn Đồng

Câu 169. Hãy nối niên đại và sự kiện lịch sử sau đây:

Niên đại	Sự kiện
1. 2-1947	A. Quân ta tấn công thị xã Lai Châu
2. 19-12-1947	B. Chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng

3. 15-10-1947	<p>“Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc”</p> <p>C. Đội tự vệ của ta rút khỏi các đô thị</p> <p>D. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Hội quốc dân Việt Nam</p> <p>E. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết</p> <p>F. Khai mạc hội nghị Giơ-ne-vơ</p> <p>G. Quân ta nổ súng đánh cụm cứ điểm Đông Khê</p> <p>H. Đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc</p> <p>I. Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất</p> <p>K. Na-va quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành lập đoàn cứ điểm</p>
4. 16-9-1950	
5. 3-3-1951	
6. 1-5-1952	
7. 10-12-1953	
8. 3-12-1953	
9. 26-4-1954	
10. 21-7-1954	

Câu 170. Nội sự kiện ở cột B cho phù hợp với nội dung ở cột A sau đây:

A	B
<p>1. Kế hoạch quân sự Na-va bước đầu bị phá sản</p> <p>2. Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn</p>	<p>A. Dịch phân tán lực lượng ở Đồng Bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ</p> <p>B. Dịch điều binh từ Bắc Bộ sang Trung Lào ứng chiến cho Sê-nô</p> <p>C. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ</p> <p>D. Dịch điều quân từ Bình-Trị-Thiên tăng cường cho Tây Nguyên</p> <p>E. Dịch tăng cường lực lượng cho Luông Prabang và Mường Sải</p>

Câu 171. Điền vào chỗ trống những câu sau đây nói về mục tiêu và các bước của kế hoạch Na-va?

- A. Với kế hoạch Na-va, Pháp hi vọng trong vòng 18 tháng sẽ.....
- B. Bước 1 của kế hoạch Na-va từ thu đông 1953-xuân 1954 sẽ.....
- C. Bước 2 của kế hoạch na-va là trong thời gian.....sẽ đưa quân ra Bắc thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quyết định

Câu 172. Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va?

- A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất Đông Dương
- B. Điện Biên Phủ cách xa hậu phương của ta
- C. Thực dân Pháp cho rằng bộ đội chủ lực của ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ
- D. Tất cả cùng đúng

Câu 173. Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch na-va?

- A. Lực lượng của Pháp suy yếu sau 8 năm tiến hành chiến tranh, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, gặp nhiều khó khăn về kinh tế, chính trị
- B. Tranh thủ sự viện trợ của Mỹ cho cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương
- C. Chiến tranh Triều Tiên kết thúc
- D. Tất cả các ý trên

Câu 174. Lý do chủ yếu nhất Pháp cử Na-va sang Đông Dương?

- A. Vì sau chiến tranh Triều Tiên, Mỹ muốn tăng cường can thiệp vào Đông Dương
- B. Vì Na-va được Mỹ chấp nhận
- C. Vì phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Pháp lên cao
- D. Sau 8 năm tiến hành chiến tranh Pháp sa lầy, vùng chiếm đóng bị thu hẹp coa nhiều khó khăn về kinh tế tài chính

Câu 175. Để thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp sử dụng lực lượng cơ động mạnh trên toàn chiến trường Đông Dương lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

- A. 44 tiểu đoàn
- B. 80 tiểu đoàn
- C. 84 tiểu đoàn
- D. 86 tiểu đoàn

Câu 176. Để thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp đã tập trung ở Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

- A. 40 tiểu đoàn
- B. 44 tiểu đoàn
- C. 46 tiểu đoàn
- D. 84 tiểu đoàn

Câu 177. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va:

- A. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ
- B. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định, “kết thúc chiến tranh trong danh dự”
- C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng
- D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh theo ý muốn

Câu 178. Để phá sản bước thứ nhất kế hoạch na-va, chủ trương nào sau đây của ta là cơ bản nhất?

- A. Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch buộc chúng phân tán lực lượng
- B. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phân tán lực lượng địch
- C. Phân tán lực lượng địch đến những nơi rừng núi hiểm trở
- D. Giam chân địch ở Điện Biên Phủ, Sê-nô, play-cu, Luông-pha-băng

Câu 179. Đông xuân 1953-1954 ta tích cực, chủ động tiến công địch ở 4 hướng nào sau đây?

- A. Việt Bắc, Tây Bắc, Đông Bắc Bộ, Thanh-Nghệ-Tĩnh
- B. Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào
- C. Tây Bắc, Hạ Lào, Trung Lào, Nam Lào
- D. Tây Bắc, Tây Nguyên, Hạ Lào, Thượng Lào

Câu 180. Hội nghị Bộ chính trị TW Đảng (9-1953) đề ra kế hoạch tác chiến Đông-Xuân (1953-1954) với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận nào?

- A. Chính trị và quân sự
- B. Chính diện và sau lưng địch
- C. Quân sự và ngoại giao
- D. Chính trị và ngoại giao

Câu 181. Phương châm chiến lược của ta trong Đông-Xuân 1953-1954 là gì?

- A. “Đánh nhanh, thắng nhanh”
- B. “Đánh chắc, thắng chắc”
- C. “Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng”
- D. “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”. “Đánh chắc thắng”

Câu 182. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động đối phó.. đó là phương hướng chiến lược của ta trong:

- A. Phá sản kế hoạch na-va
- B. Chiến dịch Tây Bắc
- C. Đông Xuân 1953-1954
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ

Câu 183. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 là gì?

- A. Làm thất bại âm mưu, kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng của Pháp
- B. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp-Mĩ
- C. Làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán và giam chân ở miền rừng núi
- D. Làm thất bại âm mưu bình định, mở rộng địa bàn chiếm đóng giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ của thực dân Pháp

Câu 184. Vì sao Pháp, Mĩ đánh giá Điện Biên Phủ là “Pháo đài bất khả xâm phạm”?

- A. Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương
- B. Đây là một hệ thống phòng ngự kiên cố
- C. Điện Biên Phủ được tập trung lực lượng đông, mạnh và trang bị vũ khí hiện đại
- D. A,B và C đúng

Câu 185. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là gì?

- A. Chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với ta
- B. Điện Biên Phủ là một đầu mối giao thông quan trọng, địch sử dụng lực lượng không quân để đánh ta
- C. Với địa thế hiểm trở, khó khăn, sẽ bất lợi cho sự tấn công của ta
- D. A,B và C đúng

Câu 186. Lý do nào sau đây không đúng khi nói về ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với thực dân Pháp?

- A. Ta cho rằng Điện Biên Phủ nằm trong kế hoạch dự định trước của Na-va
- B. Pháp cho rằng ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ
- C. Điện Biên Phủ có tầm quan trọng đối với miền Bắc Đông Dương

D. Quân ta có đủ điều kiện đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ

Câu 187. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được chia thành:

- A. 45 cứ điểm và 3 phân khu B. 49 cứ điểm và 3 phân khu C. 50 cứ điểm và 3 phân khu
D. 55 cứ điểm và 3 phân khu

Câu 188. Niên đại nào sau đây gắn với chiến dịch Điện Biên Phủ?

- A. 30-3 đến 26-4-1954 B. 30-3 đến 24-4-1954 C. 01-5 đến 5-7-1954. D. Tất cả các niên đại trên

Câu 189. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra trong bao nhiêu ngày?

- A. 55 ngày đêm B. 56 ngày đêm C. 60 ngày đêm D. 66 ngày đêm

Câu 190. Nơi nào diễn ra trận chiến đấu giằng co và ác liệt nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ:

- A. Cứ điểm Him Lam B. Sân bay Mường Thanh C. Đồi A1, C1 D. Sở chỉ huy Đờ-cat-xơ-ri

Câu 191. Điền vào ô trống những từ thích hợp cho đoạn viết sau:

“Trong toàn bộ cuộc tiến công.....(A).....đỉnh cao là.....(B)....., quân và dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 tên địch, giải phóng nhiều vùng đông dân ở đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ”

Câu 192. Kết quả lớn nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

- A. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu kéo dài chiến tranh của Pháp-Mĩ
B. Tiêu diệt và bắt sống 16200 tên địch, hạ 62 máy bay thu nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác của Pháp và Mĩ
C. Giải phóng 4000km đất đai và 4 vạn dân
D. Đập tan hoàn toàn kết hoạch Na-va, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao

Câu 193. Ý nghĩa cơ bản nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là gì?

- A. Thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu anh hùng, bất khuất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ
B. Được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX
C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
D. Cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên tự đấu tranh giải phóng mình

Câu 194. Vì sao kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ ta thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kĩ thuật của địch?

- A. Vì địch không vận chuyển kịp B. Vì cách xa hậu cứ địch
B. C. Vì địch bị tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn D. Tất cả lý do trên

Câu 195. Chiến thắng nào quyết định thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ?

- A. Chiến thắng Biên giới B. Chiến thắng Tây Bắc C. Chiến thắng Đông Xuân 1953-1954
D. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954

Câu 196. Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương họp từ ngày nào?

- A. Ngày 26-4-1954 B. Ngày 1-5-1954 C. Ngày 7-5-1954 D. Ngày 8-5-1954

Câu 197. Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc theo quyết định của hội nghị ngoại trưởng 4 nước nào?

- A. Mĩ, Anh, Pháp, Đức B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp
C. Liên Xô, Việt Nam, Lào, Campuchia D. Liên Xô, Mĩ, Pháp, Việt Nam

Câu 198. Tham dự hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương gồm có những nước nào?

- A. Mĩ, Anh, Pháp, Việt Nam, Liên Xô B. Liên Xô, Việt Nma, Lào, Mĩ, Pháp
C. Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam, Mĩ, Anh, Pháp
D. Liên Xô, Việt Nam, Lào, Campuchia, Mĩ, Pháp

Câu 199. Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận:

- A. Quyền được hưởng độc lập, tự do của các nước Đông Dương
B. Các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương
C. Quyền tổ chức tổng tuyển cử tự do
D. D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời

Câu 200. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

- A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự, kháng chiến đúng đắn

- B. Truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc
C. Có hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân
D. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương và sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới

Câu 201. Hãy nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B cho phù hợp:

A	B
1. 7-5-1953	A. Tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên
2. 9-1953	B. Ta mở 1 đợt tấn công địch ở Điện Biên Phủ
3. 20-11-1953	C. Tướng Đờ-catx-tơ-ri ra hàng
4. 2-1954	D. Đợt tấn công thứ 3 ở Điện Biên Phủ bắt đầu
5. 13-3-1954	E. Na-va được cử làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương
6. 26-4-1954	F. Na-va cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ
7. 1-5-1954	G. Kết thúc đợt 2 chiến dịch Điện Biên Phủ
8. 8-5-1954	H. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết
9. 21-7-1954	I. Hội nghị Giơ-ne-vơ được khai mạc
10. 17 giờ 30 ngày 7-5-1954	K. Hội nghị Bộ chính trị TW Đảng

ĐÁP ÁN

1C,2B,3C,4D,5B,6C,7B,8A,9B,10A,11C,12B,13(1B,C,G,2A,D)

14. A.Thực dân pháp đánh úp trụ sở ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố SG,mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần 2

B.Tổng tuyển cử bầu quốc hội trong cả nước với hơn 90% cử tri đi bầu và bầu được 333 đại biểu

C.Chính phủ ta ký với đại diện chính phủ pháp bản hiệp định sơ bộ

15C,16D,17D,18A,19D,20D,21D,22D,23D,24C,25D,26A,27D,28B,29A,30D,31A,32D,33D,34B,35

A,36C,37 A,38C,39C,40B,41D,42B,43 A,44D,45B,46 A,47 A,

48 (1D,2B,3 A,4C,5H,6K,7E,8F,9G,10 I) ,49B,50B,51C,52D,53C,54 A,55D,56B,57

A,58C,59B,60C,61B,62C,63C,64D,

65(A:1/10/1949,B: 1/1950,C:6/1950,D:8/1950),66 A,67B,68 A,69C,70 A,71B,72 A,

73: A.Thực dân pháp huy động 12000 quân ,mở cuộc tấn công lên Việt Bắc

B.Binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ từ HN ngược sông Hồng ,sông Lô đánh lên Tuyên Quang bao vây Việt Bắc

C.Ban thường vụ trung ương Đảng ra chỉ thị “phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc pháp”

D.Đại bộ phận quân pháp phải rút khỏi Việt Bắc

74: A.Giữa binh đoàn bộ binh hành quân theo đường số 4 và nhảy xuống Bắc Cạn

B.Giữa binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy từ HN theo đường sông Hồng lên và binh đoàn bộ binh theo số đường 4

C.Ở Bắc Cạn,Đoan Hùng ,Bông Lau

75D,76D,77 A,78C,79D,80B,81 A,82 A,83B,84 A,85C,86D,87C,88 A,89D,90D,91D,92 A,93

A,94C,95C,96D,97 A,98B,99C,100B ,101(1B,2D,3F,4 A,5E,6C,7G,8H),102C,103D,104

A,105B,106B,107D,108C,109B,110 A,111C,112B,113 A,114C

115: A.25/12/1950 đến 17/1/1951 ,B.30/3/-7/4/1951

C.28/5/1951-20/6/1951 D.10/11/1951-23/2/1952

E.10/1952-12/1952 F.4/1953

116D,117 A,118: A.3/2/1930 Đảng cộng sản VN ra đời

B.2/10/130 Đảng cộng sản Đông Dương

C.3/2/1951 Đảng lao động VN

119(1C,2B,3 A),120(1B,2 A,3D,4C) ,121D,122D,123 A,124 A,125C,126C,127B,128B,129

A,130D,131B,132B,133 A,134C,135D,136C,137D,138C,139C,140D,141D,142C,143D,144 A,145C,146

A,147B,148C,149B,150D,151 A,152D,153D

154 (1B,2D,3 A,4F,5C,6E,7K,8 I,9H,10G) ,155B,156C,157 A,158B,159B,160B,161C,162

A,163C,164D,165C,166B,167 A,168B

169 (1C,2I,3B,4H,5D,6K,7 A,8L,9F,10E)

170 (1 A,B,D,E,2C)

171 : A .chuyển bại thành thắng

B.Giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc ,tiến công chiến lược
miền Nam C.từ mùa thu 1954

172D,173D,174D,175C,176B,177B,178 A,179B,180B,181D,182C,183C,184D,185D,186
A,187B,188 A,189B,190C

191: A.Chiến cuộc Đông Xuân 1953-
1954 B.Chiến dịch ĐBP

192D,193 A,194C,195D,196D,197B,198C,199B,200 A

201 (1E,2K,3F,4 A,5B,6G,7D,8I,9H,10C)